



CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN

2023

MỤC LỤC

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

01

PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

02

PHẦN 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội Công ty

03

PHẦN 4: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

04

PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

05

PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023

- Báo cáo tài chính kiểm toán Hợp nhất năm 2023
- Báo cáo tài chính kiểm toán riêng năm 2023

06



01

THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

TÊN GIAO DỊCH

Tên Công ty bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

Tên Công ty bằng tiếng Anh: **LAM DONG MINERALS AND BUILDING MATERIALS JOINT STOCK COMPANY**

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

5800391633 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 28/05/2023 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 11/10/2023.

VỐN ĐIỀU LỆ

200.000.000.000 đồng

MÃ CỔ PHIẾU: LBM

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 20.000.000

Địa chỉ: Số 87 Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Số điện thoại: 0263 3828 127

Số fax: 0263 3554 065

Website: www.lbm-vn.vn

Email: lbm@lbm-vn.vn

Sàn giao dịch: HSX

Logo: 



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tháng 12/1999, Cổ phần hóa một đơn vị trực thuộc tại huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng thành công ty cổ phần Hiệp Thành với vốn điều lệ 12,6 tỷ đồng, trong đó Công ty Vật liệu xây dựng Lâm Đồng nắm giữ 58,4% vốn điều lệ. Đến hiện tại, LBM đang nắm giữ 94,39% vốn điều lệ tại công ty TNHH Gạch Hiệp Thành (Công ty CP Hiệp Thành chuyển đổi loại hình doanh nghiệp năm 2017).

Ngày 20/12/2006, Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

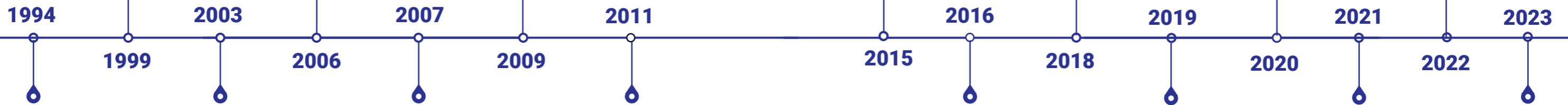
Công ty phát hành cổ phiếu ra công chúng và tăng vốn điều lệ lên 85 tỷ đồng.

Ngày 24/08/2015, thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng tại Đắk Nông.

Giải thể Chi nhánh Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng tại Đắk Nông.

Tháng 12/2020, Thành lập trạm bê tông công suất 90m³/h và đấu nối thành công dự án điện mặt trời công suất 1MWp tại Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

Thành lập Chi nhánh Công ty gồm: Xí nghiệp Hiệp Lực 1, Xí nghiệp Hiệp Lực 2, Xí nghiệp cung ứng nguồn nguyên vật liệu. Thành lập Công ty TNHH LBM Tân Phú với vốn điều lệ 30 tỷ đồng. Thực hiện Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu, nâng vốn điều lệ lên 200 tỷ đồng.



Công ty Vật liệu xây dựng Lâm Đồng (tiền thân của LBM) được thành lập theo Quyết định số 981/QĐ-UB, ngày 18/11/1994 của UBND tỉnh Lâm Đồng với nguồn vốn kinh doanh 1,5 tỷ đồng.

Công ty Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng thực hiện cổ phần hoá theo Quyết định số 35/2003/QĐ-UB, ngày 17/3/2003 của UBND tỉnh Lâm Đồng với vốn điều lệ 10 tỷ đồng. Đến quý 4 năm 2004, tăng vốn điều lệ lên 20 tỷ đồng. Các chi nhánh Công ty gồm: Xí nghiệp Sứ Hiệp An; Xí nghiệp Gạch ngói Tuynel Thạnh Mỹ, Xí nghiệp Hiệp Tiến, Xí nghiệp Đá Cát.

Công ty phát hành cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ lên 41,36 tỷ đồng và đổi tên thành Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng (LBM).

Ngày 01/10/2011, Công ty thành lập Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Hiệp Thịnh Phát tại thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng, sở hữu 100% vốn điều lệ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Hiệp Thịnh Phát.

Ngày 23/8/2016, thành lập Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Bê tông LBM Đắk Nông tại huyện Đắk R' Lấp, tỉnh Đắk Nông.

Công ty phát hành cổ phiếu ra công chúng và nâng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng.

Trạm bê tông thứ 3 tại tỉnh Đắk Nông với công suất 180m³/h đi vào hoạt động, nâng tổng công suất của Công ty TNHH MTV LBM Đắk Nông lên 360m³/h.

Thành lập Công ty TNHH Một thành viên LBM Lộc Sơn với vốn điều lệ 30 tỷ đồng.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

STT	TÊN NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH	Mã ngành, nghề kinh doanh
1	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
2	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
3	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
4	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
5	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
6	Xây dựng nhà để ở	4101
7	Xây dựng nhà không để ở	4102
8	Phá dỡ	4311
9	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
10	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ dịch vụ nổ mìn)	4312
11	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663 (Chính)
12	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
13	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
14	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
15	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225

STT	TÊN NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH	Mã ngành, nghề kinh doanh
16	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng).	6810
17	Bốc xếp hàng hóa (Trừ dịch vụ xếp dỡ container thuộc các dịch vụ hỗ trợ vận tải biển)	5224
18	Cho thuê xe có động cơ	7710
19	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
20	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
21	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ (Loại trừ chế biến gỗ tròn, gỗ rừng tự nhiên)	1610
22	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
23	Sản xuất đồ gỗ xây dựng (Chi tiết: Sản xuất đồ gỗ chủ yếu dùng trong ngành xây dựng)	1622
24	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ	3100
25	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự	4649
26	Bán lẻ đồ điện gia dụng giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh.	4759

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

CÁC SẢN PHẨM CHÍNH VÀ KHU VỰC KINH DOANH

Công ty cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng hoạt động sản xuất kinh doanh gồm 04 nhóm sản phẩm chính (i) Vật liệu xây dựng, (ii) Vật liệu chịu lửa, (iii) Cao lanh, (iv) Sản phẩm khác. Các sản phẩm và dịch vụ của Công ty đều đạt được tiêu chuẩn ISO 9000-2001 do tổ chức BVQI cấp giấy chứng nhận, đáp ứng được yêu cầu chất lượng của khách hàng trong và ngoài nước.

CÁC SẢN PHẨM CHÍNH

Nhóm sản phẩm vật liệu Xây dựng

- Bê Tông thương phẩm:



LBM đang dẫn đầu thị trường bê tông tươi tại tỉnh Lâm Đồng, hiện đang mở rộng và phát triển tại tỉnh Đắk Nông và một số vùng lân cận. Công ty có công nghệ sản xuất bê tông thương phẩm ở mức tiên tiến, liên tục đầu tư mở rộng từ năm 2013. Địa bàn hoạt động rộng khắp các huyện, thành phố thuộc tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Đắk Nông, có khả năng cung cấp liên tục 1.500m³/ngày đêm. Năm 2018, LBM đã phát triển sản phẩm bê tông chất lượng cao - bê tông tự lèn, là giải pháp cho kết cấu phức tạp của các công trình hiện đại. Bê tông tự lèn được áp dụng cho các kết cấu cốt thép dày đặc, hình vòm, vỏ mỏng, kết cấu cần bề mặt hoàn thiện đẹp. Năm 2022, Công ty đã đầu tư mới 1 trạm trộn bê tông 180m³/h tại Đắk Nông. Với nguồn nguyên liệu là đá ve do chính công ty sản xuất, LBM đủ khả năng cung cấp các loại bê tông mác cao, đáp ứng yêu cầu của các công trình lớn. Hiện nay, Công ty đã thực hiện các dự án mở rộng trạm trộn bê tông tại Tam Bố Di Linh, Huyện Tân Phú - Tỉnh Đồng Nai, KCN Lộc Sơn - Thành phố Bảo Lộc và Nhân Cơ - Đắk Nông.

Khu vực kinh doanh chính: tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Đắk Nông.

- Đá Xây dựng:



LBM sở hữu và có quyền khai thác 3 mỏ đá trên địa bàn TP. Đà Lạt, huyện Đức Trọng và TP. Bảo Lộc. Công nghệ sản xuất đá với hệ thống dây chuyền hiện đại với công nghệ nghiền VSI và hệ thống sàng, sản xuất được đá ve kích thước từ 5mm đến 20mm bên cạnh các hệ nghiền PSDU, búa đập thủy lực (thay cho phương pháp phá đá quá cỡ bằng nổ mìn) nâng cao năng suất và chất lượng đá. Sản phẩm đá xây dựng của LBM phục vụ cho xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp, giao thông, đáp ứng yêu cầu cốt liệu khi sản xuất bê tông Mác cao. Nhằm đáp ứng nhu cầu về đá sạch của các công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, LBM đang triển khai đầu tư mỏ đá mới ở Lâm Đồng để phục vụ nhu cầu sản xuất của Công ty.

Khu vực kinh doanh chính: tỉnh Lâm Đồng

Nhóm sản phẩm vật liệu Xây dựng

- Gạch ngói Tuynen:



Gạch ngói Tuynen được sản xuất theo công nghệ tiên tiến với hệ thống lò nung sấy tuynel tại nhà máy Hiệp Thành - Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành. Công ty cũng đã đầu tư 15 tỷ đồng (năm 2008) vào dây chuyền sản xuất gạch tại Xí nghiệp Thạnh Mỹ nâng công suất lên gấp đôi. Các sản phẩm gạch, ngói, gạch trang trí của LBM với tiêu chuẩn đạt chất lượng cao, phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 16:2017/BXD.

Khu vực kinh doanh chính: tỉnh Lâm Đồng

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

CÁC SẢN PHẨM CHÍNH

Nhóm sản phẩm vật liệu chịu lửa

- Gạch chịu lửa:



Gạch chịu lửa được sử dụng rộng rãi trong việc xây dựng lò công nghiệp trong ngành luyện kim, sản xuất xi măng, thủy tinh, gốm sứ... Sản phẩm gạch chịu lửa ngoài các hình dáng thông thường, LBM còn sản xuất, cung cấp nhiều chủng loại với hình dáng, kích thước và kỹ thuật theo yêu cầu cụ thể của khách hàng. Sản phẩm sản xuất và đạt tiêu chuẩn theo TCCS 09/2013/LBM-GCL.

Khu vực kinh doanh chính: tỉnh Lâm Đồng

- Ống Sứ chịu nhiệt và vật liệu chịu lửa định hình



LBM là nhà cung cấp các Sản phẩm Ống Sứ chịu nhiệt và vật liệu chịu lửa định hình có nhiều ứng dụng trong các ngành công nghiệp đúc, cơ khí, luyện kim. Sản phẩm chịu nhiệt do LBM sản xuất được xuất khẩu đi nhiều thị trường như Hàn Quốc, Thái Lan, Malaysia, Indonesia...

Sản phẩm sản xuất và đạt tiêu chuẩn theo TCCS 08/2013/LBM-OSHA.

Khu vực kinh doanh chính: Hàn Quốc, Indonesia, Thái Lan, Malaysia, Việt Nam

Nhóm sản phẩm cao lanh

- Cao lanh HTK các loại, Cao lanh DQK:



Công ty đã đầu tư 19 tỷ đồng cho công nghệ chế biến cao lanh tại Xí nghiệp Hiệp Tiến. Đây là công nghệ tiên tiến ở Việt Nam hiện nay. Hệ thống phân ly hạt được nhập từ Vương quốc Anh (năm 2005), Đài Loan, Trung Quốc (2004 - 2005), cho ra các sản phẩm cao lanh chất lượng cao thay thế một phần cho cao lanh nhập khẩu từ các nước khác trong khu vực. Sản phẩm cao lanh của LBM đang được xuất khẩu đi các thị trường trong khu vực Đông Nam Á, Hàn Quốc và Nhật Bản.

Sản phẩm được sử dụng dùng làm xương cho ngành công nghiệp gốm sứ dân dụng, gạch ceramic, granite, chất độn trong sơn nước... với chất lượng sản phẩm tốt, đáp ứng nhu cầu về nguyên liệu phục vụ cho các ngành gốm sứ dân dụng, gạch men, vật liệu chịu lửa.

Khu vực kinh doanh chính: Hàn Quốc, Nhật Bản, Việt Nam

Nhóm sản phẩm Bentonite

- Bentonite:



Sản phẩm Bentonite được sản xuất tại nhà máy Bentonite- Di Linh bằng dây chuyền công nghệ hiện đại, với công suất 7.500 tấn bentonite/năm. Chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu sử dụng trong nhiều ngành công nghiệp khoan địa chất, xây dựng, phân bón, hóa chất, môi trường...

Khu vực kinh doanh chính: Việt Nam

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

LBM tự hào đã góp phần trong sự thành công của các công trình, dự án của Quý khách hàng và đối tác. Chúng tôi đảm bảo và cam kết chỉ cung cấp các sản phẩm chất lượng cao theo yêu cầu của khách hàng.



KHÁCH SẠN ĐÀ LẠT PLAZA LÊ ĐẠI HÀNH



KHÁCH SẠN DẦU KHÍ VIETSOPETRO



**NHÀ GA VÀ CẦU CẢNG
SÂN BAY LIÊN KHƯƠNG**



BỆNH VIỆN HOÀN MỸ



KHÁCH SẠN HÙNG VƯƠNG



QUẢNG TRƯỜNG LÂM VIÊN



BƯU ĐIỆN TRUNG TÂM TP. ĐÀ LẠT



BẢO TÀNG LÂM ĐỒNG



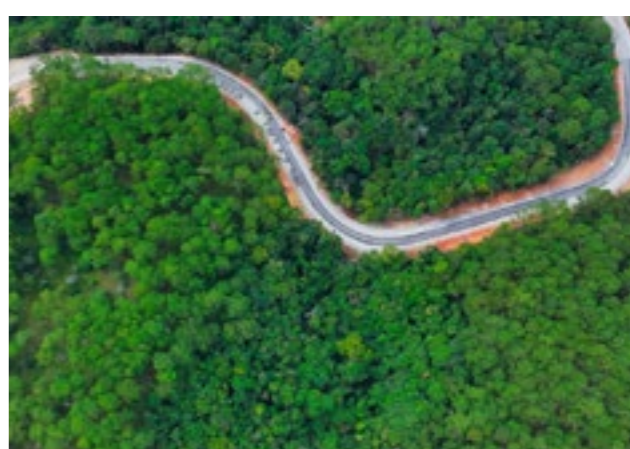
BẾN XE LIÊN TỈNH PHƯƠNG TRẠNG



TRƯỜNG ĐẠI HỌC YERSIN ĐÀ LẠT



KHÁCH SẠN NGỌC LAN



ĐÈO PRENN

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU



TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI CHỢ ĐÀ LẠT



KHÁCH SẠN LASAPINETTE PHAN CHU TRINH



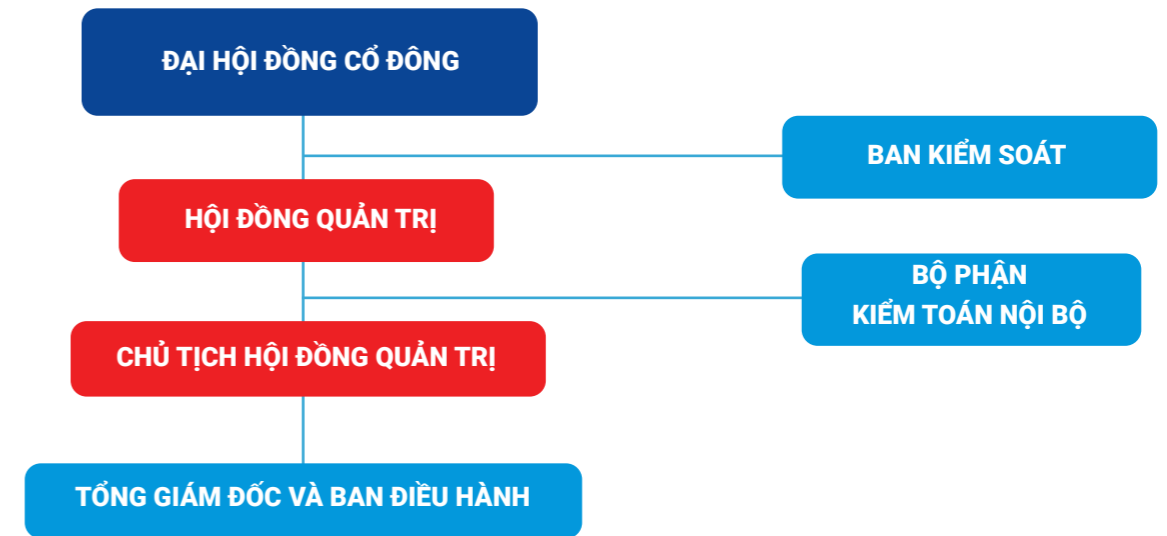
KHÁCH SẠN MERPERLE

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

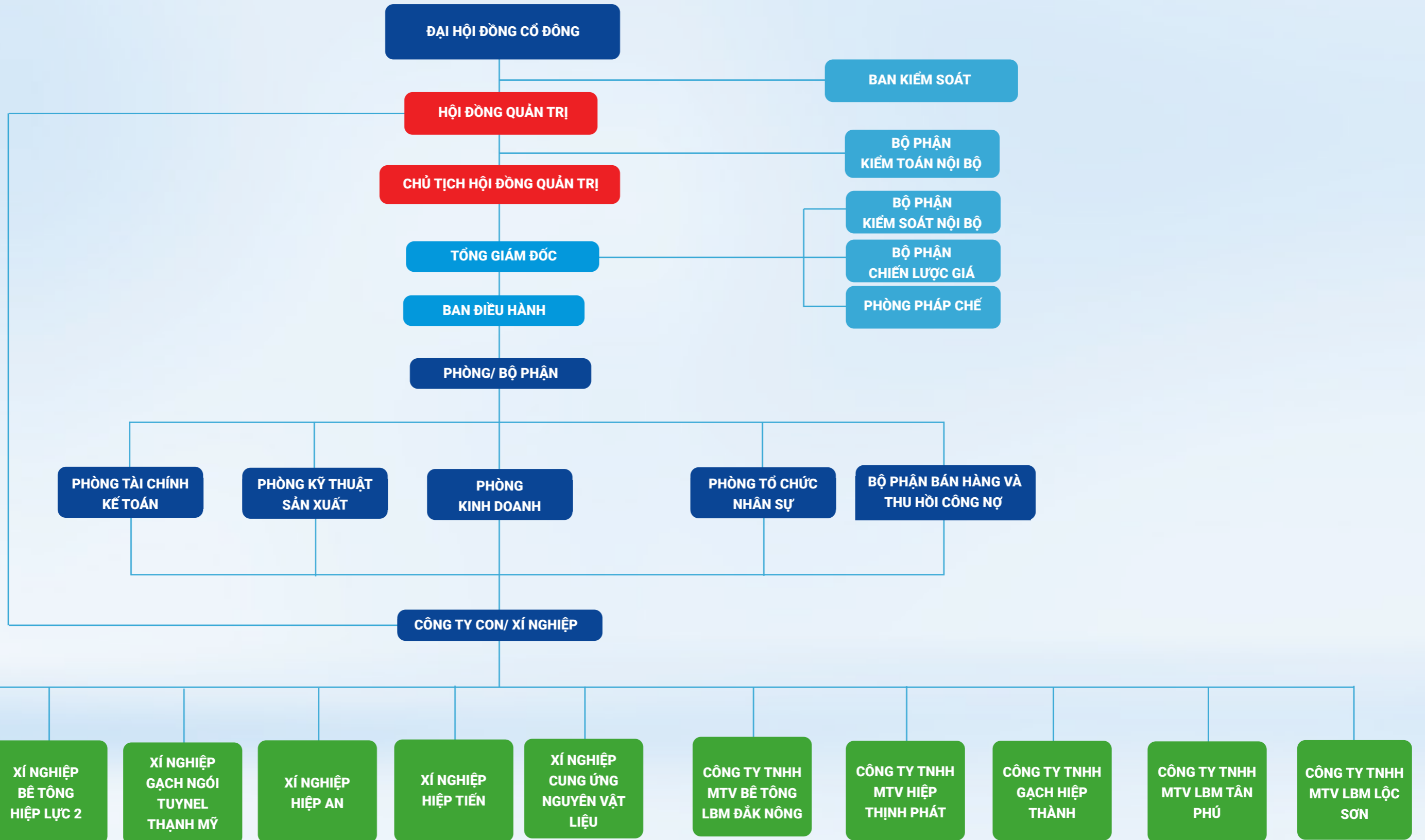
Mô hình quản trị công ty cổ phần theo điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14:

- » **Đại hội đồng cổ đông:** Cơ quan có thẩm quyền cao nhất trong Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.
- » **Hội đồng quản trị (HĐQT):** Cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT; HĐQT của LBM gồm 07 thành viên.
- » **Ban kiểm soát (BKS):** Cơ quan thay mặt Cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty; BKS của LBM gồm 03 thành viên.
- » **Ban Tổng Giám đốc (TGD):** Với sự trợ giúp của Ban điều hành, TGD sẽ chịu trách nhiệm điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của LBM trên cơ sở tuân thủ quyết định, nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và Chủ tịch HĐQT.



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

CÔNG TY CON

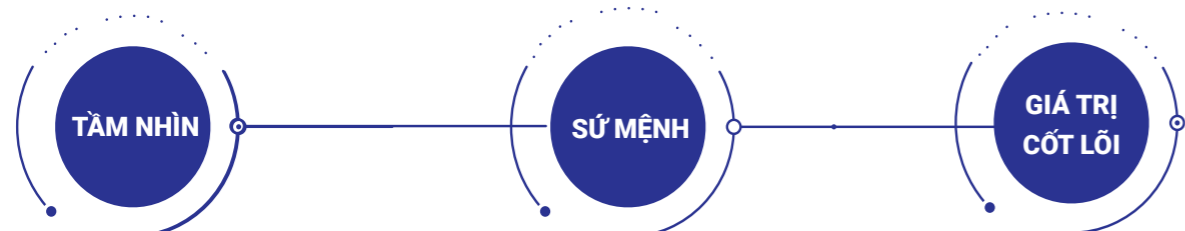
STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	VĐL thực góp (đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Công ty
1	Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Thôn Hiệp Thành, xã Tam Bồ, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	12.600.000.000	94,39%
2	Công ty TNHH Một thành viên Hiệp Thịnh Phát	87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	5.000.000.000	100%
3	Công ty TNHH MTV Bê Tông LBM Đắk Nông	Thôn 12, xã Nhân Cơ, Huyện Đắk R'Lấp, Tỉnh Đắk Nông.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	50.000.000.000	100%
4	Công ty TNHH Một thành viên LBM Tân Phú	Thửa đất 239, 289 TĐB số 23, ấp Phú Hợp B, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	30.000.000.000	100%
5	Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn	Khu Công nghiệp Lộc Sơn, phường Lộc Sơn, TP Bảo Lộc, Lâm Đồng	Sản xuất và kinh doanh bê tông	30.000.000.000	100%

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

STT	Tên Công ty	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ
1	Xí nghiệp Hiệp An	Kinh doanh ống sứ chịu nhiệt, bột Samốt, các sản phẩm sau nung và cao lanh	Quốc lộ 20, xã Hiệp An, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.
2	Xí nghiệp Gạch Ngói Tuynen Thanh Mỹ	Kinh doanh gạch xây dựng và ngói các loại	Nghĩa Lập, xã Thanh Mỹ, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.
3	Xí nghiệp Hiệp Tiến	Kinh doanh cao lanh	Phường Lộc Tiến, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.
4	Xí nghiệp Bê tông Hiệp Lực 1	Kinh doanh bê tông thương phẩm, đá xây dựng các loại, dịch vụ vận chuyển và bơm bê tông thương phẩm	87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.
5	Xí nghiệp Bê tông Hiệp Lực 2	Kinh doanh bê tông thương phẩm, đá xây dựng các loại, dịch vụ vận chuyển và bơm bê tông thương phẩm	87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.
6	Xí nghiệp Cung ứng nguyên vật liệu	Vận chuyển nguyên vật liệu	87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

TẦM NHÌN – SỨ MỆNH – GIÁ TRỊ CỐT LÕI



Trở thành công ty đa ngành hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực khai thác khoáng sản, sản xuất và cung cấp vật liệu xây dựng.

Thấu hiểu và đáp ứng thị trường với các sản phẩm chất lượng cao và dịch vụ chuyên nghiệp.

- » Thành thật
- » Thành tâm
- » Tri ân



MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY



- Đặt mục tiêu trở thành nhà cung ứng hàng đầu các loại bê tông tươi, gạch, đá xây dựng, vật liệu chịu lửa, cao lanh và bentonite ở Việt Nam và nhiều nước trên thế giới.
- Chủ động tìm kiếm những giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thị trường để nâng cao hiệu quả bán hàng. Tiếp tục tăng cường công tác bán hàng, triển khai các phương án để cạnh tranh phù hợp với thị trường
- Tìm kiếm, khảo sát, đánh giá chất lượng để đầu tư mở rộng nguồn nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất, kinh doanh.
- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn để tận dụng tối đa nguồn vốn cho các hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh. Đồng thời đảm bảo tính công khai trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.
- Tiếp tục đầu tư trang bị máy móc thiết bị xe bồn hiện đại để đảm bảo chất lượng sản phẩm và chất lượng dịch vụ, triển khai tiếp các hạng mục đầu tư tại Di Linh, Bảo Lộc, Tân Phú và Đắk Nông.
- Sử dụng hệ thống công nghệ, máy móc, trang thiết bị tiên tiến cũng như luôn đảm bảo các máy móc thiết bị hoạt động tốt, chú trọng công tác bảo dưỡng, bảo trì, nhằm sản xuất những sản phẩm chất lượng cao với mức giá cạnh tranh.
- Tăng cường kiểm soát chi phí sản xuất, kiểm soát chất lượng đầu vào cũng như sản phẩm đầu ra.
- Khách hàng là ưu tiên hàng đầu, LBM luôn cố gắng đem lại sự hài lòng cho khách hàng với những sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Tiếp tục xây dựng và mở rộng công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản với công nghệ tiên tiến, phù hợp với điều kiện của Việt Nam, tăng cường hiệu suất thu hồi khoáng sản và độ sâu chế biến khoáng sản. Công ty luôn chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm bằng cách cải tiến công nghệ, nghiên cứu và phát triển sản phẩm, kiểm tra và kiểm soát chất lượng.
- Giữ vững thương hiệu của Công ty trên thị trường sản xuất vật liệu xây dựng bằng cách đảm bảo uy tín và chất lượng sản phẩm thông qua công nghệ hiện đại. Luôn cập nhật và áp dụng các tiêu chuẩn, quy định và chứng nhận về chất lượng sản phẩm của các cơ quan quản lý nhà nước.
- Xác định rõ vai trò, trách nhiệm, quyền hạn của các cấp quản lý và nhân viên, tạo ra một cơ cấu tổ chức khoa học, minh bạch và linh hoạt, nhằm đảm bảo hiệu quả phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh của LBM.
- Thực hiện các nghiên cứu địa chất, địa vật lý, địa hóa và địa sinh để xác định tiềm năng và giá trị của các nguồn mỏ. LBM cũng tham gia vào các hoạt động khảo sát, thăm dò, định giá và mua bán các quyền khai thác mỏ, nhằm đầu tư mở rộng vùng nguyên liệu phục vụ sản xuất.

- Cân đối nguồn thu và chi, để tối ưu hóa lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro. Nâng cao năng lực tài chính để đảm bảo nền tảng tài chính vững chắc, chủ động về nguồn vốn đầu tư để hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và phát triển.
- Cải thiện năng lực và hiệu quả quản lý doanh nghiệp, tăng cường hiệu quả kinh doanh bằng quy mô kinh doanh và cải tiến chất lượng sản phẩm.
- Nâng cao năng lực tài chính để đảm bảo nền tảng tài chính vững mạnh, chủ động về nguồn vốn đầu tư để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả.
- Góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương và quốc gia bằng cách đóng thuế, tạo việc làm, tạo thu nhập, tạo giá trị gia tăng... Nâng cao năng suất lao động cho người lao động bằng cách cải thiện điều kiện làm việc, đào tạo và bồi dưỡng, khen thưởng,...
- Tiếp tục tạo nguồn nhân sự đáp ứng được công việc tương lai và bố trí nhân sự tham gia các khóa học nhằm đào tạo nâng cao năng lực làm việc.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA CÔNG TY

ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

- Công ty luôn tuân thủ quy tắc an toàn tuyệt đối trong hoạt động khai thác khoáng sản. Không lạm dụng hóa chất độc hại trong sản xuất kinh doanh.
- LBM cam kết bảo vệ môi trường bằng cách đảm bảo công tác xử lý chất thải theo đúng quy định, hạn chế sử dụng những nguyên vật liệu có thành phần độc hại, ưu tiên sử dụng nguồn nguyên vật liệu xanh, các sản phẩm tái chế để giảm thiểu sự tiêu thụ nguồn năng lượng.
- Để doanh nghiệp thành công lâu dài trong định hướng xanh hóa nền công nghiệp, LBM khuyến khích sử dụng năng lượng hiệu quả và hợp lý tại nơi làm việc.



MỤC TIÊU ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

- LBM luôn có ý thức trách nhiệm cộng đồng, duy trì, bảo vệ lợi ích, chia sẻ đóng góp cho cộng đồng và xã hội. Công ty cũng đề cao mối quan hệ với cộng đồng địa phương thông qua việc tích cực tham gia, hưởng ứng các công tác xã hội, hoạt động từ thiện, hỗ trợ chính quyền địa phương.
- Mở rộng cơ hội việc làm, tập trung hỗ trợ người lao động thuộc dân tộc thiểu số và nâng cao thu nhập chung cho cộng đồng. Đảm bảo an sinh xã hội cho người lao động, đặc biệt là những người có hoàn cảnh khó khăn. Định hướng phát triển an sinh xã hội linh hoạt và bền vững cho lao động địa phương.
- Công ty luôn quan tâm đến yếu tố con người, do đó LBM chủ động thực hiện các chương trình đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên; Xây dựng môi trường làm việc thân thiện và bình đẳng. LBM thực hiện đầy đủ trách nhiệm về lương, thưởng, đảm bảo thu nhập và đời sống tinh thần, sức khỏe của cán bộ công nhân viên.
- Doanh nghiệp duy trì mối quan hệ đối tác hiệu quả, dựa trên tinh thần tôn trọng, coi trọng tài đức và bình đẳng, tính toàn diện, đa dạng.

CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Năm 2023 là một năm nhiều biến động của nền kinh tế, khiến toàn thế giới tiếp tục đối mặt với cuộc chiến chống lạm phát và tình trạng tăng trưởng thấp kéo dài. Tuy nhiên đến nay, lạm phát toàn cầu có xu hướng hạ nhiệt sau thời gian các nước đồng loạt tăng lãi suất để kiềm chế lạm phát. Tính đến tháng 12/2023, các Ngân hàng Trung ương thế giới đã tăng lãi suất 37 lần với hơn 1.175 điểm cơ bản để chống lạm phát (theo Hãng tin Reuters thống kê). Bên cạnh đó, xung đột chính trị ở nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt từ Nga-Ukraine đến Israel-Hamas tác động tiêu cực đến quá trình phục hồi kinh tế toàn cầu. Hệ quả cho thấy thương mại toàn cầu giảm 5% so với năm ngoái (theo Hội nghị Liên hợp quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD)).

Trong khi FED liên tục tăng lãi suất để kiềm chế lạm phát, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) thực hiện chính sách nới lỏng tiền tệ để thúc đẩy tăng trưởng GDP. Theo Tổng cục Thống kê Việt Nam, GDP năm 2023 tăng 5,05% so với năm trước. Dù áp lực lạm phát rất lớn nhưng sau đó đã giảm dần, bình quân cả năm 2023 lạm phát ở mức 3,25%, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.

Tuy nhiên, sự ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế và chính trị toàn cầu có tác động tiêu cực đến ngành khoáng sản do sự suy giảm của tổng cầu, lạm phát cao, chính sách tiền tệ thắt chặt, xung đột quân sự và bất ổn chính trị trên thế giới.

LBM hoạt động trong lĩnh vực khai thác khoáng sản, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng nên luôn chịu tác động từ nền kinh tế. Do đó, trước bối cảnh kinh tế, chính trị thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng biến động khó lường, bên cạnh những thuận lợi, Doanh nghiệp sẽ còn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Để ứng phó với tình huống này, Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng cần luôn nhạy bén với những biến động của nền kinh tế trong nước và quốc tế, tránh tâm lý chủ quan để có thể ứng phó kịp thời với các rủi ro có thể xảy ra. Đồng thời, Công ty cũng theo dõi sát sao các yếu tố vĩ mô như tình hình kinh tế - chính trị, thị trường tài chính,... và các yếu tố vi mô như tình hình cạnh tranh, nhu cầu của khách hàng... để đưa ra những đánh giá, điều chỉnh và ứng phó kịp thời với những biến động có thể xảy ra, nhằm đạt được những chương trình, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được ĐHCĐ đề ra.

RỦI RO THỜI TIẾT

Công ty Cổ phần Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác và vận chuyển khoáng sản, đặc biệt là cao lanh, sét, bentonite... Do hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu diễn ra tại các khu vực đồi núi, nhiều dốc, nên thời tiết và tình hình thảm họa tự nhiên luôn là những yếu tố tiên quyết cần được Ban lãnh đạo LBM quan tâm hàng đầu.

Trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt như mưa lớn, lũ lụt, bão, sạt lở đất... các hoạt động khai thác, vận chuyển khoáng sản sẽ gặp nhiều khó khăn, thậm chí phải tạm dừng hoặc ngừng hoạt động, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Theo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng, tỉnh này có lượng mưa luôn cao hơn trung bình cả nước. Mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 11, lượng mưa trung bình từ 1.750-3.150 mm/năm. Tính đến tháng 7/2023, trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đã liên tiếp xảy ra các loại hình thiên tai, chủ yếu là mưa lớn kéo dài, kèm theo lốc xoáy, sạt lở đất. Trong đó có 10 trận mưa lớn, 1 trận mưa đá, 6 trận lốc xoáy, 5 vụ sạt lở đất, gây thiệt hại lớn về người và tài sản. Mưa lớn, lốc xoáy, sạt lở đất là những loại hình thiên tai thường xuyên xảy ra tại Lâm Đồng, đặc biệt là trong mùa mưa. Nguyên nhân do Lâm Đồng là tỉnh có địa hình đồi núi,

dốc cao chiếm 50%, kết cấu đất yếu, thảm thực vật bị suy giảm... Điều này làm chậm tiến độ khai thác các mỏ và ảnh hưởng đến năng suất lao động của công nhân trực tiếp sản xuất, nhất là tại các công trường khai thác và vị trí làm việc ngoài trời.

Là doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, LBM đã và đang triển khai nhiều biện pháp nhằm ứng phó với các yếu tố thời tiết và tình hình thảm họa tự nhiên để đảm bảo an toàn lao động cũng như hiệu quả cho hoạt động kinh doanh, Công ty thực hiện lưu trữ dự phòng nguyên liệu sản xuất cho cả năm trong mùa nắng, dự phòng nguyên liệu mua từ các nhà cung cấp khác trong trường hợp thời tiết xấu, khảo sát địa hình trước khi vận chuyển hàng hóa, hoãn hoặc dừng lịch cấp bê tông nếu địa hình không an toàn. Bên cạnh đó, LBM cũng thường xuyên đào tạo, tập huấn cán bộ, công nhân viên để nâng cao khả năng ứng phó với các rủi ro thiên tai có thể xảy ra, nhằm đảm bảo an toàn lao động và hiệu quả cho hoạt động kinh doanh tránh được những tổn thất cho doanh nghiệp.

CÁC RỦI RO

RỦI RO CHÍNH SÁCH

LBM là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh. Do đó, doanh nghiệp chịu sự điều chỉnh của luật và các văn bản dưới luật, bao gồm Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Nghị định 155... Ngoài ra, Công ty còn chịu sự ảnh hưởng từ các Thông tư, Nghị định, văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực khai thác khoáng sản như – Luật Khoáng sản, Luật Bảo vệ môi trường,...

Những năm gần đây, với mục tiêu nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam đến năm 2025, Bộ Tài chính và các cơ quan ban ngành đã, đang và sẽ rà soát, nghiên cứu các cơ chế, chính sách và quy định pháp lý nhằm sửa đổi, bổ sung kịp thời, đảm bảo phù hợp với tình hình phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam và quốc tế, từng bước đạt được các tiêu chí đánh giá nâng hạng, cũng như mang đến sự minh bạch, thuận lợi cho các doanh nghiệp Việt Nam. Do đó, bất kỳ sự thay đổi nào cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của LBM nếu doanh nghiệp không kịp thời cập nhật chính sách mới.

Để giảm thiểu tối đa rủi ro chính sách ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và uy tín doanh nghiệp, LBM luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, có bộ phận chuyên trách theo dõi, chủ động cập nhật những thay đổi văn bản pháp luật, để kịp thời điều chỉnh cơ chế vận hành của doanh nghiệp phù hợp.

RỦI RO VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG

Ngành khai thác khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng là một ngành đặc thù, đòi hỏi người lao động phải có sức khỏe tốt, kỹ năng nghề nghiệp cao và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn lao động. Một số đặc điểm của ngành như:

- » Sử dụng nhiều máy móc, thiết bị hạng nặng: các máy móc này có kích thước lớn, trọng lượng nặng, hoạt động với công suất cao. Nếu không được vận hành, bảo dưỡng, sử dụng đúng cách có thể gây mất an toàn lao động.
- » Hoạt động trong môi trường làm việc khắc nghiệt: Người lao động thường xuyên phải làm việc trong môi trường bụi bặm, tiếng ồn lớn, thời tiết nắng nóng, ẩm ướt, ... Điều kiện này gây ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần của người lao động, tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây mất an toàn lao động.

LBM luôn chú trọng đến công tác an toàn lao động, nhằm hạn chế tối đa rủi ro và tai nạn lao động. Công ty đã triển khai các biện pháp như:

- » Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo nâng cao chuyên môn vận hành máy móc, thiết bị và phương tiện vận chuyển cho công nhân. Điều này giúp công nhân vận hành máy móc, thiết bị một cách an toàn, hiệu quả.
- » Các quy trình sản xuất của Công ty được thiết kế, xây dựng dựa trên các tiêu chuẩn an toàn lao động. Các quy trình này được cập nhật thường xuyên để phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp.
- » Toàn bộ công nhân của Công ty đều được trang bị đầy đủ trang bị bảo hộ lao động phù hợp với từng vị trí làm việc. Các trang bị này giúp bảo vệ người lao động khỏi các nguy cơ mất an toàn lao động.
- » Công ty thường xuyên tổ chức huấn luyện các quy định về an toàn lao động, các biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, ... Đảm bảo công nhân luôn nắm vững kiến thức và tuân thủ đúng quy định an toàn lao động.

Những biện pháp trên đã góp phần nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành các quy định về an toàn lao động của người lao động, giảm thiểu tối đa rủi ro và tai nạn lao động tại LBM.

RỦI RO VỀ NGUYÊN VẬT LIỆU

Về nguồn nguyên liệu đầu vào, LBM hiện đang chủ yếu sử dụng nguồn nguyên liệu từ các vùng nguyên liệu do Công ty quản lý và đang khai thác. Hiện nay, các mỏ nguyên liệu đang có quyền khai thác của LBM tại Lâm Đồng như Mỏ đá Cam Ly, Mỏ đá N'hol Hạ, và Mỏ đá Tây Đại Lào. Ngoài ra, Công ty đang làm thủ tục xin gia hạn cấp phép khai thác cho Mỏ đá Lộc Tân và Mỏ cao lanh Đa Quý. Việc khai thác các nguồn nguyên liệu đặt ra nhiều thử thách cho LBM vì lĩnh vực khai thác khoáng sản là một lĩnh vực có tính cạnh tranh cao về chất lượng và mỏ nguyên liệu. Bên cạnh đó, Chính phủ Việt Nam đang có những thay đổi về chính sách đối với hoạt động khai thác khoáng sản cùng với Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng thông qua chủ trương về việc điều chỉnh thời gian khai thác của các mỏ đá xây dựng trên địa bàn thành phố Đà Lạt, để giảm thiểu tác động của hoạt động khai thác đá, bảo vệ môi trường. Điều này ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Do đó, các doanh nghiệp cần nắm bắt và tuân thủ các quy định mới để đảm bảo hoạt động khai thác được hợp pháp và hiệu quả.

Để chủ động về nguồn nguyên liệu, Công ty đã và đang triển khai các kế hoạch khai thác hiệu quả các nguồn nguyên liệu hiện có để đảm bảo đáp ứng nhu cầu sản xuất của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Công ty đang thực hiện các thủ tục xin gia hạn cấp phép khai thác đối với Mỏ Cao lanh Lộc Tân, Mỏ Cao lanh Đa Quý để nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh, liên tục khảo sát thăm dò các nguồn mỏ mới để mở rộng nguyên liệu đầu vào; LBM cũng đang đầu tư vào công nghệ khai thác hiện đại để nâng cao hiệu quả khai thác và giảm thiểu tác động đến môi trường. Nhờ những biện pháp này, LBM từng bước nâng cao khả năng chủ động về nguồn nguyên liệu, đảm bảo kế hoạch phát triển của doanh nghiệp.

CÁC RỦI RO

RỦI RO CẠNH TRANH

Trong những năm gần đây, thị trường vật liệu xây dựng Việt Nam đang có sự phát triển mạnh mẽ với sự tham gia của ngày càng nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước. Các doanh nghiệp này có tiềm lực tài chính mạnh mẽ, công nghệ hiện đại và các sản phẩm đa dạng, phong phú, đảm bảo chất lượng hơn. Điều này đã tạo ra sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp trong ngành. Trong lĩnh vực vật liệu xây dựng, các doanh nghiệp cạnh tranh với nhau về giá cả, chất lượng sản phẩm, dịch vụ khách hàng, thương hiệu,... Trong lĩnh vực khai thác khoáng sản, các doanh nghiệp cạnh tranh với nhau về quyền khai thác mỏ, nguồn nguyên liệu, công nghệ khai thác,...

LBM là một trong những doanh nghiệp đầu ngành trong lĩnh vực vật liệu xây dựng tại Việt Nam. Với gần 30 năm kinh nghiệm hoạt động, LBM đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong việc xây dựng chiến lược phù hợp, đa dạng hóa các dòng sản phẩm và xây dựng chính sách bán hàng phù hợp với nhu cầu phong phú của khách hàng.

Để giữ vững thị trường và tiếp tục phát triển nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, LBM đã triển khai đồng bộ nâng cao chất lượng sản phẩm, cải tiến công nghệ sản xuất và thiết kế, tạo ra những sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn, đầu tư máy móc thiết bị để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. LBM chú trọng đến việc đa dạng hóa các sản phẩm và dịch vụ của mình để đáp ứng nhu cầu khác nhau của các đối tượng khách hàng. Công ty hiện đang cung cấp đa dạng các sản phẩm vật liệu xây dựng, bao gồm: bê tông, đá xây dựng, gạch xây dựng, bentonite,... Bên cạnh đó, LBM cũng đầu tư vào quảng bá thương hiệu và xây dựng mối quan hệ khách hàng lâu dài thông qua việc đáp ứng đầy đủ nhu cầu và yêu cầu của khách hàng, đảm bảo chất lượng sản phẩm và dịch vụ tốt nhất. Ngoài ra, LBM đã xây dựng hệ thống chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp, sẵn sàng giải đáp mọi thắc mắc và hỗ trợ khách hàng nhanh chóng, kịp thời.

RỦI RO KHÁC

Doanh nghiệp không chỉ phải đối mặt với những rủi ro thường gặp như thị trường biến động, đối thủ cạnh tranh,... mà còn có thể phải đối mặt với những rủi ro bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh,... Những rủi ro này nếu xảy ra có thể gây ra thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Do đó, việc giảm thiểu tác động của các rủi ro bất khả kháng là một trong những nhiệm vụ quan trọng của Công ty. Theo đó, LBM thường xuyên theo dõi, nắm bắt kịp thời các thông tin, luôn chủ động xây dựng kế hoạch dự phòng cho các tình huống thiên tai, dịch bệnh; Tích lũy nguồn lực tài chính, vật chất để phục hồi hoạt động sau khi rủi ro xảy ra,... Từ đó giúp hạn chế tối đa các tổn thất có thể xảy ra.



02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty



HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

NĂM 2023

TRONG NĂM 2023, MẶC DÙ CHỊU ẢNH HƯỞNG CHUNG TỪ TÌNH HÌNH KINH TẾ KHÓ KHĂN, BẢN THÂN DOANH NGHIỆP CHỊU SỰ CẠNH TRANH GAY GẮT, NHƯNG LBM VẪN NỖ LỰC ĐỂ HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH ĐHCĐ ĐỂ RA VÀ Củng cố THƯƠNG HIỆU TRÊN THỊ TRƯỜNG TẠI KHU VỰC

Bất động sản trầm lắng khi nhu cầu nhà ở sụt giảm và tồn tại nhiều vướng mắc pháp lý. Bên cạnh đó, mưa bão trên địa bàn tỉnh khiến cho việc xây dựng các công trình dự án tại Lâm Đồng, Đắk Nông,... sụt giảm, dẫn đến sản lượng tiêu thụ bê tông, gạch sụt giảm so với cùng kỳ năm trước. Nhờ việc Công ty kiểm soát và cắt giảm các chi phí như: Giá vốn hàng bán (giảm 25,11%, tương đương giảm 214,04 tỷ đồng so với 852,32 tỷ đồng năm 2022), chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp cũng đã giúp cho lợi nhuận thuần từ HĐKD, lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế đạt lần lượt là 159,28 tỷ đồng, 159,88 tỷ đồng và 125,24 tỷ đồng, tăng 5,79%, 5,44% và 3,13% so với cùng kỳ năm ngoái.

Doanh thu thuần hợp nhất của Công ty năm 2023 đạt **95,93%** so với kế hoạch năm.

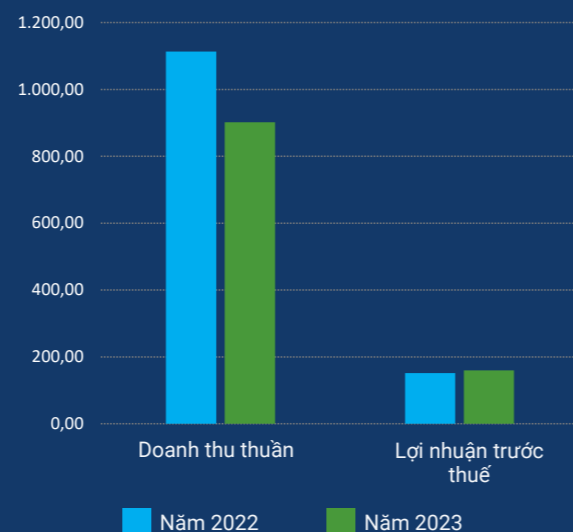
901,72 TỶ ĐỒNG

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất của Công ty năm 2023 đạt **122,98%** so với kế hoạch năm.

159,88 TỶ ĐỒNG



HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu - Hợp nhất	Năm 2022	Năm 2023		% TH 2023/ KH 2023	% TH 2023/ TH 2022
			Kế hoạch	Thực hiện		
1	Tổng doanh thu	1.117,78	-	906,79	-	81,12%
2	Doanh thu thuần	1.113,27	940,00	901,72	95,93%	81,00%
3	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	150,56	-	159,28	-	105,79%
4	Lợi nhuận trước thuế	151,63	130,00	159,88	122,98%	105,44%
5	Lợi nhuận sau thuế	121,44	-	125,24	-	103,13%

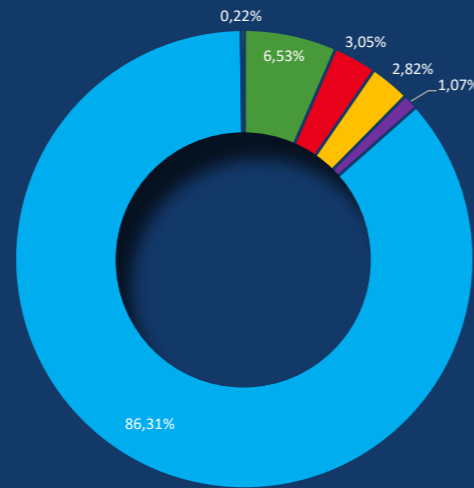
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

125,24 TỶ ĐỒNG
LỢI NHUẬN SAU THUẾ HỢP NHẤT NĂM 2023

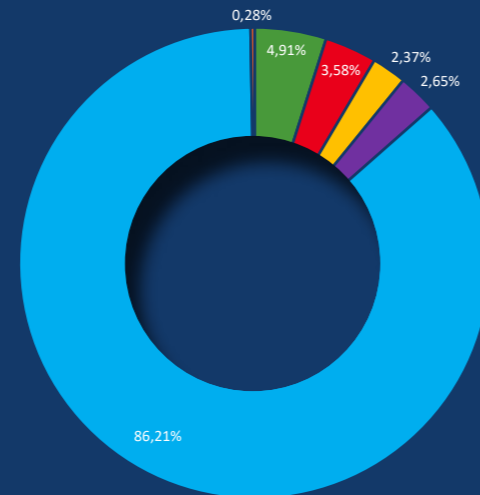
103,13%
SO VỚI KẾ HOẠCH NĂM 2023

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2023

Năm 2023, doanh thu thuần của Công ty đạt 901,72 tỷ đồng, giảm 19,00% so với năm 2022, chỉ đạt 95,93% so với kế hoạch ĐHCĐ đề ra. Trong đó, doanh thu Công ty giảm chủ yếu do quá trình hoạt động sản xuất bị thu hẹp vì mưa bão trong năm 2023. Trong bối cảnh thị trường xây dựng ảm đạm, hoạt động xây dựng công nghiệp bị ảnh hưởng bởi nhu cầu mở rộng sản xuất công nghiệp ở mức thấp trong năm 2023.



CƠ CẤU DOANH THU NĂM 2022



CƠ CẤU DOANH THU NĂM 2023

- Doanh thu bê tông
- Doanh thu bán than, bentonite, giao khoán mỏ
- Doanh thu gốm sứ chịu nhiệt
- Doanh thu điện năng lượng mặt trời
- Doanh thu gạch
- Doanh thu cao lanh

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu - Hợp nhất	Năm 2022		Năm 2023		% TH 2023/ TH 2022
		Giá trị	Tỷ trọng(%)	Giá trị	Tỷ trọng(%)	
1	Doanh thu bán than, bentonite, giao khoán mỏ	72,69	6,53%	44,25	4,91%	60,88%
2	Doanh thu gốm sứ chịu nhiệt	33,94	3,05%	32,24	3,58%	94,99%
3	Doanh thu gạch	31,41	2,82%	21,39	2,37%	68,12%
4	Doanh thu cao lanh	11,86	1,07%	23,94	2,65%	201,77%
5	Doanh thu bê tông	960,88	86,31%	777,37	86,21%	80,90%
6	Doanh thu điện năng lượng mặt trời	2,49	0,22%	2,53	0,28%	101,47%
Tổng cộng		1.113,27	100%	901,72	100%	81,00%

Xét về cơ cấu doanh thu thuần, doanh thu bê tông chiếm 86,21% trên tổng doanh thu, là doanh thu chủ đạo của LBM. Theo đó, doanh thu bê tông đạt 777,37 tỷ đồng, giảm 19,10% so với 960,88 tỷ đồng năm 2022. Nguyên nhân chủ yếu do mưa bão nhiều tại Lâm Đồng vào quý 3/2023 khiến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn, làm giảm sản lượng tiêu thụ vật liệu xây dựng trong đó chủ yếu là bê tông. Thêm vào đó, ảnh hưởng từ yếu tố vĩ mô lên thị trường ngành xây dựng cũng ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Mặt khác, tuy tổng doanh thu giảm sút nhưng lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế ghi nhận tăng nhẹ so với năm 2022. Cụ thể, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế ghi nhận tăng lần lượt từ 151,63 tỷ đồng lên 159,88 tỷ đồng và 121,44 tỷ đồng lên 125,24 tỷ đồng, tương đương tăng 5,44% và 3,13% so với năm 2022. Do Công ty đã nỗ lực trong việc cắt giảm chi phí quản lý và kiểm soát tốt chi phí đầu vào giúp nâng cao hiệu quả hoạt động. Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 9,33%, tương đương 10,02 tỷ đồng so với 107,44 tỷ đồng năm trước. Giá vốn hàng bán ghi nhận giảm 25,11%, tương ứng giảm 214,04 tỷ đồng so với 852,32 tỷ đồng năm 2022. Kết quả kinh doanh trong năm 2023 là minh chứng cho năng lực quản trị hiệu quả, khả năng thích ứng linh hoạt và chiến lược sản xuất kinh doanh của LBM. Công ty luôn nỗ lực nâng cao hiệu quả hoạt động, mang đến giá trị khách hàng và đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

(Tính đến ngày 31/12/2023)

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Nguyễn An Thái	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	43.200	0,22%	-
2	Lê Cao Quang	Phó Tổng Giám đốc	107.364	0,54%	-
3	Nguyễn Quang Duyệt	Phó Tổng Giám đốc	18	0,0001%	-
4	Trần Văn Hiến	Phó Tổng Giám đốc	6	0,00003%	-
5	Nguyễn Thanh Toàn	Phó Tổng Giám đốc	4	0,00002%	-
6	Lê Nam Đồng	Phó Tổng Giám đốc	0	0,00%	-
7	Lê Thanh Hoà	Phó Tổng Giám đốc	21.300	0,11%	-
8	Dương Thị Ngọc Ngân	Kế toán trưởng	0	0,00%	-

(*) Căn cứ danh sách cổ đông tại ngày 19/03/2024



LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH



01 Ông **NGUYỄN AN THÁI**
Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1966

Nơi sinh: Bình Định

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Hóa

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

■ Quá trình công tác:

- 05/1990 - 12/1996: Cán bộ kỹ thuật - Xí nghiệp Sứ Lâm Đồng.
- 01/1997 - 09/2002: Trưởng Phòng Kỹ thuật Công ty VLXD Lâm Đồng.
- 01/2003 - 04/2003: Cán bộ kỹ thuật Công ty.
- 05/2003 - 09/2006: Phó Giám đốc Xí nghiệp Hiệp An.
- 10/2006 - 06/2011: Giám đốc Xí nghiệp Hiệp An.
- 07/2011 - 04/2016: Tổng Giám đốc Công ty.
- 04/2016 - 04/2021: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty.
- 05/2021 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty.

■ Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành;
- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát;
- Chủ tịch Công ty TNHH MTV bê tông LBM Đắk Nông;
- Chủ tịch Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú;
- Chủ tịch Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 19/03/2024: 43.200 cổ phần, chiếm 0,22% vốn điều lệ

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH



Ông LÊ CAO QUANG

02 Ông LÊ CAO QUANG
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1981

Nơi sinh: Khánh Hoà

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng và Công nghiệp

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc Công ty.

■ Quá trình công tác:

- 01/2002-05/2008: Cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp Xây lắp
- 06/2008-05/2009: Chuyên viên
- 06/2009-09/2012: Phó Giám đốc Xí nghiệp bê tông Hiệp Lực
- 10/2012-12/2013: Quyền Giám đốc Xí nghiệp bê tông Hiệp Lực
- 01/2014-04/2016: Giám đốc Xí nghiệp bê tông Hiệp Lực
- 05/2016-02/2022: Phó TGD LBM kiêm Giám đốc Xí nghiệp bê tông Hiệp Lực
- 02/2022- nay: Phó TGD LBM kiêm Giám đốc Xí nghiệp bê tông Hiệp Lực 2

■ Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp bê tông Hiệp Lực 2;
- Giám đốc Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú;
- Giám đốc Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 19/03/2024: 107.364 cổ phần, chiếm 0,54% vốn điều lệ



Ông NGUYỄN QUANG DUYỆT

03 Ông NGUYỄN QUANG DUYỆT
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1979

Nơi sinh: Hà Tĩnh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Hóa

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc Công ty

■ Quá trình công tác:

- 03/2007-09/2011: Nhân viên Phòng Kỹ thuật sản xuất
- 10/2011-08/2012: Phó Phòng Kỹ thuật sản xuất
- 09/2012-12/2013: Quyền trưởng Phòng Kỹ thuật sản xuất
- 01/2014-12/2014: Trưởng Phòng Kỹ thuật sản xuất
- 01/2015-10/2016: Giám đốc Xí nghiệp Hiệp Tiến
- 11-2016-02/2018: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Hiệp Tiến
- 03/2018-07/2018: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Hiệp An
- 08/2018-10/2019: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng Phòng Kỹ thuật sản xuất ; Giám đốc Xí nghiệp Hiệp An
- 11/2019-01/2021: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng Phòng Kỹ thuật sản xuất
- 02/2022- nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng Phòng Kỹ thuật sản xuất; Giám đốc Xí nghiệp Hiệp Lực 1

■ Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Phó Tổng Giám đốc, kiêm trưởng Phòng KT-SX, Giám đốc XN Hiệp Lực 1.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 19/03/2024: 18 cổ phần, chiếm 0,0001% vốn điều lệ

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH



Ông TRẦN VĂN HIẾN

04 Ông TRẦN VĂN HIẾN
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1982

Nơi sinh: Quảng Bình.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh.

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc Công ty

■ Quá trình công tác:

- 06/2005-11/2007: Nhân viên Phòng Kế hoạch Công ty.
- 12/2007-02/2009: Trưởng xưởng Xí nghiệp Hiệp An.
- 03/2009-07/2011: Nhân viên Xí nghiệp Hiệp An.
- 08/2011-11/2014: Phó Giám đốc Xí nghiệp Hiệp An.
- 12/2014-04/2015: Nhân viên Kinh doanh Công ty.
- 05/2015-07/2018: Phó Phòng Kinh doanh Công ty.
- 08/2018-10/2019: Phó Tổng Giám đốc Công ty.
- 10/2019-02/2023: Phó Tổng Giám đốc Công ty, kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đắk Nông.
- 03/2023 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty.

■ Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 19/03/2024: 06 cổ phần, chiếm 0,00003% vốn điều lệ.



Ông NGUYỄN THANH TOÀN

05 Ông NGUYỄN THANH TOÀN
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1975

Nơi sinh: Lâm Đồng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện – Điện tử

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc Công ty

■ Quá trình công tác:

- 10/2001-08/2009: Nhân viên Phòng Kỹ thuật sản xuất
- 09/2009-08/2011: Phó Phòng Kỹ thuật sản xuất
- 09/2011-04/2012: Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát
- 05/2012-12/2014: Phó Giám đốc Xí nghiệp bê tông Hiệp Lực
- 01/2015-6/2015: Quyền Trưởng Phòng Kỹ thuật sản xuất
- 7/2015-04/2016: Trưởng Phòng Kỹ thuật sản xuất
- 05/2016- 10/2017: Giám đốc Công ty Gạch ngói Tuynen Thạnh Mỹ kiêm Trưởng Phòng Kỹ thuật sản xuất
- 11/2017-07/2018: Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Trưởng Phòng Kỹ thuật sản xuất
- 08/2018-04/2019: Phó Giám đốc Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành
- 04/2019-08/2019: Giám đốc Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành
- 08/2019-08/2020: Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành
- 09/2020-nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty

■ Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 19/03/2024: 04 cổ phần, chiếm 0,00002% vốn điều lệ

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH



Ông LÊ NAM ĐỒNG

06 Ông LÊ NAM ĐỒNG
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1980

Nơi sinh: Quảng Bình

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán

■ **Quá trình công tác:**

- 04/2004-11/2007: Nhân viên kế toán Xí nghiệp Hiệp Tiến.
- 12/2007-05/2012: Nhân viên kế toán Công ty.
- 06/2012-02/2014: Phó phòng Tài chính – Kế toán.
- 03/2014-04/2016: Quyền Kế toán trưởng Công ty, Quyền Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán.
- 08/5/2016-06/8/2021: Kế toán trưởng Công ty kiêm Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán.
- 08/2021 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty, kiêm Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán.

■ **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:**

- Thành viên Ban kiểm soát Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành;
- Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đắk Nông;
- Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú;
- Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 19/03/2024: không có



Ông LÊ THANH HÒA

07 Ông LÊ THANH HÒA
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1979

Nơi sinh: Quảng Ngãi

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng Phòng kinh doanh

■ **Quá trình công tác:**

- 04/2013-06/2013: Nhân viên Phòng Kinh doanh
- 07/2013-12/2015: Phó Phòng Kinh doanh
- 01/2016-12/2017: Phó Phòng Tổ chức nhân sự Công ty
- 05/2016-07/2019: Trưởng Bộ phận Kiểm soát nội bộ
- 08/2019-07/2020: Trưởng Phòng Kinh doanh
- 08/2020-08/2021: Trưởng Phòng Kinh doanh kiêm Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ
- 09/2021-05/2022: Trưởng Phòng Kinh doanh
- 06/2022-nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kinh doanh

■ **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 19/03/2024: 21.300 cổ phần, chiếm 0,11% vốn điều lệ.

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH



Bà DƯƠNG THỊ NGỌC NGÂN

08 Bà **DƯƠNG THỊ NGỌC NGÂN**
Kế toán trưởng

Năm sinh: 1988

Nơi sinh: Đà Lạt

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Ngân hàng

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Kế toán trưởng

■ Quá trình công tác:

- 10/2010-08/2019: Nhân viên Phòng Tài chính – Kế toán
- 09/2019-07/2021: Phó phòng Tài chính – Kế toán
- 08/2021-nay: Kế toán trưởng Công ty

■ Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 19/03/2024: Không có.



TỔ CHỨC NHÂN SỰ

TỔNG SỐ NHÂN VIÊN CỦA TOÀN TẬP ĐOÀN
TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2023 LÀ

731 NGƯỜI

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

STT	Chỉ tiêu- Công ty mẹ	2022		2023	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng	Số lượng (người)	Tỷ trọng
I	Theo trình độ lao động	602	100%	568	100%
1	Trình độ Đại học	104	17,28%	133	23,42%
2	Trình độ Cao đẳng	24	3,99%	6	1,06%
3	Trung cấp	12	1,99%	37	6,51%
4	CN có tay nghề	462	76,74%	392	69,01%
II	Theo giới tính	602	100%	568	100%
1	Nam	495	82,23%	463	81,51%
2	Nữ	107	17,77%	105	18,49%
Tổng cộng		602	100%	568	100%

THU NHẬP BÌNH QUÂN

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng số lượng người lao động (người)	602	694	602	568
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	10.300.000	12.600.000	15.600.000	14.487.192



CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Về tuyển dụng: Công ty tiếp tục tuyển dụng nhân sự để đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh trong năm 2023. Song đó, Công ty cũng có các chính sách bồi dưỡng, hỗ trợ người lao động tham gia các khóa đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức nghề nghiệp. Các chương trình đào tạo được thiết kế phù hợp với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp và từng cá nhân, giúp người lao động phát triển năng lực cá nhân, nâng cao hiệu quả công việc.

Về lương thưởng, phúc lợi, và đãi ngộ: LBM luôn nỗ lực cải thiện chính sách, lương thưởng, phúc lợi, đãi ngộ, đem tới môi trường làm việc bình đẳng, thân thiện, chuyên nghiệp, đảm bảo sức khỏe và an toàn lao động cho người lao động. Theo đó, mức lương của mỗi cá nhân được xác định dựa trên kết quả đánh giá hiệu quả công việc như năng suất lao động, chất lượng công việc, tinh thần trách nhiệm. Ngoài ra, Công ty cũng có chính sách khen thưởng xứng đáng cho các cá nhân, bộ phận hoàn thành xuất sắc công việc và có đóng góp đối với hoạt động của Công ty. Các chính sách này nhằm đảm bảo thu nhập, ổn định cuộc sống và tạo động lực cho người lao động phát huy năng lực, cống hiến cho Công ty. Bên cạnh đó, Công ty còn thực hiện đầy đủ chính sách phúc lợi, đãi ngộ như nghỉ phép, nghỉ ốm, lễ tết, chế độ thai sản, tổ chức nghỉ dưỡng cho toàn bộ cán bộ công nhân viên.

Môi trường công việc: Công ty luôn chú trọng đầu tư xây dựng và cải thiện điều kiện, môi trường làm việc hiện đại, khang trang, đảm bảo an toàn cho người lao động. Đối với nhân viên văn phòng, công ty trang bị đồng phục chuyên nghiệp, tạo sự thoải mái và tự tin trong quá trình làm việc. Đối với công nhân các xí nghiệp, công ty trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động cần thiết, bao gồm quần áo bảo hộ, giày bảo hộ, mũ bảo hộ, găng tay và mặt nạ bảo hộ. Công tác an toàn lao động được đặt lên hàng đầu, các nguyên tắc an toàn kỹ thuật được tuân thủ nghiêm ngặt. Lịch bảo trì, bảo dưỡng máy móc, trang thiết bị được đảm bảo, không để xảy ra tai nạn lao động.

Về đào tạo: Công ty luôn chú trọng đến việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực kế thừa, nhằm đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững của LBM. Công ty có chương trình đào tạo cán bộ nguồn nhằm phát hiện và bồi dưỡng các nhân viên trẻ có tiềm năng trở thành cán bộ chủ chốt trong tương lai. Do vậy, LBM luôn khuyến khích nhân viên không ngừng học hỏi, trau dồi kỹ năng để nâng cao năng lực hoạt động sản xuất kinh doanh.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

CÁC HẠNG MỤC CHƯA THỰC HIỆN ĐẦU TƯ XONG

STT	Hạng mục đầu tư	Số lượng	Nghị quyết đã duyệt (tỷ đồng)	Trạng thái
1	Trạm bê tông 180m ³ /h cho Xuân Thọ hoặc Tân Phú (NQ 11b/2021)	1	5,9	
2	Chủ trương đầu tư trạm 180m ³ /h tại Bắc Bảo Lộc (NQ 2b/2022)	1	13,36	Chuẩn bị triển khai mặt bằng
3	Đầu tư 04 Mooc ben tải tự đổ Yunli, loại LG9403Z, 3 trục 23,5m ³ (NQ 11c/2023)	2	1,12	Đã đầu tư 02 cái, còn 02 cái chưa đầu tư
4	Đầu tư xe xúc lật bánh lốp Lonking LG863 (NQ 11c/2023)	1	1,78	Chưa đầu tư
5	Quy hoạch văn phòng Công ty, nâng 1 tầng tòa 2, tòa 3 giữ nguyên, PA3 (NQ 14/2023)		3,00	Đang thuê thiết kế và xin giấy phép xây dựng
TỔNG CỘNG			25,16	

CÁC HẠNG MỤC CÔNG TY ĐÃ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ TRONG NĂM 2023

STT	Hạng mục đầu tư	Số lượng	Giá trị hợp đồng bao gồm thuế (tỷ đồng)	Trạng thái
1	Đầu tư xe vận chuyển nguyên liệu, xe văn phòng, nâng cấp hệ nghiền đá tại mỏ Tây Đại Lào	1	24,5 (Giá trước thuế)	-
2	Hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải tại Đại Lào	1	1,8 (Giá trước thuế)	-
3	Đầu tư đất tại xã Liên Hiệp – Đức Trọng	1	126,6	-
4	Đầu tư đất tại Đăk Mil – Đăk Nông	1	1,4	-
5	Đầu tư đất tại Xã Tam Bố - Di Linh	1	0,75	-
6	Đang quyết toán đầu tư hệ nghiền đá tại mỏ Cam Ly-không gồm phụ tùng thay thế		23 (Giá trước thuế)	-
7	Đầu tư bổ sung tại dự án Tân phú		3,4 (Giá trước thuế)	-
TỔNG CỘNG			181,45	

CÁC DỰ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI

- Dự án mở rộng trạm bê tông tại Tam Bố - Di Linh: Dự án đã được cấp phép xây dựng, thi công phần móng. Đang chờ lắp đặt trạm.
- Dự án trạm trộn bê tông tại Huyện Tân Phú – Tỉnh Đồng Nai: đã hoàn thiện khu nhà văn phòng, nhà ăn, nhà ở công nhân và mặt bằng, móng trạm.
- Dự án trạm trộn bê tông tại Khu Công nghiệp Lộc Sơn – TP. Bảo Lộc: Đang triển khai thi công mặt bằng.
- Đang triển khai đầu tư mỏ đá mới ở Lâm Đồng để phục vụ nhu cầu sản xuất xua Công ty.
- Triển khai thủ tục nhận chuyển nhượng dự án của Công ty TNHH Bình Thuận: Công ty đã thực hiện xong các thủ tục pháp lý theo yêu cầu của cơ 11 quan chức năng. Hiện tại Bên chuyển nhượng đang thực hiện các yêu cầu của UBND Tỉnh để tiến đến thực hiện thủ tục chuyển nhượng



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY TNHH MTV HIỆP THỊNH PHÁT

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2022	TH 2023	%2023/2022
1	Vốn điều lệ	5,00	5,00	100%
2	Tổng giá trị tài sản	13,05	7,40	56,69%
3	Doanh thu thuần	36,99	34,61	93,57%
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20,97	17,16	81,84%
5	Lợi nhuận khác	0,00	0,19	5444,74%
6	Lợi nhuận trước thuế	18,73	15,50	82,78%
7	Lợi nhuận sau thuế	14,97	12,37	82,62%

CÔNG TY TNHH GẠCH HIỆP THÀNH

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2022	TH 2023	%2023/2022
1	Vốn điều lệ	12,60	12,60	100%
2	Tổng giá trị tài sản	102,57	85,32	83,18%
3	Doanh thu thuần	26,32	21,11	80,19%
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10,20	6,32	62,03%
5	Lợi nhuận khác	0,03	-0,01	-
6	Lợi nhuận trước thuế	5,79	3,54	61,10%
7	Lợi nhuận sau thuế	4,69	2,81	59,90%

CÔNG TY TNHH MTV LBM TÂN PHÚ

Trong năm 2023, Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú chưa triển khai hoạt động, do đó chưa ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BÊ TÔNG LBM ĐẮK NÔNG

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2022	TH 2023	%2023/2022
1	Vốn điều lệ	50,00	50,00	100%
2	Tổng giá trị tài sản	70,67	61,88	87,56%
3	Doanh thu thuần	104,91	64,21	61,21%
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8,74	5,89	67,34%
5	Lợi nhuận khác	0,50	0,02	3,42%
6	Lợi nhuận trước thuế	3,59	0,69	19,20%
7	Lợi nhuận sau thuế	3,40	0,65	19,08%

CÔNG TY TNHH MTV LBM LỘC SƠN

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2022	TH 2023	%2023/2022
1	Vốn điều lệ	-	30	-
2	Tổng giá trị tài sản	-	1,67	-
3	Doanh thu thuần	-	-	-
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-	-
5	Lợi nhuận khác	-	-	-
6	Lợi nhuận trước thuế	-	(0,05)	-
7	Lợi nhuận sau thuế	-	(0,05)	-



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu - Hợp nhất	Năm 2022	Năm 2023	% 2023/2022
1	Tổng giá trị tài sản	713,01	769,88	107,98%
2	Doanh thu thuần	1.113,27	901,72	81,00%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	150,55	159,28	105,79%
4	Lợi nhuận khác	1,08	0,60	55,65%
5	Lợi nhuận trước thuế	151,63	159,868	105,44%
6	Lợi nhuận sau thuế	121,44	125,24	103,13%
7	Tỷ lệ trả cổ tức	25% VDL	25% VDL	100,00%

TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN HỢP NHẤT NĂM 2023

769,88

Tỷ đồng

LỢI NHUẬN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

159,28

Tỷ đồng

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu - Hợp nhất	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,76	3,12
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,05	2,24
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	25,18	21,99
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	33,65	28,19
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	8,68	5,27
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,77	1,22
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	10,91	13,89
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	25,09	22,09
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	19,32	16,89
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	13,52	17,66

ĐÁNH GIÁ/NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2023

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán: Các hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh đo lường khả năng thanh toán các khoản nợ vay ngắn hạn của Doanh nghiệp. Năm 2023, LBM ghi nhận sự tiến bộ trong khả năng thanh toán của Công ty so với năm 2022. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,76 lên 3,12 lần, và hệ số thanh toán nhanh tăng từ 1,05 lên 2,24 lần. Tại ngày 31/12/2023, tài sản ngắn hạn tăng 27,98%, đạt 403,10 tỷ đồng, tăng 88,13 tỷ đồng so với 01/01/2023, chủ yếu đến từ các khoản phải thu ngắn hạn. Trong đó, các khoản phải thu ngắn hạn tăng 121,21 tỷ đồng tương đương tăng 128,46% so với 94,36 tỷ đồng tại 01/01/2023 do phát sinh khoản trả trước chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thôn Gân Reo cho ông Lê Hữu Chiến (49,93 tỷ đồng) và khoản trả trước cho việc cung cấp lắp đặt trạm bê tông tại Đắk Nông (5 tỷ). Bên cạnh đó, tăng khoản phải thu người lao động là các bên liên quan (71,20 tỷ đồng so với 4,60 tỷ đồng đầu năm).

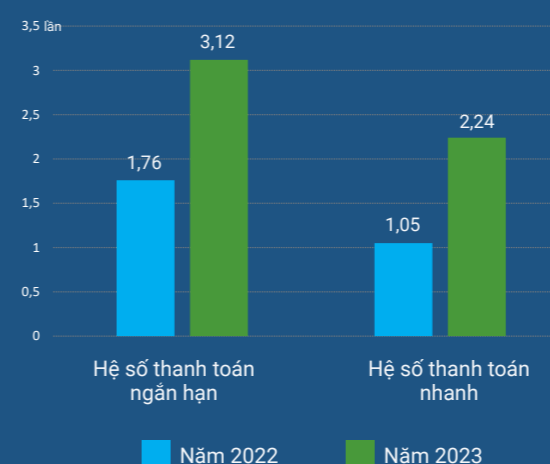
Mặt khác, nợ ngắn hạn giảm từ 178,52 tỷ đồng xuống 129,32 tỷ đồng, tương đương giảm 27,56% so với năm trước. Nguyên nhân từ việc đã trả 6,42 tỷ đồng cho Công ty TNHH Thiên Tự Phước, 2,08 tỷ đồng cho Công ty TNHH Hòa Thành Tiến và 15,86 tỷ đồng cho các đối tượng khác, chủ yếu là khoản tiền tạm ứng liên quan đến việc đặt cọc mua đất. Thêm vào đó, Công ty đã chủ động chi trả 35,56 tỷ đồng cho các khoản thuế phải nộp Nhà nước, giúp tổng nợ ngắn hạn của Công ty giảm đáng kể. Kết quả tích cực trong các chỉ số thanh toán là minh chứng cho năng lực quản trị tài chính hiệu quả của Công ty, góp phần duy trì hoạt động kinh doanh ổn định và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong tương lai.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: Chỉ tiêu về cơ cấu vốn 2023 cho thấy tình hình tài chính của LBM vẫn duy trì ở mức ổn định. Trong năm 2023, hệ số nợ/ tổng tài sản và hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu so với năm trước có chiều hướng giảm xuống. Cụ thể, hệ số nợ/ tổng tài sản và hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu lần lượt giảm từ 25,18% và 33,65% xuống 21,99% và 28,19% trong năm 2023. Do Công ty đã thực hiện thanh toán đầy đủ và kịp thời các khoản thuế với Nhà nước, nghĩa vụ tài chính với nhà cung cấp và các bên liên quan. Nhìn chung, Công ty đang sử dụng nợ một cách thận trọng và hiệu quả, đảm bảo tình hình tài chính của Công ty luôn lành mạnh và duy trì mức rủi ro thấp.

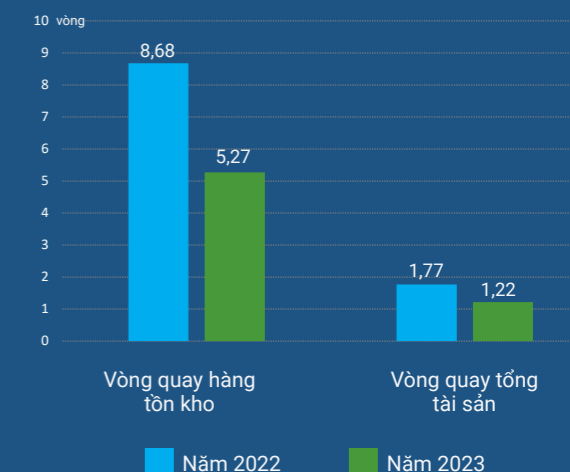
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động: Năm 2023, các chỉ tiêu về năng lực hoạt động có xu hướng giảm nhẹ. Về Chỉ tiêu Vòng quay hàng tồn kho ghi nhận giảm từ 8,68 vòng xuống còn 5,27 vòng, nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ giá vốn hàng bán giảm 25,11%, tương đương 214,04 tỷ đồng. Cụ thể, giá vốn bê tông giảm 25,57%, tương đương 200,74 tỷ đồng so với 785,06 tỷ đồng năm 2022. Mặt khác, Vòng quay tổng tài sản giảm nhẹ từ 1,77 vòng xuống 1,22 vòng năm 2023. Nguyên nhân đến từ doanh thu mặt hàng bê tông giảm 183,50 tỷ đồng, giảm 19,01% so với 960,88 tỷ đồng năm 2022. Trong bối cảnh thị trường xây dựng còn gặp nhiều khó khăn cùng với việc ảnh hưởng từ thời tiết tại khu vực Lâm Đồng gây ảnh hưởng tiêu cực đến doanh thu mảng kinh doanh vật liệu xây dựng, đặc biệt là bê tông thương phẩm của LBM. Nhìn chung, LBM luôn tích cực hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi, nỗ lực trong việc đầu tư và phát triển sản xuất trong năm, đồng thời chủ động về tài chính để đầu tư máy móc thiết bị đáp ứng nhu cầu sản lượng sản xuất, nhằm đảm bảo nguồn vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời: Năm 2023 ghi nhận nhiều biến động trên thị trường, đặc biệt là trong lĩnh vực xây dựng do sự chững lại của thị trường bất động sản.

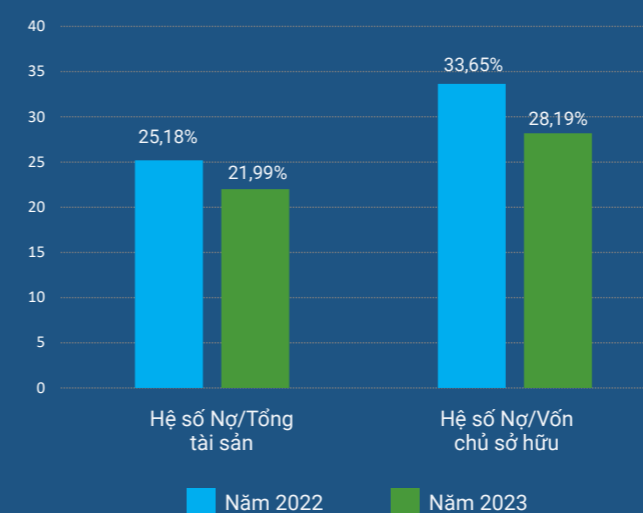
Về khả năng sinh lời, các chỉ số đo lường đều cho thấy tín hiệu tích cực cho sự nỗ lực của LBM trong năm 2023. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (ROS) và Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần đều ghi nhận mức tăng trưởng ổn định, lần lượt đạt 13,89% và 17,66% so với mức 10,91% và 13,52% năm 2022. Mặc dù doanh thu có sự sụt giảm so với năm 2022 do thị trường ảm đạm, dự án mới thu hẹp, tuy nhiên các giải pháp cắt giảm chi phí vận hành doanh nghiệp hợp lý, tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, đồng thời cũng đưa ra phương án tối ưu nhất cho giá vốn hàng bán, khiến lợi nhuận sau thuế ghi nhận tăng trưởng tích cực (+3,13% so với năm 2022). Mặt khác, sự gia tăng nhẹ của Vốn chủ sở hữu và Tổng tài sản trong năm 2023 đã tác động đến các chỉ số ROA và ROE của doanh nghiệp. Cụ thể, ROE và ROA giảm nhẹ lần lượt từ 25,09% và 19,32% xuống 22,09% và 16,89%. Mặc dù 2 chỉ số ROE và ROA ghi nhận giảm nhưng kết quả đạt được trong năm 2023 là minh chứng cho sự thành công của LBM trong việc ứng phó với các biến động kinh tế. Các giải pháp được đưa ra kịp thời và hiệu quả, đã góp phần giúp doanh nghiệp vượt qua khó khăn và đạt được kết quả kinh doanh đáng ghi nhận.



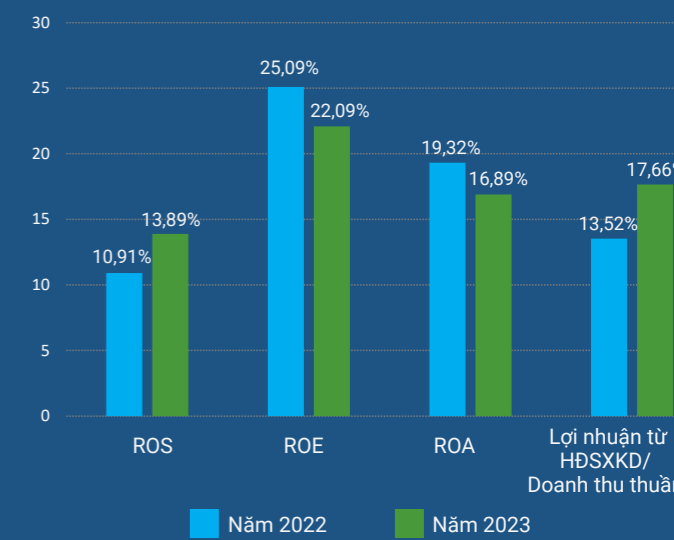
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN



CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN



CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



CÁC CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần (CP)	Tỷ lệ (%)
1	CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	87 Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	12.980.172	64,90%
2	AFC VF LIMITED	c/o Ogier Fiduciary Services (Cayman) Ltd., 89 Nexus Way, Camana Bay, Grand Cayman	2.749.900	13,75%

Căn cứ theo Danh sách chốt cổ đông gần nhất tại ngày 19/03/2024

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Căn cứ theo Danh sách cổ đông chốt gần nhất tại ngày 19/03/2024

STT	Đối tượng	Số cổ phần (CP)	Tỷ lệ sở hữu
I	Tỷ lệ sở hữu		
-	Cổ đông lớn	15.730.072	78,65%
-	Cổ đông nhỏ	4.269.928	21,35%
II	Đối tượng sở hữu		
-	Cổ đông tổ chức	16.193.594	80,97%
-	Cổ đông cá nhân	3.806.406	19,03%
III	Phạm vi sở hữu		
-	Trong nước	16.637.607	83,19%
-	Nước ngoài	3.362.393	16,81%
Tổng cộng		20.000.000	100%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU:

STT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước phát hành (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng giảm (đồng)	Hình thức tăng giảm vốn
1	01/2006	10.000.000.000	16.391.600.000	Phát hành cho cán bộ công nhân viên và cổ đông hiện hữu 1.635.560 cổ phần.
2	12/10/2007	16.391.600.000	41.355.600.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu 1.635.560 cổ phần. Chào bán cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên 81.958 cổ phần. Chào bán cổ phiếu cho các đối tác chiến lược 778.882 cổ phần.
3	01/07/2009	41.355.600.000	85.000.000.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu 2.759.833 cổ phần. Chào bán cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên 87.625 cổ phần. Chào bán cổ phiếu cho các đối tác chiến lược 1.516.982 cổ phần.
4	04/04/2019	85.000.000.000	100.000.000.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu 1.500.000 cổ phần.
5	28/07/2022	100.000.000.000	200.000.000.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu 10.000.000 cổ phần.

TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA: 50%

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ: Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC: Không có

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Trong năm 2023, bên cạnh đạt được nhiều thành tựu đáng chú ý trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty còn quan tâm đến việc bảo vệ môi trường và đóng góp tích cực vào cộng đồng xã hội. Trong năm, LBM đã tích cực triển khai các biện pháp để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường từ quy trình khai thác và sản xuất. Đồng thời, việc xây dựng một môi trường làm việc tích cực và đảm bảo an toàn cho cán bộ công nhân viên cũng là ưu tiên hàng đầu. Công ty không chỉ coi trọng việc tạo ra một môi trường làm việc an toàn, mà còn chú trọng đến việc góp phần vào việc nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng xung quanh.

- **Tiêu thụ nước**
- **Tiêu thụ năng lượng**
- **Quản lý nguồn nguyên vật liệu**
- **Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**
- **Báo cáo trách nhiệm với cộng đồng địa phương**
- **Chính sách liên quan đến người lao động**
- **Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN**



TIÊU THỤ NƯỚC

Trong quá trình hoạt động sản xuất, các hoạt động như rửa nguyên vật liệu, đổ trộn bê tông, vệ sinh máy móc của các xe vận chuyển nguyên vật liệu ra vào công trường đều phát sinh nước thải. Tuy loại nước thải không chứa nhiều thành phần ô nhiễm, nhưng dễ lắng đọng và tích tụ ngay, dẫn đến ô nhiễm đất, nước mặt, nước dưới đất tại khu vực nước thải. Do đó, Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình xử lý nước thải theo đúng quy định hiện hành, nhằm bảo vệ môi trường nước và cùng cộng đồng bảo vệ môi trường sống. Bên cạnh đó, LBM cũng tích cực thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường nước như tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức của cán bộ, công nhân viên về bảo vệ môi trường nước, xây dựng và nâng cấp hệ thống xử lý nước thải hiện đại, đạt tiêu chuẩn quốc gia về chất lượng nước thải sau xử lý, tái sử dụng nước thải trong sản xuất, góp phần giảm thiểu lượng nước thải ra môi trường.



TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Điện năng là nguồn năng lượng vô cùng quan trọng, là nền tảng cho sự phát triển của nền kinh tế và đời sống xã hội hiện đại. Tuy nhiên, việc sử dụng điện năng quá mức, không hiệu quả sẽ gây ra những tác động tiêu cực đến môi trường và sức khỏe cộng đồng, như ô nhiễm không khí, phát thải khí nhà kính, biến đổi khí hậu,... Do đó, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng là một trong những mục tiêu quan trọng của LBM trong chiến lược phát triển bền vững.

LBM luôn coi trọng việc tiết kiệm năng lượng để giảm thiểu lượng năng lượng tiêu thụ trong quá trình khai thác, sản xuất và kinh doanh. Công ty đã triển khai kế hoạch sử dụng năng lượng toàn diện, phù hợp với từng giai đoạn sản xuất, dựa trên các yếu tố như nhu cầu sử dụng, nguồn cung cấp và giá thành năng lượng. Trong khuôn viên khu vực văn phòng công sở, LBM áp dụng thiết bị tiên tiến, ứng dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng như hệ thống đèn LED chiếu sáng, hệ thống điều hòa nhiệt độ thông minh, hệ thống tự động hóa sản xuất,... Với khả năng điều chỉnh độ sáng tự động theo cường độ ánh sáng tự nhiên. Hệ thống chiếu sáng hiện giúp tiết kiệm năng lượng lên đến 50% so với các loại đèn chiếu sáng truyền thống. Tại các nhà máy sản xuất, Công ty đã tổ chức đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật về các nghiệp vụ vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa và cải tiến hệ thống dây chuyền sản xuất, với mục tiêu tối đa hóa hiệu suất. Việc sử dụng năng lượng hợp lý và tiết kiệm không chỉ mang lại lợi ích cho môi trường mà còn giúp doanh nghiệp giảm thiểu chi phí.

Với tinh thần không ngừng đổi mới, LBM luôn cải tiến các biện pháp, quy trình để tối ưu hóa hiệu suất sản xuất, đồng thời tối giản hóa thời gian, nhằm giảm tiêu thụ năng lượng điện một cách hiệu quả. Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện kiểm tra, giám sát định kỳ hiệu suất hoạt động của hệ thống máy móc, thiết bị sản xuất, từ đó ngăn chặn tiêu thụ năng lượng vượt quá mức trong quá trình sản xuất.

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Các sản phẩm vật liệu chính của Công ty sản xuất bao gồm bê tông thương phẩm, đá xây dựng, gạch ngói, gạch chịu lửa, ống sứ chịu nhiệt, cao lanh, bentonite,... Các nhiên liệu đầu vào hiện nay chủ yếu của các nhà máy sản xuất do Công ty chỉ đạo. LBM luôn tuân thủ các quy định hiện hành của nhà nước về đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường. Công ty tổ chức đào tạo cho nhân viên về các công nghệ khai thác tài nguyên thân thiện với môi trường, nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường một cách hiệu quả.

Thêm vào đó, Công ty cũng triển khai hệ thống quản lý nguyên liệu hiệu quả, từ việc phân loại nguyên liệu theo tính chất, thành phần, khả năng sử dụng. Công ty tận dụng các nguyên liệu phụ để tạo ra các sản phẩm phụ, đồng thời tái chế các sản phẩm phế thải thành nguyên liệu mới. Hơn nữa, Công ty đã xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải, bụi, khí thải,... phát sinh từ quá trình khai thác và sản xuất. Nhờ vậy, Công ty không chỉ giảm thiểu tối đa việc lãng phí tài nguyên mà còn góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Để đảm bảo quá trình khai thác khoáng sản được thực hiện một cách hợp pháp, hiệu quả và bền vững, Công ty đã thiết lập hệ thống quản lý khai thác khoáng sản toàn diện, bao gồm các quy trình kiểm soát chặt chẽ, nghiêm túc và báo cáo đầy đủ cho các cơ quan chức năng. Các quy trình có thể được quan tâm như là Quy trình kiểm soát chất lượng nguyên liệu đầu vào, Quy trình kiểm soát quá trình khai thác, Quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm đầu ra,... Ngoài ra, LBM cũng thường xuyên tiến hành kiểm tra và đánh giá chất lượng, hiệu quả khai thác thông qua các cuộc kiểm tra nội bộ và các cuộc đánh giá của các tổ chức độc lập, nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật, hướng tới phát triển bền vững và tạo ra giá trị cho cộng đồng.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN

ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Là một doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, LBM luôn ý thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường. LBM tổ chức nhiều buổi tuyên truyền, phổ biến kiến thức về tiết kiệm, chống lãng phí cho toàn thể cán bộ nhân viên. Cũng như ban hành các quy định, quy chế về tiết kiệm trong sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt. Ngoài ra, việc ứng dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường vào quá trình sản xuất là một xu hướng tất yếu trong bối cảnh bảo vệ môi trường ngày càng được coi trọng. Nhờ vậy, doanh nghiệp có thể nâng cao hiệu quả sản xuất và hạn chế tối đa các tác nhân gây ô nhiễm môi trường. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã triển khai nhiều giải pháp, thể hiện cam kết mạnh mẽ trong việc góp phần xây dựng một môi trường sống bền vững cho cộng đồng và đóng góp tích cực cho việc bảo vệ môi trường.

BÁO CÁO TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Là một doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, LBM luôn ý thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường. LBM tổ chức nhiều buổi tuyên truyền, phổ biến kiến thức về tiết kiệm, chống lãng phí cho toàn thể cán bộ nhân viên, cũng như ban hành các quy định, quy chế về tiết kiệm trong sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt. Ngoài ra, việc ứng dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường vào quá trình sản xuất là một xu hướng tất yếu trong bối cảnh bảo vệ môi trường ngày càng được coi trọng. Nhờ vậy, doanh nghiệp có thể nâng cao hiệu quả sản xuất và hạn chế tối đa các tác nhân gây ô nhiễm môi trường. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã triển khai nhiều giải pháp, thể hiện cam kết mạnh mẽ trong việc góp phần xây dựng một môi trường sống bền vững cho cộng đồng và đóng góp tích cực cho việc bảo vệ môi trường.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chính sách lao động

Công ty luôn coi trọng yếu tố con người, coi đây là nhân tố quyết định sự thành công bền vững của doanh nghiệp. Công ty luôn chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cho cán bộ công nhân viên. Đồng thời thực hiện chính sách khen thưởng, trợ cấp với trường hợp hoàn cảnh khó khăn. Từ đó, góp phần nâng cao năng suất lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Tạo môi trường làm việc tốt, thu hút và giữ chân nhân tài, góp phần tạo sự cạnh tranh với các doanh nghiệp trên cùng địa bàn.

Chính sách thưởng, phúc lợi

Công ty luôn coi trọng việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của người lao động, nhằm tạo điều kiện để họ yên tâm làm việc và gắn bó lâu dài với Công ty. Do đó, Công ty áp dụng quy chế trả lương và chính sách phúc lợi rõ ràng, minh bạch, dựa trên năng suất lao động, hiệu quả công việc và đóng góp của mỗi nhân viên. Công ty cũng có các chính sách khen thưởng, đãi ngộ kịp thời đối với những nhân viên đạt thành tích xuất sắc trong công việc. Công ty luôn đảm bảo cung cấp đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bảo hiểm y tế cho tất cả người lao động, theo đúng quy định của pháp luật. Nhờ đó, các chính sách và chế độ đãi ngộ của Công ty đã góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của người lao động, tạo động lực cho người lao động phát huy năng lực, cống hiến cho Công ty.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN



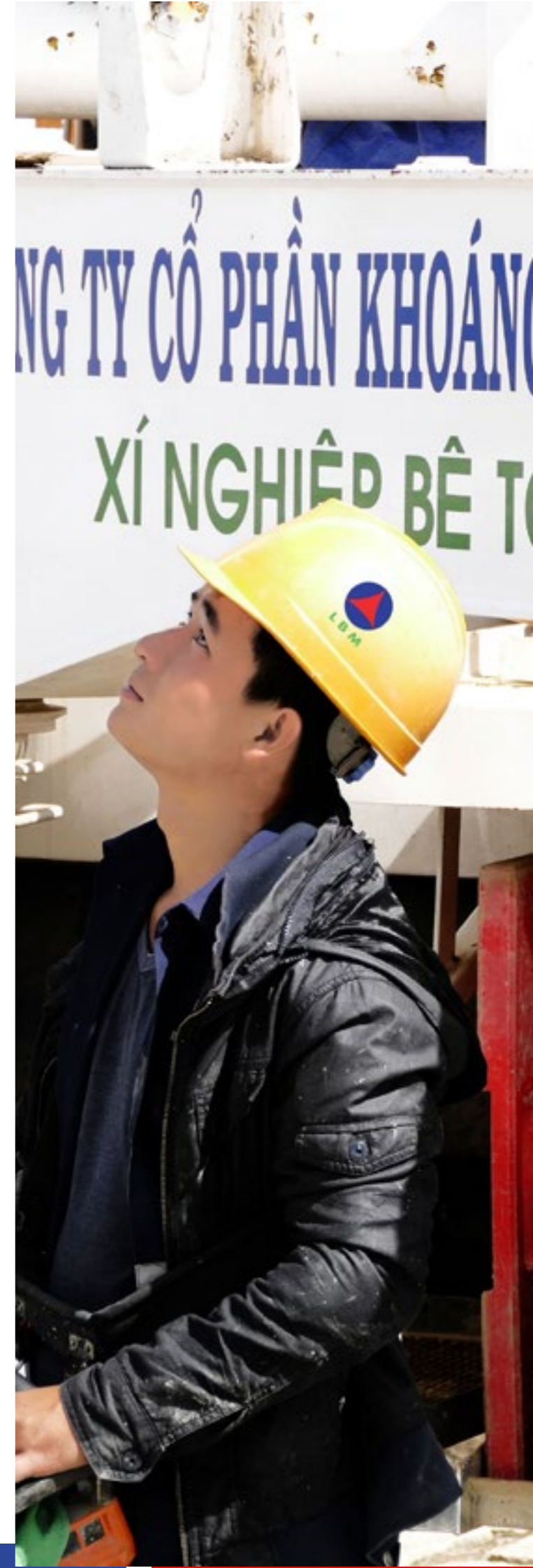
Thị trường vốn xanh là một loại thị trường tài chính mới, nơi các doanh nghiệp phát hành cổ phiếu xanh để huy động vốn cho các dự án có liên quan đến bảo vệ môi trường và phát triển xanh. Đây là một hoạt động mới và quan trọng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quy định nhằm khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường. LBM luôn quan tâm theo dõi, chủ động tìm hiểu và nghiên cứu các cơ hội để tham gia thị trường vốn xanh, nhằm góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của công ty và của cả nền kinh tế.

Số lượng người lao động của LBM trong năm 2023 là

568 lao động

với mức lương trung bình đạt

14.487.192 đồng/tháng



03

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐÁNH GIÁ CHUNG

Trong bối cảnh kinh tế chung đầy biến động và nhiều khó khăn như tổng cầu suy yếu, đặc biệt ảnh hưởng đến thị trường ngành vật liệu xây dựng trong năm 2023. Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng đã thể hiện sự linh hoạt và khả năng thích ứng cao trong việc điều chỉnh chiến lược kinh doanh để phù hợp với thị trường, dẫn dắt Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn. Nhờ vào những nỗ lực không ngừng nghỉ, LBM đã gặt hái được những thành quả tích cực, đồng thời điều chỉnh định hướng phát triển một cách linh hoạt để thích ứng với những thay đổi của thị trường.

CÔNG TÁC KINH DOANH

- Doanh thu thuần hợp nhất trong năm tài chính 2023 đạt 901,72 tỷ đồng, giảm 19% so với năm 2022, đạt 95,93% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất trong năm tài chính 2023 là 159,88 tỷ đồng, tăng 5,44% so với năm 2022, đạt 122,98%, so với kế hoạch.



CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

Nắm bắt nhu cầu thị trường và tiềm năng phát triển, LBM nhận thấy đây là cơ hội vàng để mở rộng thị trường và tăng doanh thu. Công ty đã chính thức thành lập Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn với vốn điều lệ 30 tỷ đồng. Đây là bước đi chiến lược nhằm mở rộng quy mô sản xuất và cung cấp dịch vụ bê tông thương phẩm, đồng thời củng cố vị thế của LBM trên thị trường đầy tiềm năng này.

CÔNG TÁC CHÍNH SÁCH, PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN SỰ

- Dựa trên kế hoạch phát triển chiến lược của Công ty, phân tích định lượng và định tính nhu cầu nhân sự cho từng bộ phận, vị trí công việc. Ưu tiên ứng viên đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức, văn hóa công ty và tiềm năng phát triển.
- Thực hiện đánh giá năng lực định kỳ, khách quan, minh bạch, đảm bảo tính công bằng và chính xác.
- Tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn chuyên sâu, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ, nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng mềm cho cán bộ, nhân viên (CBNV).
- Lập kế hoạch dài hạn, xác định định hướng phát triển nguồn nhân lực phù hợp với tầm nhìn và sứ mệnh của Công ty.
- Triển khai các chương trình đào tạo, phát triển năng lực cho các vị trí quản lý, vị trí then chốt, đảm bảo nguồn nhân lực kế thừa chất lượng.
- Thực hiện kiểm tra chất lượng nguyên vật liệu đầu vào, kiểm tra trong quá trình sản xuất và kiểm tra thành phẩm theo quy định.
- Áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế như ISO 9001:2015, xây dựng và công bố các quy trình, thủ tục sản xuất, kiểm tra chất lượng sản phẩm.



THUẬN LỢI

- Hội đồng quản trị đã luôn dành sự quan tâm sâu sắc, chỉ đạo sát sao và kịp thời cho Ban Tổng Giám đốc Công ty, đồng thời ban hành các chủ trương, chính sách hỗ trợ sản xuất kinh doanh cho Công ty.
- LBM là một trong những doanh nghiệp hoạt động hiệu quả trong lĩnh vực khai thác khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng tại khu vực Lâm Đồng.
- Sản phẩm chủ lực của LBM là bê tông tươi, trong đó bê tông tươi là loại vật liệu xây dựng được sử dụng phổ biến trong các công trình xây dựng cao tốc. Do đó, Công ty đang tiếp tục hoàn thiện mục tiêu phủ sóng trạm trộn bê tông dọc theo quốc lộ 14 và 20.
- Công ty sở hữu hệ thống thiết bị hiện đại và đội ngũ nhân lực chuyên nghiệp, có đủ năng lực để hỗ trợ các trạm bê tông.
- Công ty đã xây dựng hệ thống trạm trộn bê tông trải dài khắp khu vực TP. Đà Lạt và Bảo Lộc, sẵn sàng đáp ứng mọi nhu cầu về cơ sở vật chất, thiết bị cho các dự án kinh doanh.
- LBM chủ động được nguồn nguyên liệu đầu vào nhờ vào việc đầu tư và hoàn thiện mỏ đá Tây Đại Lào cùng với các Công ty con đang hoạt động. Đặc biệt là cung cấp cốt liệu, một trong những thành phần quan trọng của bê tông. Việc chủ động chuẩn bị nguồn nguyên liệu này nhằm đảm bảo kế hoạch phát triển lâu dài của Công ty.
- LBM đã kịp thời đầu tư máy móc thiết bị hiện đại nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường và nắm bắt các cơ hội từ thị trường.
- LBM là đơn vị đầu tiên trong tỉnh được cấp giấy chứng nhận sản phẩm đá đạt quy chuẩn quốc gia, đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu làm đường cao tốc.

KHÓ KHĂN

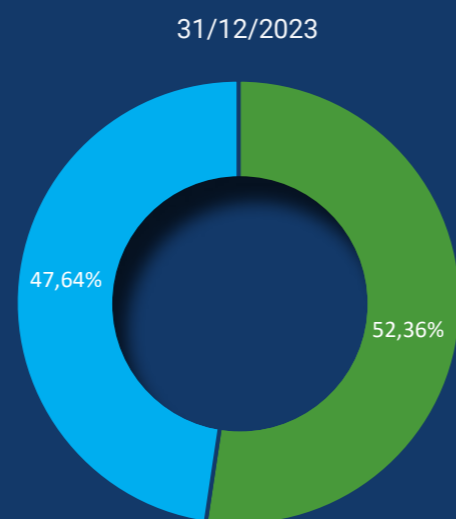
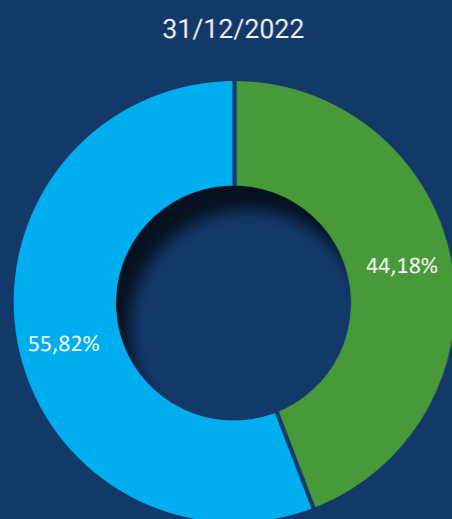
- Hiện tại, các mỏ như mỏ Cao Lanh, Đa Quý đã hết hạn cấp phép, Công ty đã và đang triển khai thủ tục xin cấp phép. Trong bối cảnh cạnh tranh khốc liệt của ngành khoáng sản và vật liệu xây dựng, đặc biệt là từ các công ty có nguồn lực vượt trội.
- Do đặc thù kinh doanh trong lĩnh vực khai thác khoáng sản và vật liệu xây dựng, vị trí và trữ lượng các mỏ là những yếu tố quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Việc tìm kiếm các mỏ mới là một hoạt động thường xuyên và cần thiết của doanh nghiệp, nhằm đảm bảo nguồn cung cấp nguyên liệu ổn định, chất lượng cao và giá cả hợp lý. Tuy nhiên, vấn đề về thủ tục xin giấy phép khai thác và tìm kiếm các mỏ phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp vẫn luôn là một thách thức lớn vì thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động khoáng sản được duyệt bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường, đòi hỏi doanh nghiệp phải có sự đầu tư nghiêm túc về cả nguồn lực và thời gian.
- Tình hình kinh tế toàn cầu luôn biến động, với sự tác động của nhiều yếu tố như chính trị, địa chính trị, kinh tế vĩ mô,... Những biến động này tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong đó, giá nguyên vật liệu là một biến số đặc biệt quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí sản xuất của doanh nghiệp.
- Đồng thời, việc giảm thời gian khai thác mỏ đá trên địa bàn TP. Đà Lạt của Công ty là chủ trương của UBND tỉnh Lâm Đồng nhằm bảo vệ môi trường và cảnh quan thiên nhiên. Theo đó, mỏ đá Cam Ly sẽ chấm dứt hoạt động vào cuối năm 2025. Để đảm bảo nguồn cung cấp nguyên liệu đá cho các hoạt động xây dựng, kinh doanh,... trong khu vực, Công ty đang tích cực tìm kiếm mặt bằng và nguồn mỏ thay thế.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Khoản mục - Hợp nhất	31/12/2022		31/12/2023		% 2023/2022
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Tài sản ngắn hạn	314,97	44,18%	403,10	52,36%	127,98%
2	Tài sản dài hạn	398,03	55,82%	366,77	47,64%	92,15%
Tổng tài sản		713,01	100,00%	769,88	100,00%	107,98%



■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

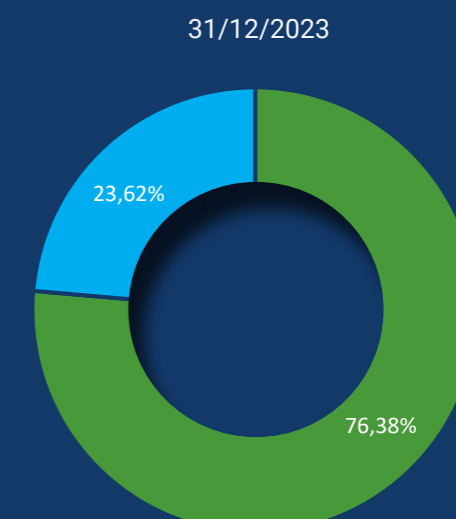
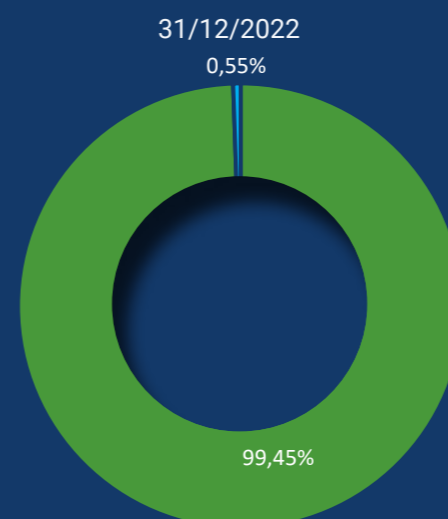
Tính đến thời điểm 31/12/2023, tổng tài sản của LBM ghi nhận 769,88 tỷ đồng, tăng 7,98% so với thời điểm cuối năm 2022. Trong đó, tài sản ngắn hạn có sự tăng trưởng, đạt 403,10 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 52,36% tổng tài sản, tăng 27,98% so với năm trước. Chủ yếu là do khoản trả trước để chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thôn Gân Reo, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng lên tới 49,93 tỷ đồng. Bên cạnh đó, LBM phát sinh thêm khoản phải thu ngắn hạn khác từ 4,60 tỷ đồng trong năm 2022 lên đến 75.80 tỷ đồng trong năm 2023 do các Phó Tổng Giám đốc tạm ứng để đặt cọc mua đất.

Tài sản dài hạn tại 31/12/2023 chiếm 47,64% tổng tài sản, tương ứng 366,77 tỷ đồng, giảm 7,85% so với cùng kỳ năm trước. Sự sụt giảm này chủ yếu là khấu hao tài sản cố định. Nhìn chung, Doanh nghiệp đã thể hiện năng lực quản trị tài chính hiệu quả, đảm bảo sự an toàn và khả năng thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính. Tuy nhiên, Công ty cần tiếp tục duy trì và củng cố sự ổn định này, đồng thời theo dõi sát sao biến động của các khoản mục tài sản. Từ đó, có chiến lược phù hợp để nâng cao tình hình tài chính, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững trong tương lai.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Khoản mục - Hợp nhất	31/12/2022		31/12/2023		% 2023/2022
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Nợ ngắn hạn	178,52	99,45%	129,32	76,38%	72,44%
2	Nợ dài hạn	0,99	0,55%	39,99	23,62%	4053,37%
Tổng nợ phải trả		179,50	100,00%	169,31	100,00%	94,32%



■ Nợ ngắn hạn ■ Nợ dài hạn

Cấu trúc nợ phải trả của LBM tại 31/12/2023, Nợ ngắn hạn tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn hơn, chiếm tỷ trọng 76,38% tổng nợ. So với thời điểm cuối năm 2022, nợ ngắn hạn đã giảm 27,56%, tương đương giảm 49,20 tỷ đồng, đạt 129,32 tỷ đồng, do LBM đã hoàn tất nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước và thanh toán các khoản còn nợ nhà cung cấp. Việc giảm nợ ngắn hạn cho thấy sự chủ động trong việc sử dụng nguồn vốn và đảm bảo thanh khoản ngắn hạn cho doanh nghiệp.

Mặt khác, khoản mục nợ dài hạn đã ghi nhận mức tăng 39 tỷ đồng so với 0,99 tỷ đồng, ghi nhận đạt 39,99 tỷ đồng so với 31/12/2022. Nguyên nhân chính dẫn đến sự gia tăng đột biến này là do khoản vay 39 tỷ đồng được thực hiện từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng nhằm mục đích hoàn vốn tự có đối với các chi phí Công ty đã đầu tư bao gồm 61 máy móc thiết bị và phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nhằm tạo đà tăng trưởng giai đoạn sắp tới. Nhìn chung, Nợ phải trả của công ty giảm 5,68% so với mức 179,50 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2022, dựa trên các chỉ số tài chính, LBM vẫn được đánh giá tương đối an toàn về khả năng thanh khoản và thanh toán các khoản nợ vay so với các Công ty cùng ngành.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Trải qua nhiều năm hình thành và phát triển, Công ty luôn chú trọng xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự, coi đây là một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Đội ngũ cán bộ công nhân viên của Công ty có trình độ chuyên môn cao, nhiệt huyết, có tinh thần trách nhiệm cao, đáp ứng tốt yêu cầu công việc. Để nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự, Công ty thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo chuyên môn và thực tế, nhằm trang bị cho cán bộ công nhân viên những kiến thức, kỹ năng cần thiết, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty trong thời đại mới.
- Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển thương hiệu tại các thị trường tiềm năng, đặc biệt là các thị trường mới mở rộng, Công ty đã triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, bao gồm: nâng cấp trang thiết bị hiện đại, xây dựng các trạm bê tông, mở rộng mạng lưới phân phối tại nhiều địa điểm ở Lâm Đồng và các tỉnh lân cận như Đắk Nông, Chơn Thành, Gia Nghĩa, Đắk Song, Đắk Mil, Đồng Nai.
- Công ty luôn thực hiện nghiêm túc các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, các trách nhiệm xã hội đối với người lao động và cộng đồng, đồng thời tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội tại địa phương.
- Đầu tư máy móc thiết bị, xe vận chuyển mở rộng hoạt động sản xuất, nâng cao năng lực hoạt động Công ty.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN: Không có

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Công ty mẹ	Hợp nhất
Doanh thu	Tỷ đồng	725	775
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	87	90
Cổ tức	%	25	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

Triển khai tiếp các hạng mục đầu tư tại Di Linh, Bảo Lộc, Tân Phú và Đắk Nông. Kịp thời đầu tư các hạng mục thiết bị phục vụ sản xuất – kinh doanh :

- Theo dõi và kiểm soát chặt các chi phí sản xuất tại các đơn vị. Kịp thời chấn chỉnh những chi phí bất hợp lý;
- Tiếp tục phân tích và tham mưu sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư;
- Kiểm soát dòng tiền luân chuyển, tăng vòng quay vốn nhằm sử dụng có hiệu quả nhất nguồn vốn cho hoạt động sản xuất – kinh doanh;
- Tăng cường công tác thu hồi công nợ; các khoản thanh toán đến hạn, hạn chế nợ quá hạn và nợ xấu.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

“

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI là ba yếu tố cơ bản định hình cho sự thành công lâu dài của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng. Để đảm bảo việc thực hiện chiến lược phát triển bền vững, Ban điều hành LBM không ngừng hành động theo hướng dẫn và định hướng từ Hội đồng quản trị. Các hoạt động liên quan đến bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội được triển khai tích cực. Đồng thời, Công ty luôn hướng tới việc tạo ra giá trị tốt nhất cho mọi đối tác, bao gồm nhân viên, khách hàng, đối tác kinh doanh, nhà cung cấp và cộng đồng xung quanh. Những nỗ lực này góp phần không nhỏ vào việc nâng cao chất lượng cuộc sống, với mong muốn tạo ra một cuộc sống tốt đẹp hơn cho cộng đồng.

”

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG:

Tình trạng ô nhiễm môi trường đang trở nên ngày càng nghiêm trọng, đe dọa nghiêm trọng đến sức khỏe con người và hệ sinh thái. Nguyên nhân chính của tình trạng này là do sự phát triển kinh tế - xã hội nhanh chóng, dẫn đến gia tăng hoạt động sản xuất, kinh doanh, vận tải,... Cùng với đó, ý thức bảo vệ môi trường của một bộ phận người dân còn chưa cao, dẫn đến việc xả rác thải, chất thải bừa bãi ra môi trường.

Trước thực trạng đó, LBM luôn ý thức sâu sắc về trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc bảo vệ môi trường. Công ty đã triển khai nhiều biện pháp cụ thể để giảm thiểu tác động của hoạt động sản xuất, kinh doanh đối với môi trường như: Giám sát chặt chẽ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của Công ty, đầu tư áp dụng các công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường trong quá trình khai thác, sản xuất, tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, công nhân viên về bảo vệ môi trường, giảm sử dụng năng lượng hóa thạch, giảm tiêu hao nguyên liệu trong quá trình khai thác khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng.





ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN

VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG:

- LBM luôn coi trọng nguồn nhân lực, xem đây là yếu tố quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Chính vì vậy, Công ty luôn nỗ lực tạo điều kiện tốt nhất cho người lao động, đảm bảo cho họ có một công việc phù hợp, thu nhập và phúc lợi xứng đáng, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thúc đẩy sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.
- Cụ thể, Công ty đã và đang góp phần tích cực giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng và các tỉnh lân cận, đặc biệt là lao động dân tộc thiểu số. Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp của họ. Bên cạnh đó, Công ty cũng quan tâm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, xây dựng môi trường làm việc lành mạnh, thân thiện, góp phần nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Ngoài ra, các chính sách chăm lo cho người lao động của Công ty đã được xây dựng và triển khai một cách bài bản, khoa học, phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhờ đó góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, tạo động lực cho người lao động yên tâm làm việc, gắn bó lâu dài, thúc đẩy sự phát triển bền vững của Công ty.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN

TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG:

Bên cạnh việc tập trung phát triển sản xuất, tăng cường thị phần, Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng còn tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội. Công ty thường xuyên phối hợp với các cơ quan, tổ chức địa phương tổ chức các hoạt động thiện nguyện, thể hiện tinh thần trách nhiệm và đóng góp tích cực cho sự phát triển bền vững của cộng đồng xã hội.



04

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

VỀ VIỆC THỰC HIỆN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ:

Không có

VỀ VIỆC MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG:

Thành lập Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn để mở rộng thêm quy mô sản xuất và thị trường tiêu thụ tại khu vực Bảo Lộc.

VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- Doanh thu thuần hợp nhất trong năm tài chính 2023 đạt 901.72 tỷ đồng, giảm 19% so với năm 2022, đạt 95,93% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế trong năm tài chính 2023 là 159.88 tỷ đồng, tăng 5,44% so với năm 2022, đạt 122,98%, so với kế hoạch.

VỀ CHI TRẢ CỔ TỨC

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (ĐHĐCĐ) đã phê duyệt mức cổ tức năm 2023 là 20-25%. HĐQT ủy quyền cho Hội đồng quản trị xây dựng phương án, hình thức chi trả và lựa chọn thời gian chi trả tạm ứng cổ tức năm 2023 phù hợp với hoạt động của Công ty.

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, Hội đồng quản trị đã thống nhất chi tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2023 là 10%.

- Ngày đăng ký cuối cùng : 11/12/2023

- Ngày chi trả cổ tức: 27/12/2023

Kế hoạch thanh toán cổ tức đợt 2 bằng tiền mặt là mười lăm phần trăm (15%) còn lại vào ngày 15/4/2024.

VỀ LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023

Hội đồng quản trị quyết định thống nhất lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam là đơn vị thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 cho Công ty LBM, Công ty TNHH Hiệp Thịnh Phát, Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đắk Nông và kiểm toán hợp nhất năm 2023

VỀ TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

LBM luôn coi trọng phát triển bền vững, gắn liền với các mục tiêu bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội. LBM chú trọng khai thác hợp lý, khai thác theo đúng quy hoạch, kế hoạch, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ, bảo vệ môi trường và an toàn lao động. Công ty đã và đang thực hiện các giải pháp hiệu quả nhằm giảm thiểu phát thải khí thải, nước thải, chất thải rắn, góp phần cải thiện chất lượng môi trường. LBM luôn chủ động điều chỉnh, cải tiến các quy trình sản xuất, quy trình hoạt động kinh doanh, áp dụng các công nghệ tiên tiến, sử dụng các vật liệu, nhiên liệu thân thiện với môi trường. Cùng với đó, doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm xã hội theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của người lao động, đóng góp cho cộng đồng và xã hội.



CÔNG TÁC TỔ CHỨC – QUẢN LÝ

Bộ máy tổ chức Công ty như sau:

- Ban Tổng giám đốc gồm 07 thành viên: 01 Tổng giám đốc và 06 phó Tổng giám đốc. Các Phó TGD được Tổng Giám đốc phân công phụ trách về các mảng tài chính, kinh doanh, kỹ thuật sản xuất, đầu tư thiết bị, nguyên nhiên vật liệu đầu vào và công nợ. Ngoài ra, các Phó TGD kiêm nhiệm trưởng các phòng nghiệp vụ, giám đốc các đơn vị sản xuất và Công ty con.
- 07 phòng và bộ phận nghiệp vụ, gồm Phòng Tổ chức – Nhân sự, Phòng Tài chính – Kế toán, Phòng Kỹ thuật – Sản xuất, Phòng Kinh doanh, Phòng Pháp chế, Bộ phận kiểm soát nội bộ và Bộ phận Bán hàng - Thu hồi công nợ, Bộ phận Kiểm toán nội bộ, Bộ phận Giá và Phí.
- 06 Xí nghiệp trực thuộc và 05 Công ty con, gồm: Xí nghiệp bê tông Hiệp Lực 1, Xí nghiệp bê tông Hiệp Lực 2, Xí nghiệp Hiệp An, Xí nghiệp Gạch ngói Tuynen Thạnh Mỹ, Xí nghiệp Hiệp Tiến, Xí nghiệp Cung ứng nguyên vật liệu, Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát, Công ty TNHH MTV bê tông LBM Đắk Nông, Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú, Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn và Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành.

ĐÁNH GIÁ CHUNG KẾT QUẢ

- Tình hình tiêu thụ bê tông: Toàn Công ty đã tiêu thụ 461.000 m³ bê tông. Giảm 25% so với năm 2022. Trong đó, tại Lâm Đồng: 416.300 m³, giảm 22% và tại Đắk Nông: 44.700 m³, giảm 41%.
- Tình hình tiêu thụ gạch tuynen tại Xí nghiệp Thạnh Mỹ và Công ty Gạch Hiệp Thành giảm so với cùng kỳ. Trong đó, Xí nghiệp Thạnh Mỹ đạt 23,8 triệu kg, giảm 34%. Công ty Gạch Hiệp Thành đạt 34,68 triệu kg, giảm 35% so với cùng kỳ.
- Sản phẩm vật liệu chịu lửa, ống sứ chịu nhiệt sản lượng đạt 1.832 tấn, giảm 5% so với cùng kỳ.
- Sản phẩm cao lanh cả năm đạt 18.120 tấn, tăng 382% so với cùng kỳ.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo trong công tác điều hành mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, bám sát các mục tiêu chiến lược, nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ do Hội đồng quản trị giao. Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc đã phân công rõ ràng nhiệm vụ, quyền hạn cho từng cá nhân phụ trách từng lĩnh vực, đề cao tính tự chủ và phát huy thế mạnh của từng Phó Tổng Giám đốc, nâng cao trách nhiệm cá nhân đối với lĩnh vực được phân công. Không chỉ góp phần đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh, Tổng Giám đốc của LBM cũng phải đảm bảo chấp hành nghiêm túc các chế độ chính sách của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của người lao động và lợi ích cổ đông.

Ban Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo, trao đổi với Hội đồng quản trị về các vấn đề phát sinh, thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Hàng quý đều có các cuộc họp để soát xét tình hình thực hiện các nghị quyết, kiểm điểm các công việc đã thực hiện và sẽ triển khai trong thời gian tiếp theo. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 vượt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên giao. Hội đồng quản trị Công ty đánh giá cao hiệu quả hoạt động của Ban Tổng Giám đốc với những kết quả đã được.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Xem tại Phần 3 – Mục Kế hoạch phát triển trong tương lai

ĐỊNH HƯỚNG THỰC HIỆN TRONG NĂM 2024

Nhằm duy trì kết quả đã đạt được trong năm 2023, Công ty xác định một số định hướng năm 2024 như sau:

- Chủ động những phương án kinh doanh phù hợp với hoàn cảnh. Chủ động vượt qua khó khăn, sẵn sàng với những thách thức tiềm ẩn để tiếp tục mục tiêu cao hơn trong thời gian tới.
- Duy trì sự minh bạch trong sản xuất kinh doanh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông
- Về nhân sự: Công ty tiếp tục tuyển dụng và điều chuyển nhân sự để đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh trong năm 2024. Đào tạo và nâng cao năng lực làm việc, đáp ứng được công việc trong tương lai.
- Về đầu tư: triển khai tiếp các hạng mục đầu tư tại Di Linh, Bảo Lộc, Tân Phú và Đăk Nông. Kịp thời đầu tư các hạng mục thiết bị phục vụ sản xuất – kinh doanh.
- Về tình hình sản xuất: đảm bảo hoạt động hiệu quả các máy móc thiết bị, tăng cường công tác bảo dưỡng, bảo trì.
- Về tiêu thụ: Tiếp tục tăng cường công tác bán hàng, triển khai các phương án để cạnh tranh phù hợp với thị trường.
- HĐQT thực hiện chức năng quản trị hoạt động của Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp, và các quy định khác.
- Đảm bảo công bố thông tin minh bạch, chính xác hiệu quả và kịp thời theo luật định. Chủ động các thông tin khác liên quan đến hoạt động Công ty.



05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Tính đến ngày 31/12/2023)

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu
1	Lê Đình Hiến	Chủ tịch HĐQT	126.948	0,63%
2	Nguyễn An Thái	Phó chủ tịch, TGD	43.200	0,22%
3	Hầu Văn Tuấn	Thành viên không điều hành	17.300	0,09%
4	Phạm Gia Sâm	Thành viên độc lập	18.000	0,09%
5	Mai Nam Dương	Thành viên không điều hành	85.000	0,43%
6	Lê Văn Quý	Thành viên không điều hành	0	0%
7	Ngô Văn Minh	Thành viên độc lập	0	0%

(*) Căn cứ danh sách cổ đông tại ngày 19/03/2024



LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



01 Ông **LÊ ĐÌNH HIẾN**
Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1964

Nơi sinh: Thái Bình

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy lợi

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Chủ tịch HĐQT Công ty

■ Quá trình công tác:

- 10/1986 - 09/1987: Nhân viên kỹ thuật Trung tâm ĐH2 Đại học Thủy lợi Hà Nội.
- 10/1987 - 04/1996: Phó Giám đốc xí nghiệp SX vật liệu xây dựng cơ bản Công ty Công nghiệp Đá xuất khẩu Lâm Đồng.
- 05/1996 - 03/1998: Quyền Giám đốc Công ty Xây dựng Thủy lợi I Lâm Đồng
- 04/1998 - 07/2000: Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi I Lâm Đồng
- 08/2000 - 06/2020: Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
- 07/2020 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
- 04/2006 - 03/2011: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng
- 04/2011 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng
- 12/2015 - 06/2020: Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40
- 07/2020 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40
- 07/2020 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
- 12/2023- nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Phước Hòa

■ Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng.
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40.
- Thành viên HĐQT Công ty Phước Hòa.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 19/03/2024: 126.948 cổ phần, chiếm 0,63% vốn điều lệ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông NGUYỄN AN THÁI

02 Ông **NGUYỄN AN THÁI**
Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Xem tại mục Lý lịch Ban điều hành

Ông HẦU VĂN TUẤN

03 Ông **HẦU VĂN TUẤN**
Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1966

Nơi sinh: Thừa Thiên Huế

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT Công ty

■ Quá trình công tác:

- 01/1988 – 11/1992: Nhân viên kế toán Xí nghiệp vật liệu xây dựng cơ bản - Công ty Công nghiệp Đá xuất khẩu Lâm Đồng.
- 12/1992 – 03/1999: Nhân viên kế toán Công ty Xây dựng Thủy lợi I Lâm Đồng.
- 04/1999 – 04/2000: Nhân viên Kế toán Công ty Xây dựng Thủy lợi I Lâm Đồng.
- 05/2000 – 07/2000 Kế toán trưởng Công ty Xây dựng Thủy lợi I Lâm Đồng.
- 08/2000 – 08/2017: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Lâm đồng.
- 03/2013 – nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng.
- 12/2015 - 12/2019: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40.
- 01/2020 - 12/2020: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40.
- 09/2017 - 04/2021: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng.
- 04/2021 - 10/2023: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
- 04/2022 - nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40.
- 10/2023 - nay: Giám đốc tài chính Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng.

■ Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Giám đốc tài chính Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng.
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 19/03/2024: 17.300 cổ phiếu, chiếm 0,09% vốn điều lệ

Ông PHẠM GIA SÂM

04 Ông **PHẠM GIA SÂM**
Thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh: 1963

Nơi sinh: Thừa Thiên Huế

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế ngành Quản trị kinh doanh; ngành Sư phạm, khoa Vật lý

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT độc lập Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây dựng Lâm Đồng.

■ Quá trình công tác:

- 25/04/2020 đến nay: Thành viên HĐQT độc lập Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây dựng Lâm Đồng

■ Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 19/03/2024: 18.000 cổ phiếu, chiếm 0,09% vốn điều lệ.

Ông MAI NAM DƯƠNG

05 Ông **MAI NAM DƯƠNG**
Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1953

Nơi sinh: Thái Bình

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT Công ty

■ Quá trình công tác:

- 1977 - 1983: Cán bộ - Trưởng phòng Công ty Thủy lợi Lâm Đồng.
- 1984 - 1992: Giám đốc Công ty Khảo sát Thiết kế Thủy lợi Lâm Đồng.
- 1992 - 2013: Phó Giám đốc sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Lâm Đồng.
- 04/2016 - 04/2021: Thành viên Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng.
- 25/04/2021 - nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây dựng Lâm Đồng.

■ Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 19/03/2024: 85.000 cổ phiếu, chiếm 0,43% vốn điều lệ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông LÊ VĂN QUÝ

06 Ông LÊ VĂN QUÝ
Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1976

Nơi sinh: Nam Định

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy lợi; Thạc sĩ quản lý xây dựng

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT Công ty

■ Quá trình công tác:

- 07/1999 - 07/2007: Cán bộ kỹ thuật, Trưởng phòng kế hoạch - kỹ thuật Công ty khai thác công trình thủy lợi Lâm Đồng.
- 08/2007 - 01/2012: Phó trưởng phòng kế hoạch - kỹ thuật Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng.
- 02/2012 - 04/2016: Phó Giám đốc Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng.
- 04/2016 - 04/2019: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng.
- 07/2020 - nay: Tổng Giám đốc, đại diện pháp luật Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng.

■ Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 19/03/2024: Không có.

Ông NGÔ VĂN MINH

07 Ông NGÔ VĂN MINH
Thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh: 1986

Nơi sinh: Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kỹ thuật công trình - chuyên ngành Cầu - Đường.

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT độc lập Công ty.

■ Quá trình công tác:

- 24/04/2021 - nay: Thành viên HĐQT độc lập Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây dựng Lâm Đồng.

■ Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Giám Đốc Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Intercons
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 19/03/2024: Không có

RÀ SOÁT THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT TRONG NĂM: Không có

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2023, Hội đồng quản trị (HĐQT) đã hoàn thành vai trò và trách nhiệm được giao phó trong việc thực hiện công tác quản trị một cách cẩn trọng, hiệu quả, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật và chuẩn mực quản trị tiên tiến; Nâng cao hiệu quả hoạt động thông qua việc xây dựng và triển khai hệ thống quản trị rủi ro, hệ thống quản trị công ty mẹ - công ty con, hệ thống quản trị nội bộ,...; Xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu bài bản, hướng đến mục tiêu nâng cao giá trị thương hiệu và tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường; Mở rộng thị trường, phát triển kênh phân phối, nâng cao hiệu quả kinh doanh; Xây dựng chiến lược nhân sự đồng bộ, thu hút, phát triển và giữ chân nhân tài, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động; nỗ lực để hài hòa lợi ích của cổ đông, Nhà nước và người lao động. Tuân thủ các chính sách của Nhà nước để bảo vệ quyền lợi cho các cổ đông.

Bên cạnh đó, HĐQT thực hiện việc kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Tổng Giám đốc (TGD) và Ban Điều hành (BDH) trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và HĐQT năm 2023.

Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Hội đồng quản trị đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai các nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT trong năm 2023 như sau:

PHƯƠNG PHÁP GIÁM SÁT:

Hội đồng quản trị (HĐQT) luôn quan tâm sát sao đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn. HĐQT thường xuyên tổ chức các cuộc họp để đánh giá tình hình thực hiện các Nghị quyết đã ban hành, thảo luận và thông qua các Nghị quyết mới, đồng thời kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật và nội bộ Công ty. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo thường xuyên kết quả thực hiện cho HĐQT và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Kiểm tra việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ, quy chế Công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT:

Năm 2023, mặc dù đối mặt với nhiều khó khăn do tổng cầu suy giảm ảnh hưởng đến lợi nhuận sản xuất kinh doanh, Công ty đã nỗ lực vượt qua và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 đã vượt kế hoạch lợi nhuận ĐHCĐ giao. LBM đảm bảo công ăn việc làm và an toàn sức khỏe cho người lao động. Luôn cập nhật và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ và quy chế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

HĐQT Công ty duy trì tổ chức họp định kỳ tối thiểu một lần mỗi quý theo quy định tại Điều lệ công ty. Mục đích của các cuộc họp này là tập trung thảo luận, xem xét và đưa ra quyết định đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, đảm bảo sự đồng bộ và hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty. Ban Tổng Giám đốc cũng tham gia vào các cuộc họp HĐQT với vai trò là cơ quan tham mưu, đề xuất các giải pháp và phối hợp triển khai các quyết định của HĐQT.

HĐQT luôn quan tâm và chú trọng công tác phân công nhiệm vụ cho các thành viên một cách rõ ràng, cụ thể và phù hợp với năng lực của mỗi cá nhân. Đồng thời, HĐQT luôn đề cao vai trò tham mưu của các cán bộ quản lý, thường xuyên tổ chức các buổi họp để lấy ý kiến, tham khảo các giải pháp và đề xuất cho các quyết định quan trọng của Công ty.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT. Tuy nhiên, HĐQT đã phân công các thành viên Hội đồng quản trị phụ trách từng lĩnh vực: Nhân sự, tiền lương, đầu tư phát triển, kinh doanh, định mức kinh tế kỹ thuật, tài chính kế toán...

Ngoài ra, HĐQT đã thành lập Bộ phận kiểm soát nội bộ, Bộ phận thu hồi công nợ, Bộ phận chiến lược giá, Bộ phận môi trường để phục vụ công tác quản lý điều hành, kiểm tra, giám sát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Phát hiện, ngăn chặn và hạn chế các rủi ro có thể xảy ra trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

SỐ LƯỢNG CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Lê Đình Hiền	07/7	100%	-
2	Nguyễn An Thái	07/7	100%	-
3	Hầu Văn Tuấn	07/7	100%	-
4	Phạm Gia Sâm	07/7	100%	-
5	Mai Nam Dương	07/7	100%	-
6	Lê Văn Quý	07/7	100%	-
7	Ngô Văn Minh	06/7	85%	Ủy quyền, do bận công việc

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CỦA CÁC CUỘC HỌP

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã tổ chức 07 cuộc họp trực tiếp và 10 lần lấy ý kiến bằng văn bản để kịp thời định hướng, chỉ đạo, xem xét quyết định các nội dung công việc thuộc thẩm quyền xử lý của Hội đồng quản trị. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01a/2023/NQ-HĐQT/LBM	13/01/2023	<p>Thông nhất 100% thông qua nội dung nhân sự tại Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đắk Nông như sau:</p> <p>1. Ông Trần Văn Hiến – Phó TGD, thôi kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đắk Nông kể từ ngày 01/02/2023 và được điều động phụ trách các công việc tại văn phòng Công ty. Nhiệm vụ cụ thể, Tổng Giám đốc sẽ phân công.</p> <p>2. Bổ nhiệm Ông Nguyễn Hữu Dũng, sinh ngày 27/06/1988 - Trình độ chuyên môn. Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp</p> <p>Giữ chức vụ Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đắk Nông</p> <p>- Thời gian bổ nhiệm: 01 năm kể từ ngày 01/02/2023</p> <p>Thời gian bổ nhiệm được gia hạn nhưng không quá 1 năm kể từ ngày gia hạn.</p>	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
2	01b/2023/NQ-HĐQT/LBM	13/01/2023	<p>Thông nhất 100% thông qua các nội dung đầu tư sau:</p> <p>1. Đầu tư 04 Xe đầu kéo nhãn hiệu CNHTC, loại 440 cầu đầu.</p> <p>2. Đầu tư 05 Mooc ben tải tự đổ Yunli, loại LG9403Z, 3 trục 23,5m³.</p> <p>3. Đầu tư 02 xe ô tô con hiệu MG.</p>	100%
3	02a/2023/NQ-HĐQT/LBM	01/03/2023	<p>1. Thống nhất 100% thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022.</p> <p>2. Thống nhất 100% thông qua nội dung kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 để trình ĐHĐCĐ.</p> <p>3. Thống nhất 100% thông qua nội dung việc thuê đất tại khu công nghiệp Lộc Sơn – Bảo Lộc và thành lập Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn.</p> <p>4. Hội đồng quản trị thống nhất 100% kế hoạch triệu tập Đại hội đồng cổ đông cổ đông thường niên năm 2023 và thanh toán cổ tức đợt hai (9%) năm 2022 như sau:</p> <p>- Ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự Đại hội và thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2022: 24/3/2023.</p> <p>- Ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông: 22/4/2023.</p> <p>- Ngày thanh toán cổ tức: 13/4/2023</p>	100%
4	02b/2023/NQ-HĐQT/LBM	01/03/2023	<p>- Thống nhất thông qua nội dung quyết toán quỹ lương đợt 2 theo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022.</p> <p>- Thống nhất điều kiện tăng giảm lương cho Ban điều hành theo lợi nhuận năm 2023 của kế hoạch sản xuất kinh doanh Hội đồng quản trị giao.</p>	100%
5	03a/2023/NQ-HĐQT/LBM	30/03/2023	<p>Thông nhất nội dung các tài liệu để trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2023, bao gồm:</p> <p>1. Toàn văn nội dung Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2022.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.</p> <p>3. Các nội dung trình Đại hội thông qua:</p> <p>- Báo cáo hoạt động của hội đồng quản trị năm 2022 và báo cáo của BKS năm 2022;</p> <p>- Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán;</p> <p>- Quyết toán mức cổ tức năm 2022 là 25%;</p> <p>- Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022;</p> <p>Quyết toán thù lao, thưởng HĐQT và BKS năm 2022; Phương án thù lao HĐQT và BKS năm 2023;</p> <p>- Kế hoạch sản xuất kinh doanh và cổ tức năm 2023;</p> <p>- Lựa chọn Công ty kiểm toán tài chính năm 2023;</p> <p>- Ủy quyền Tổng Giám đốc ký hợp đồng với người có liên quan có giá trị hợp đồng, giao dịch dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>- Miễn nhiệm chức vụ của Trưởng ban kiểm soát và bầu thành viên thay thế;</p> <p>- Trình ứng viên BKS của Công ty mẹ LHC.</p> <p>4. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ.</p> <p>5. Dự thảo Chương trình Đại hội.</p> <p>6. Dự thảo Quy chế làm việc và thể lệ biểu quyết của Đại hội.</p> <p>7. Dự thảo Quy chế bầu cử.</p> <p>8. Phiếu biểu quyết.</p> <p>9. Dự thảo Nghị quyết đại hội.</p>	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CỦA CÁC CUỘC HỌP

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua									
5	03a/2023/NQ-HĐQT/LBM	30/03/2023	10. Thông qua danh sách Ban kiểm tra tư cách cổ đông phục vụ Đại hội gồm: - Ông Phan Ngọc Sơn – Trưởng phòng TC-NS: Trưởng ban - Ông Lê Nam Đồng – Phó TGĐ, kiêm Trưởng phòng TC-KT: Thành viên - Bà Dương Thị Ngọc Ngân – Kế toán trưởng: Thành viên - Bà Nguyễn Thị Ngọc Đức – Trưởng BP KTNB, TH-CN: Thành viên - Bà Thân Thị Dịu – Nhân viên Phòng kế toán: Thành viên	100%									
6	04a/2023/NQ-HĐQT/LBM	20/4/2023	Thông nhất thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý 1/2023	100%									
7	04b/2023/NQ-HĐQT/LBM	20/4/2023	1. Thống nhất đầu tư Hệ nghiền đá đồng bộ Terex mới 100%, công suất 250 tấn/giờ tại Cam Ly. Tổng cộng: 18.257.700.000 đồng (Chưa bao gồm thuế VAT) 2. Thống nhất đầu tư thiết bị và hạng mục phụ trợ cho hệ nghiền 250 tấn/giờ tại mỏ đá Cam Ly. Tổng cộng: Khoảng 3.628.040.000 đồng (Chưa bao gồm thuế VAT)	100%									
8	05/2023/NQ-HĐQT/LBM	24/4/2023	Hội đồng quản trị thống nhất 100% thanh toán cổ tức đợt 3 năm 2022 là 10% bằng tiền mặt (1.000 đồng/cổ phần). - Ngày chốt danh sách cổ đông để thanh toán cổ tức đợt 3 năm 2022: 08/5/2023 - Ngày thanh toán cổ tức: 24/5/2023	100%									
9	06/2023/NQ-HĐQT/LBM	27/4/2023	Hội đồng quản trị thống nhất thông qua nội dung điều chỉnh kế hoạch thanh toán cổ tức đợt 03 năm 2022 là 10% bằng tiền mặt (1.000 đồng/cổ phần) theo Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐQT/LBM ngày 24/4/2023, cụ thể như sau:	100%									
			<table border="1"> <thead> <tr> <th>Nội dung thay đổi</th> <th>Thông tin Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05/2023/NQ-HĐQT/LBM ngày 24/4/2023</th> <th>Thông tin thay đổi</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Ngày chốt danh sách</td> <td>08/5/2023</td> <td>17/5/2023</td> </tr> <tr> <td>Ngày thanh toán</td> <td>24/5/2023</td> <td>31/5/2023</td> </tr> </tbody> </table>		Nội dung thay đổi	Thông tin Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05/2023/NQ-HĐQT/LBM ngày 24/4/2023	Thông tin thay đổi	Ngày chốt danh sách	08/5/2023	17/5/2023	Ngày thanh toán	24/5/2023	31/5/2023
			Nội dung thay đổi		Thông tin Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05/2023/NQ-HĐQT/LBM ngày 24/4/2023	Thông tin thay đổi							
			Ngày chốt danh sách		08/5/2023	17/5/2023							
Ngày thanh toán	24/5/2023	31/5/2023											
Lý do điều chỉnh: Hồ sơ gửi đến Trung tâm lưu ký chậm theo tiến độ quy định.													
Các nội dung khác của Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05/2023/NQ-HĐQT/LBM ngày 24/4/2023 không thay đổi.													
10	07/2023/NQ-HĐQT/LBM	22/5/2023	1. Thống nhất thanh lý xe xúc lật hiệu Changlin 955 đầu tư năm 2016 tại trạm Cam Ly. Khấu hao còn lại: 0 đồng. 2. Thống nhất đầu tư 01 xe xúc lật bánh lốp, hiệu Lonking CDM853N.	100%									

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
11	08/2023/NQ-HĐQT/LBM	21/06/2023	Thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam là đơn vị thực hiện tư vấn, kiểm toán báo cáo tài chính của năm 2023 cho Công ty LBM, Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát, Công ty TNHH MTV Bê Tông. LBM Đắc Nông và kiểm toán hợp nhất. Hội đồng quản trị giao Tổng Giám đốc tiến hành thương thảo, ký kết đồng đơn vị kiểm toán.	100%
12	09/2023/NQ-HĐQT/LBM	22/06/2023	1. Thống nhất thanh lý xe xúc lật hiệu Komatsu WA100-1 sản xuất 1992, Công ty đầu tư năm 2004 tại Xí nghiệp Hiệp Tiến. Khấu hao còn lại: 0 đồng. 2. Đầu tư 01 xe xúc lật bánh lốp, hiệu Lonking CDM853N	100%
13	10/2023/NQ-HĐQT/LBM	26/06/2023	Thống nhất nhận chuyển nhượng 100% dự án của Công ty TNHH Bình Thuận, xã Đạ Nhim, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng. 1. Giá nhận chuyển nhượng: 22 tỷ đồng (Chưa bao gồm VAT) * Điều kiện chuyển nhượng: Sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận: - Chủ trương cho phép chuyển nhượng dự án; - Chủ trương điều chỉnh dự án đầu tư, trong đó chi tiết bổ sung: Sản xuất bê tông và các sản phẩm bê tông, xi măng và thạch cao, bê tông và cấu kiện bê tông; Giảm công suất chế biến gỗ (Những không chế biến gỗ tròn).	100%
			Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý 2 và 6 tháng năm 2023.	
14	11a/2023/NQ-HĐQT/LBM	04/8/2023	Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý 2 và 6 tháng năm 2023.	100%
15	11b/2023/NQ-HĐQT/LBM	04/8/2023	Thông qua việc vay vốn, bảo lãnh và sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại các Ngân hàng, Ủy quyền Tổng Giám đốc ký kết Hợp đồng, văn kiện, tài liệu liên quan đến việc vay vốn.	100%
16	11c/2023/NQ-HĐQT/LBM	04/8/2023	- Tiếp tục triển khai đầu tư đất tại Liên Hiệp – Đức Trọng. - Đầu tư 04 xe đầu kéo hiệu CNHTC, loại 440 cầu đầu. - Đầu tư 05 Mooc ben tải tự đổ Yunli, loại LG9403Z, 3 trục 23,5m ³ . - Đầu tư xe xúc lật bánh lốp Lonking LG863. - Đầu tư xe nâng EP cho XN Hiệp Tiến. - Đầu tư búa cào rung thủy lực Xcentric XR40. - Đầu tư xe tải ben nhỏ Forland FD990A 4WD. - Ông Phan Ngọc Sơn – Thôi giữ chức Trưởng phòng TC-NS. - Bà Phan Thị Thảo Nguyên – Bổ nhiệm Trưởng phòng TC-NS. - Chưa đầu tư thêm đất để mở rộng mỏ đá Tây Đại Lào. - Quy hoạch văn phòng Công ty.	100%
			Triệu tập ĐHĐCĐ bất thường 2023 (để bổ sung ngành nghề kinh doanh) - Ngày chốt danh sách: 07/9/2023 - Đại hội: 05/10/2023	
17	12/2023/NQ-HĐQT/LBM	15/8/2023	Triệu tập ĐHĐCĐ bất thường 2023 (để bổ sung ngành nghề kinh doanh) - Ngày chốt danh sách: 07/9/2023 - Đại hội: 05/10/2023	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CỦA CÁC CUỘC HỌP

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
18	13/2023/NQ-HĐQT/LBM	08/9/2023	- Thông qua tài liệu trình ĐHĐCĐ bất thường năm 2023. - Thông qua Ban kiểm tra tư các cổ đông phục vụ Đại hội.	100%
19	14/2023/NQ-HĐQT/LBM	13/10/2023	- Điều chỉnh đơn giá trích lương từ 142đ/1000đ DT thành 156đ/1000đ DT. - Điều chỉnh phương án quy hoạch văn phòng Công ty (thay cho phương án tại NQ số 11c).	100%
20	15a/2023/NQ-HĐQT/LBM	03/11/2023	- Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh quý 3/2023. - Hủy đầu tư 1,8 ha đất ở Bảo Lộc để dựng trạm bê tông. - Tạm ứng cổ tức đợt 1/2023 (Kế hoạch Đại hội giao 20-25%). + Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ tức 10%: 11/12/2023. + Ngày thanh toán cổ tức: 27/12/2023 (10%).	100%
21	15b/2023/NQ-HĐQT/LBM	03/11/2023	Thanh lý 6 xe Ben Howo, 02 xe đầu kéo Xcient, 02 đầu kéo Daewoo.	100%
22	16/2023/NQ-HĐQT/LBM	14/11/2023	Thanh lý 8 xe tải Ben Howo, 01 Sowmi Romooc Doosung	100%

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty năm 2023 có 02 thành viên độc lập là ông Phạm Gia Sâm và ông Ngô Văn Minh. Cũng như các thành viên HĐQT khác, thành viên độc lập thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ).

- Tất cả thành viên HĐQT, có tinh thần trách nhiệm cao, có tính chuyên nghiệp cao, rõ ràng về trách nhiệm được phân công trong việc bảo vệ lợi ích của Công ty và cẩn trọng trong việc thực hiện vai trò của mình. Bên cạnh đó, HĐQT thực hiện việc kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Tổng Giám đốc (TGD) và Ban Điều hành (BDH) trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và HĐQT năm 2023.
- Theo kế hoạch hoạt động của HĐQT, các công việc của HĐQT đã thực hiện trong năm 2023 tập trung đúng theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ đề ra và tuân thủ Điều lệ công ty, Quy chế quản trị và các thông lệ chuẩn mực quản trị Công ty.
- HĐQT đã lãnh đạo và quản lý Công ty hoàn thành các chỉ tiêu tăng trưởng và lợi nhuận của năm 2023, thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước, mang lại hiệu quả cao cho cổ đông và thu nhập ổn định cho người lao động.
- HĐQT đã tham gia cùng Ban TGD triển khai các hoạt động văn hoá bền vững của doanh nghiệp. Thông qua phương pháp hoạt động hiệu quả, sáng tạo, HĐQT đã thực hiện tốt vai trò đồng hành xây dựng các giá trị bền vững cho doanh nghiệp trong chiến lược 2021-2025.
- HĐQT đã đề xuất nhiều giải pháp hiệu quả, kịp thời để giúp Ban TGD vượt qua một số thách thức trong quá trình vận hành Công ty, thực hiện tốt việc giám sát và kiểm soát để đảm bảo tiêu chí tuân thủ pháp luật được Công ty tuyệt đối tôn trọng.

Với sự tham gia tích cực của các thành viên độc lập, HĐQT đã thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của mình, góp phần vào hoạt động hiệu quả của Công ty trong năm 2023.



BAN KIỂM SOÁT

DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT

(Tính tại ngày 31/12/2023)

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Phạm Hồng Hải	Trưởng ban	0	0,00%	01/05/2023	-
2	Lê Thị Thủy	Trưởng ban	0	0,00%	20/12/2022	01/5/2023
3	Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên	0	0,00%	30/06/2012	-
4	Trần Hùng Phương	Thành viên	0	0,00%	24/04/2021	-

(*) Căn cứ danh sách cổ đông tại ngày 19/03/2024

LÝ LỊCH BAN KIỂM SOÁT

ÔNG PHẠM HỒNG HẢI

01 Ông **PHẠM HỒNG HẢI**
Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1962

Nơi sinh: Lâm Đồng

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính XDCB

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát Công ty

■ Quá trình công tác:

- 07/1985 – 10/1988: Nhân viên Kế toán LHCXN Chè Lâm Đồng
- 10/1988 – 12/1990: Nhân viên Kế toán Nhà khách Tỉnh ủy – Ban Tài chính Tỉnh ủy Lâm Đồng
- 12/1990 – 11/1991: Công chức Chi cục Thuế TP Đà Lạt tỉnh Lâm Đồng
- 12/1991 – 11/2008: Công chức Cục thuế tỉnh Lâm Đồng
- 11/2008 – 03/2011: Phó trưởng phòng, phòng Thanh tra thuế Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng
- 04/2011 – 12/2012: Phó trưởng phòng, phòng Thanh tra thuế số 1 Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng
- 01/2013 – 08/2013: Phó trưởng phòng, phòng Thanh tra thuế số 2 Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng
- 09/2013 – 05/2017: Trưởng phòng, phòng Kiểm tra thuế số 2 Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng
- 06/2017 – 03/2019: Trưởng phòng, phòng Thanh tra thuế Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng
- 04/2019 – 12/2020: Trưởng phòng, phòng Thanh tra – Kiểm tra thuế số 1 Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng
- 01/2021 – 04/2023: Trưởng phòng, phòng Quản lý Hộ kinh doanh, Cá nhân và Thu các Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng
- 05/2023 đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng

■ Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 19/03/2024: Không có

BÀ NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

02 Bà **NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG**
Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1987

Nơi sinh: Sơn La

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên BKS Công ty

■ Quá trình công tác:

- 30/06/2012 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây dựng Lâm Đồng

■ Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 19/03/2024: Không có

ÔNG TRẦN HÙNG PHƯƠNG

03 Ông **TRẦN HÙNG PHƯƠNG**
Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1978

Nơi sinh: Long An

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty

■ Quá trình công tác:

- 2003 -2007: Trưởng phòng Kinh doanh Công ty CP Xuất nhập khẩu Nam Thái Sơn
- 2007 – 2013: Trưởng phòng Kinh doanh VPĐD Tập đoàn Dealim (Hàn Quốc)
- 2013 đến nay: Giám đốc Công ty Nhựa và Hoá chất Polychem
- 2016 đến nay: Thành viên góp vốn Công ty TNHH Đồng Hành Xanh
- 04/2016 – 04/2021: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây dựng Lâm Đồng
- 25/04/2021 - 26/09/2023: Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
- 04/2021 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây dựng Lâm Đồng

■ Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Giám đốc Công ty Nhựa và Hoá chất Polychem
- Thành viên góp vốn Công ty TNHH Đồng Hành Xanh.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 19/03/2024: Không có

BAN KIỂM SOÁT

RÀ SOÁT DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BKS TRONG NĂM:

- ĐHĐCĐ miễn nhiệm Bà Lê Thị Thủy chức danh Thành viên Ban kiểm soát vào ngày 01/5/2023.
- ĐHĐCĐ bổ nhiệm Ông Phạm Hồng Hải chức vụ Thành viên Ban kiểm soát vào ngày 01/5/2023.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2023

Trong năm 2023, Ban Kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp, bao gồm đánh giá hoạt động kế toán tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Ban Kiểm soát tập trung thực hiện kiểm soát các nội dung theo quy định luật Doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát, thông qua hoạt động như:

- Giám sát hoạt động của Công ty tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ Công ty.
- Giám sát, kiểm tra BCTC định kỳ quý, bán niên, năm.
- Tổ chức các cuộc họp để triển khai nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

- Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức 07 cuộc họp, 10 lần lấy ý kiến bằng văn bản và ban hành 16 Nghị quyết của HĐQT. Trong các cuộc họp đều có sự tham gia đầy đủ của các thành viên HĐQT và BKS. Các thành viên dự họp đã đóng góp ý kiến và xây dựng các Nghị quyết của HĐQT nhằm kịp thời đưa ra phục vụ hoạt động SXKD.
- Các nghị quyết của HĐQT ban hành trong các cuộc họp được chỉ đạo cụ thể bằng văn bản đến các trưởng phòng, bộ phận nghiệp vụ, các Giám đốc xí nghiệp, cán bộ quản lý được mời trong các cuộc họp của Ban điều hành.
- Trong năm 2023, HĐQT và Ban điều hành đã hoạt động rất tích cực và đạt hiệu quả, hoàn thành phần lớn kế hoạch kinh doanh đã đề ra năm 2023.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC:

- Ban Kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Trong các cuộc họp có báo cáo của Ban điều hành về kết quả SXKD, tiến độ đầu tư và đánh giá tỷ lệ thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra theo từng tháng, quý.
- Ban Kiểm soát cũng trao đổi công việc trực tiếp cũng như qua điện thoại, email với các thành viên ban điều hành, các trưởng bộ phận và thành viên khác trong Công ty.
- Các nghị quyết, báo cáo và tờ trình của Ban điều hành đều được gửi kịp thời đến Ban Kiểm soát để nắm bắt và theo dõi.

SỐ LƯỢNG CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Lê Thị Thủy	0	0%	Miễn nhiệm từ 01/5/2023
2	Phạm Hồng Hải	2	100%	Bổ nhiệm từ 01/5/2023
3	Nguyễn Thị Thu Hương	2	100%	-
4	Trần Hùng Phương	2	100%	-

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CỦA CÁC CUỘC HỌP

STT	Số Biên bản	Ngày	Nội dung
			<p>1. Bầu Trưởng Ban Kiểm soát:</p> <p>Căn cứ kết quả bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2023 đã diễn ra vào sáng ngày 22/4/2023, Ban kiểm soát đã tiến hành bầu nhân sự giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát.</p> <p>Kết quả bầu cử: Ông Phạm Hồng Hải giữ chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát (Nhiệm kỳ thành viên 2023 – 2027) với số phiếu tán thành 3/3.</p> <p>2. Phân công công việc:</p> <p>Ban Kiểm soát đã tiến hành thảo luận, bàn bạc và phân chia nhiệm vụ của từng thành viên như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Ông Phạm Hồng Hải – Trưởng BKS: Chịu trách nhiệm chung về kiểm soát hoạt động quản lý điều hành công ty, hoàn thiện các báo cáo để trình đại hội đồng cổ đông hoặc cung cấp cho cổ đông khi cần thiết. Ông Trần Hùng Phương – Thành viên BKS: Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và đầu tư; thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh của ban điều hành hàng quý, nửa năm, hàng năm. Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thành viên BKS: Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong tổ chức công tác kế toán, thu thập số liệu kế toán, chứng từ liên quan, chi tiết của các nghiệp vụ cần chú ý trong hoạt động tài chính của Công ty, cập nhật các số liệu báo cáo để trình cho đại hội đồng cổ đông hoặc cung cấp cho cổ đông khi cần thiết.
1	01-23/BKS/LBM	01/05/2023	
			<p>1. Phân tích và đánh giá kết quả kinh doanh của Công ty 6 tháng đầu năm 2023.</p> <p>2. Phân tích và đánh giá hiệu quả của các dự án đang đầu tư.</p> <p>3. Phân tích và đánh giá kết quả kinh doanh của Công ty 6 tháng đầu năm 2023.</p> <p>4. Phân công nhiệm vụ của từng thành viên 6 tháng cuối năm 2023.</p>
2	02-23/BKS/LBM	04/08/2023	



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

ĐVT: Đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Năm 2023
Thù lao năm 2023 của từng thành viên Hội đồng quản trị Công ty mẹ:			
1	Ông Lê Đình Hiến	Chủ tịch HĐQT	1.111.818.181
2	Ông Nguyễn An Thái	Phó Chủ tịch HĐQT	526.909.091
3	Ông Hậu Văn Tuấn	Thành viên HĐQT	310.909.091
4	Ông Phạm Gia Sâm	Thành viên HĐQT	310.909.091
5	Ông Mai Nam Dương	Thành viên HĐQT	310.909.091
6	Ông Ngô Văn Minh	Thành viên HĐQT	310.909.091
7	Ông Lê Văn Quý	Thành viên HĐQT	310.909.091
Tổng			3.193.272.727
Thu nhập của Giám đốc tài chính tập đoàn			
1	Ông Hậu Văn Tuấn	Giám đốc tài chính tập đoàn	150.000.000
Thu nhập năm 2023 của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác Công ty mẹ			
1	Ông Nguyễn An Thái	Tổng Giám đốc	1.943.234.164
2	Ông Lê Cao Quang	Phó Tổng Giám đốc	1.185.450.000
3	Ông Nguyễn Quang Duyệt	Phó Tổng Giám đốc	1.185.450.000
4	Ông Trần Văn Hiến	Phó Tổng Giám đốc	1.185.450.000
5	Ông Nguyễn Thanh Toàn	Phó Tổng Giám đốc	1.007.916.667
6	Ông Lê Nam Đồng	Phó Tổng Giám đốc	1.173.983.333
7	Ông Lê Thanh Hòa	Phó Tổng Giám đốc	939.050.000
8	Bà Dương Thị Ngọc Ngân	Kế toán trưởng	998.650.000
Tổng			9.619.184.164

STT	Họ và tên	Chức danh	Cổ tức đã chia năm 2023
Cổ tức đã chia cho từng Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác			
1	Ông Lê Đình Hiến	Chủ tịch HĐQT	349.741.740
2	Ông Nguyễn An Thái	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	218.652.000
3	Ông Phạm Gia Sâm	Thành viên HĐQT	49.590.000
4	Ông Mai Nam Dương	Thành viên HĐQT	274.025.600
5	Ông Lê Cao Quang	Thành viên HĐQT	205.138.820
6	Ông Nguyễn Quang Duyệt	Phó Tổng Giám đốc	49.590
7	Ông Trần Văn Hiến	Phó Tổng Giám đốc	16.530
8	Ông Nguyễn Thanh Toàn	Phó Tổng Giám đốc	11.020
9	Ông Lê Nam Đồng	Phó Tổng Giám đốc	5.890.000
10	Bà Dương Thị Ngọc Ngân	Kế toán trưởng	2.831.000
11	Ông Trần Hùng Phương	Thành viên BKS	361.469.300
Tổng			1.467.338.460
Tiền lương và chi phí hoạt động năm 2023 của từng thành viên Bộ phận Kiểm toán nội bộ			
1	Bà Nguyễn Thị Ngọc Đức	Trưởng bộ phận Kiểm toán nội bộ	605.250.000
2	Ông Trần Quang Thực	Thành viên bộ phận Kiểm toán nội bộ	393.250.000
3	Bà Huỳnh Thị Quế Hương	Thành viên bộ phận Kiểm toán nội bộ	386.250.000
Tổng			1.384.750.000
Tiền lương và chi phí hoạt động năm 2023 của từng thành viên Ban Kiểm soát			
1	Ông Phạm Hồng Hải	Trưởng Ban Kiểm soát	40.000.000
2	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên Ban Kiểm soát	146.909.091
3	Ông Trần Hùng Phương	Thành viên Ban Kiểm soát	146.909.091
4	Bà Lê Thị Thủy	Trưởng Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm 01/05/2023)	70.909.091
Tổng			404.727.273

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	Công ty mẹ
2	Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Công ty con
3	Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	Công ty con
4	Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đắk Nông	Công ty con
5	Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú	Công ty con
6	Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn	Công ty con
7	CTCP Đầu tư và Xây dựng 40	Công ty cùng Tập đoàn
8	HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát	Nhân sự quản lý chủ chốt

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY, CÔNG TY MẸ, CÔNG TY CON, CÔNG TY KHÁC DO CÔNG TY LBM NẪM QUYỀN KIỂM SOÁT TRÊN 50% TRỞ LÊN VỐN ĐIỀU LỆ VÀ NGƯỜI NỘI BỘ:

STT	Họ và tên	Nghị quyết/ Quyết định ĐHCĐ, HĐQT thông qua	Năm 2022 (đồng)	Năm 2023 (đồng)
Bán hàng và cung cấp dịch vụ				
1	CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng		19.861.088.344	11.004.662.789
2	Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành		798.999.000	1.614.142.660
3	Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đắk Nông	01/2023/NQ-ĐHCĐ-LBM ngày 22/4/2023	9.759.864.280	7.750.599.170
4	Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát		8.731.155.281	9.659.489.923
5	Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn		-	520.840.513
Tổng cộng			39.151.106.905	30.549.735.055

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY, CÔNG TY MẸ, CÔNG TY CON, CÔNG TY KHÁC DO CÔNG TY LBM NẪM QUYỀN KIỂM SOÁT TRÊN 50% TRỞ LÊN VỐN ĐIỀU LỆ VÀ NGƯỜI NỘI BỘ:

STT	Họ và tên	Nghị quyết/ Quyết định ĐHCĐ, HĐQT thông qua	Năm 2022 (đồng)	Năm 2023 (đồng)
Mua hàng và sử dụng dịch vụ				
1	CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng		4.719.737.033	3.369.001.854
2	Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	01/2023/NQ-ĐHCĐ-LBM ngày 22/4/2023	40.551.743.648	37.310.037.789
3	Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành		28.526.583.877	23.077.985.404
4	Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đắk Nông		816.266.562	258.277.000
Tổng cộng			74.614.331.120	64.015.302.047
Thanh lý tài sản cố định				
1	Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	01/2023/NQ-ĐHCĐ-LBM ngày 22/4/2023	-	66.000.000
Tổng			-	66.000.000
Cổ tức và lợi nhuận được chia				
1	Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành		2.963.300.000	2.973.300.000
2	Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	01/2023/NQ-ĐHCĐ-LBM ngày 22/4/2023	14.966.057.426	12.365.151.575
3	Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đắk Nông		3.404.064.657	649.385.401
Tổng cộng			21.333.422.083	15.987.836.976
Vay ngắn hạn				
1	CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	01/2023/NQ-ĐHCĐ-LBM ngày 22/4/2023	-	15.000.000.000
Tổng			-	15.000.000.000
Vay dài hạn				
1	Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	01/2023/NQ-ĐHCĐ-LBM ngày 22/4/2023	21.290.000.000	50.000.000.000
Tổng			21.290.000.000	50.000.000.000
Chi phí sử dụng vốn				
1	Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành		594.417.628	797.272.180
Tổng			594.417.628	797.272.180
Chi phí lãi vay				
1	CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng		-	111.986.301
Tổng			-	111.986.301

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY, CÔNG TY MẸ, CÔNG TY CON, CÔNG TY KHÁC DO CÔNG TY LBM NẪM QUYỀN KIỂM SOÁT TRÊN 50% TRỞ LÊN VỐN ĐIỀU LỆ VÀ NGƯỜI NỘI BỘ:

STT	Họ và tên	Nghị quyết/ Quyết định ĐHĐCĐ, HĐQT thông qua	Năm 2022 (đồng)	Năm 2023 (đồng)
Cho thuê xe vận chuyển, bán đầu DO				
1	Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn	-	-	520.840.513
Tổng			-	520.840.513
Trả cổ tức				
1	CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng		14.278.189.200	37.642.498.800
Tổng			14.278.189.200	37.642.498.800
Góp vốn				
1	Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành		330.000.000	-
2	Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú	-	10.000.000	5.000.000
3	Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đắk Nông		-	490.000.000
Tổng			340.000.000	495.000.000

STT	Họ và tên	Chức danh	Cổ tức đã chia năm 2023 (đồng)
Nhận cổ tức từ Công ty LBM năm 2023			
1	Ông Lê Đình Hiến	Chủ tịch HĐQT	349.741.740
2	Ông Nguyễn An Thái	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	218.652.000
3	Ông Phạm Gia Sâm	Thành viên HĐQT	49.590.000
4	Ông Mai Nam Dương	Thành viên HĐQT	274.025.600
5	Ông Lê Cao Quang	Thành viên HĐQT	205.138.820
6	Ông Nguyễn Quang Duyệt	Phó Tổng Giám đốc	49.590
7	Ông Trần Văn Hiến	Phó Tổng Giám đốc	16.530
8	Ông Nguyễn Thanh Toàn	Phó Tổng Giám đốc	11.020
9	Ông Lê Nam Đồng	Phó Tổng Giám đốc	5.890.000
10	Bà Dương Thị Ngọc Ngân	Kế toán trưởng	2.831.000
11	Ông Trần Hùng Phương	Thành viên BKS	361.469.300

GIAO DỊCH GIỮA NGƯỜI NỘI BỘ CÔNG TY NIÊM YẾT, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY DO CÔNG TY NIÊM YẾT NẪM QUYỀN KIỂM SOÁT

- Ông Trần Văn Hiến – Phó Tổng Giám đốc, tạm ứng đặt cọc đầu tư quyền sử dụng đất vụ sản xuất của Công ty tại tỉnh Đắk Nông. Tổng số tiền tạm ứng đến 31/12/2023: 4.600.000.000 đồng.
- Ông Lê Nam Đồng – Phó Tổng Giám đốc, tạm ứng đặt cọc đầu tư quyền sử dụng đất phục vụ sản xuất của Công ty tại khu vực huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Tổng số tiền tạm ứng đến 31/12/2023: 46.021.715.000 đồng.
- Ông Lê Thanh Hòa – Phó Tổng Giám đốc, tạm ứng đặt cọc đầu tư quyền sử dụng đất vụ sản xuất của Công ty tại khu vực huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Tổng số tiền tạm ứng đến 31/12/2023: 16.530.000.000 đồng.
- Ông Lê Cao Quang – Phó Tổng Giám đốc, ứng trước tiền liên quan đến việc đến việc chuyển nhượng thửa đất ở Huyện Tân Phú – Đồng Nai để phục vụ dự án Trạm bê tông Tân Phú – Đồng Nai đến ngày 31/12/2023: 4.512.000.000 đồng.
- Ông Nguyễn Vũ Ngọc Anh – GD Xí nghiệp Hiệp Tiến, ứng tiền: 9.500.000.000 đồng.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Người nội bộ và người có liên quan người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng,...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Thị Sương	Vợ của TV HĐQT Hầu Văn Tuấn	1.500	0,001%	0	0%	Mua 2.000 CP Bán 3.500 CP
2	Đoàn Khải	Anh rể của TV HĐQT Hầu Văn Tuấn	0	0%	1.000	0,005%	Mua 2.000 CP Bán 1.000 CP
3	Lê Cao Quang	Phó TGD	65.164	0,32%	87.564	0,437%	Trước 30/6: 2.400 CP; 30/8: 2.000 CP; 31/8: 2.000 CP; 6/9: 1.600 CP; 8/9: 2.000 CP 12/9: 500 CP 17/9: 1.800 CP; 19/9: 10.100 CP.
3.1	Trần Thị Thanh Huyền	Chị dâu của ông Lê Cao Quang	0	0	0	0	20/7 Mua: 10.000 CP Bán: 10/10: 600 CP; 19/10: 3.500 CP; 23/10: 2.000 CP; 26/10: 3.900 CP.
4	Lê Thanh Hòa	Phó TGD	132.000	0,66%	40.000	0,20%	01/01-30/06: Bán 50.400 CP 01/07-31/12: Bán 41.600 CP
5	Dương Thị Ngọc Ngân	Kế toán trưởng	1.200	0,006%	0	0%	Mua 700 CP Bán 1.900 CP
6	Trần Xuân Tâm	Người PT Quản trị - Thư ký	1.102	0,007%	1.802	0,009%	Mua 700 CP
7	Trần Quang Thục	TV BP Kiểm toán nội bộ	0	0%	0	0%	Mua 1.200 CP Bán 1.200 CP
8	Trần Hùng Phương	TV BKS	200.260	1,001%	0	0%	T8: Bán 99.000 CP T9: Bán 101.260 CP
9	Nguyễn Thị Ngọc Đức	Trưởng BP Kiểm toán nội bộ	0	0%	0	0%	2/8/2023: Mua 500 CP 5/9/2023: Bán 500 CP
10	Lê Nam Đồng	Phó TGD	3.000	0,01%	500	0,003%	Bán 1.500 CP
11	Nguyễn An Thái	TGD	76.400	0,38%	43.200	0,22%	Bán 33.200 CP

(*) Số CP sau khi phát hành tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 1:1.

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY:

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế Công ty trong quá trình hoạt động. HĐQT đã xây dựng và ban hành các quy chế nội bộ, hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Cũng như, đã triển khai thực hiện đầy đủ, đúng tiến độ các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua.

Căn cứ vào Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT), các hoạt động của HĐQT trong năm 2023 đã được triển khai một cách hiệu quả và chặt chẽ. HĐQT luôn tập trung thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) đề ra, đồng thời tuân thủ nghiêm túc Điều lệ công ty, Quy chế quản trị và các thông lệ chuẩn mực quản trị công ty.

Để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty, LBM đã áp dụng các giải pháp và kế hoạch như sau:

- Tiếp tục xây dựng và nâng cấp Website Công ty để cập nhật đầy đủ và kịp thời thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, công tác quản trị công ty,... Đây cũng là phương tiện giải đáp thắc mắc và tương tác với các bên liên quan như cổ đông, khách hàng, nhà đầu tư. Việc tăng cường giao tiếp và tương tác sẽ giúp Công ty hiểu rõ hơn nhu cầu của các bên liên quan và từ đó đưa ra các quyết định phù hợp để đáp ứng nhu cầu của họ, góp phần nâng cao hình ảnh và vị thế của Công ty trên thị trường.
- Công ty luôn coi trọng việc đảm bảo tính minh bạch và độ tin cậy của thông tin đối với nhà đầu tư. Do đó, Công ty tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về công bố thông tin với UBCKNN và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty cũng thường xuyên cập nhật thông tin trên Website theo đúng quy định của pháp luật. Nhờ vậy, nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm thông tin về Công ty và đưa ra quyết định đầu tư sáng suốt.



06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2023

- Báo cáo tài chính kiểm toán Hợp nhất năm 2023
- Báo cáo tài chính kiểm toán riêng năm 2023



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Đình Hiến	Chủ tịch
Ông Nguyễn An Thái	Phó Chủ tịch
Ông Hậu Văn Tuấn	Thành viên
Ông Phạm Gia Sâm	Thành viên
Ông Mai Nam Dương	Thành viên
Ông Lê Văn Quý	Thành viên
Ông Ngô Văn Minh	Thành viên

Danh sách các thành viên Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Ngọc Đức	Trưởng bộ phận
Ông Trần Quang Thục	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Quế Hương	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Hồng Hải	Trưởng ban – Bổ nhiệm ngày 01/05/2023
Bà Lê Thị Thủy	Trưởng ban – Miễn nhiệm ngày 01/05/2023
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Trần Hùng Phương	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tài chính Tập đoàn trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Hậu Văn Tuấn	Giám đốc tài chính – Bổ nhiệm ngày 25/09/2023

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn An Thái	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Hiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Cao Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Duyệt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Nam Đồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Bà Dương Thị Ngọc Ngân	Kế toán trưởng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn An Thái
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2024

RSM Việt Nam

Tầng 3A, Tòa nhà L'Mak The Signature
147-147Bis Hai Bà Trưng
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +8428 3827 5026
contact_hcm@rsm.com.vn

www.rsm.global/vietnam

Số: 271 /2024/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2024 từ trang 05 đến trang 52, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
 Phó Tổng Giám đốc
 Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề kiểm toán:
 0172-2023-026-1

Lê Võ Thuý Linh
 Kiểm toán viên
 Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề kiểm toán:
 3525-2021-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		403.101.143.434	314.974.858.712
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	71.485.359.897	91.532.223.138
1. Tiền	111		46.485.359.897	33.532.223.138
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.000.000.000	58.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		215.573.201.719	94.361.331.955
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	76.393.558.224	78.323.771.052
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	75.041.010.562	21.853.674.071
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	90.992.697.961	17.124.108.845
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(26.854.065.028)	(22.940.222.013)
III. Hàng tồn kho	140	4.6	113.739.288.576	128.410.629.891
1. Hàng tồn kho	141		115.290.093.445	129.961.434.760
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.550.804.869)	(1.550.804.869)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.303.293.242	670.673.728
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	175.600.500
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.13	103.827.383	470.642.828
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	2.199.465.859	24.430.400
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		366.774.571.587	398.032.317.442
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.085.352.449	2.323.367.269
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	3.085.352.449	2.323.367.269
II. Tài sản cố định	220		307.738.921.969	362.716.604.563
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	293.250.734.103	347.942.339.157
Nguyên giá	222		767.417.535.877	768.655.899.802
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(474.166.801.774)	(420.713.560.645)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	14.488.187.866	14.774.265.406
Nguyên giá	228		19.929.726.974	19.929.726.974
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.441.539.108)	(5.155.461.568)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		38.750.707.333	14.677.501.014
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.7	38.750.707.333	14.677.501.014
IV. Tài sản dài hạn khác	260		17.199.589.836	18.314.844.596
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	15.497.653.076	15.791.425.649
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	4.17	1.701.936.760	2.523.418.947
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		769.875.715.021	713.007.176.154

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		169.308.485.914	179.504.113.691
I. Nợ ngắn hạn	310		129.321.985.914	178.517.613.691
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	27.673.443.826	59.939.839.440
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	4.086.056.943	4.378.020.883
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	6.826.074.195	42.386.204.809
4. Phải trả người lao động	314		35.012.413.226	41.646.851.133
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	3.153.604.226	1.406.524.100
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	1.738.097.824	2.980.225.557
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.16	49.977.716.220	24.918.368.315
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		854.579.454	861.579.454
II. Nợ dài hạn	330		39.986.500.000	986.500.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.16	39.000.000.000	-
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		986.500.000	986.500.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		600.567.229.107	533.503.062.463
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.18	600.567.229.107	533.503.062.463
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		293.769.438.455	221.945.285.914
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		102.283.196.478	107.023.996.586
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		-	1.014.436.181
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		102.283.196.478	106.009.560.405
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4.514.594.174	4.533.779.963
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		769.875.715.021	713.007.176.154

Phê duyệt



Nguyễn An Thái
 Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Người lập

Dương Thị Ngọc Ngân
 Kế toán trưởng

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	901.723.777.354	1.113.267.981.194
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		901.723.777.354	1.113.267.981.194
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	638.276.847.595	852.321.476.282
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		263.446.929.759	260.946.504.912
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.106.624.422	1.533.487.612
6. Chi phí tài chính	22	5.4	4.702.482.287	1.147.143.690
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		4.366.794.179	824.227.032
7. Chi phí bán hàng	25	5.5	3.162.427.454	3.342.499.860
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	97.411.252.744	107.435.397.997
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		159.277.391.696	150.554.950.977
10. Thu nhập khác	31	5.7	3.956.937.644	2.975.815.244
11. Chi phí khác	32	5.8	3.357.802.186	1.899.224.101
12. Lợi nhuận khác	40		599.135.458	1.076.591.143
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		159.876.527.154	151.631.542.120
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	33.814.178.323	30.719.689.700
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.11	821.482.187	(527.204.015)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		125.240.866.644	121.439.056.435
17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		125.083.352.433	121.158.169.882
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		157.514.211	280.886.553
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.18.4	6.254	6.058
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.18.4	6.254	6.058

Phê duyệt



Nguyễn An Thái
 Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Người lập

Dương Thị Ngọc Ngân
 Kế toán trưởng

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		159.876.527.154	151.631.542.120
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.9	76.845.135.615	74.170.755.601
Các khoản dự phòng	03		3.913.843.015	935.053.004
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		14.309.439	174.623.664
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.276.887.879)	(1.699.438.255)
Chi phí lãi vay	06	5.4	4.366.794.179	824.227.032
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh	08		240.739.721.523	226.036.763.166
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09		1.346.030.782	3.931.846.428
Tăng hàng tồn kho	10		14.671.341.315	(60.376.331.713)
Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(48.575.643.131)	2.488.849.206
Giảm chi phí trả trước	12		469.373.073	1.142.633.486
Tiền lãi vay đã trả	14		(3.893.525.687)	(613.424.115)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.13	(53.651.956.788)	(6.065.525.891)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(7.000.000)	(10.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		151.098.341.087	166.534.810.567
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(189.171.929.432)	(130.578.739.663)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		11.103.531.986	2.817.895.623
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(330.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.3	1.052.403.407	1.218.042.978
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(177.015.994.039)	(126.872.801.062)

(Xem tiếp trang sau)

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	110.485.553.385	108.538.967.515
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(46.426.205.480)	(83.620.599.200)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(58.176.700.000)	(22.186.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		5.882.647.905	2.731.668.315
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		(20.035.005.047)	42.393.677.820
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		91.532.223.138	49.313.168.982
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(11.858.194)	(174.623.664)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	4.1	71.485.359.897	91.532.223.138

Phê duyệt



Nguyễn An Thái
Tổng Giám đốc

Người lập

Dương Thị Ngọc Ngân
Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 059249 ngày 28 tháng 05 năm 2003 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Lâm Đồng cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 05 tháng 08 năm 2022 để thay đổi vốn điều lệ.

Ngày 30 tháng 11 năm 2006, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 91/UBCK-GPNY ngày 30 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Ngày 20 tháng 12 năm 2006, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo số 820/TTGDHCM-NY ngày 14 tháng 12 năm 2006 của Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 200.000.000.000 VND được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	129.801.720.000	64,90	129.801.720.000	64,90
Các cổ đông khác	70.198.280.000	35,10	70.198.280.000	35,10
Cộng	200.000.000.000	100,00	200.000.000.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào các công ty con như được trình bày tại Mục 1.5 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các đơn vị trực thuộc của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 gồm:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ
Xí Nghiệp Hiệp An	Kinh doanh ống sứ chịu nhiệt, bột Samốt, các sản phẩm sau nung và cao lanh.	Quốc Lộ 20, xã Hiệp An, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.
Xí Nghiệp Gạch Ngói Tuynel Thành Mỹ	Kinh doanh gạch xây dựng và ngói các loại.	Nghĩa Lập, xã Thanh Mỹ, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.
Xí Nghiệp Hiệp Tiến	Kinh doanh cao lanh	Phường Lộc Tiến, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.
Xí Nghiệp Bê Tông Hiệp Lực 1	Kinh doanh bê tông thương phẩm, đá xây dựng các loại, dịch vụ vận chuyển và bơm bê tông thương phẩm.	87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.
Xí Nghiệp Bê Tông Hiệp Lực 2	Kinh doanh bê tông thương phẩm, đá xây dựng các loại, dịch vụ vận chuyển và bơm bê tông thương phẩm.	87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.
Xí nghiệp cung ứng nguyên vật liệu	Vận chuyển nguyên vật liệu	87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31/12/2023 là 731 (31/12/2022 là: 774).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác khoáng sản, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp giao thông, thủy lợi và nước sinh hoạt, san lấp mặt bằng;
- Kinh doanh vận chuyển hàng;
- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản;
- Hoạt động xuất nhập khẩu;

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

1.5. Các công ty con được hợp nhất

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ biểu quyết năm giữ	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	87 Phú Đồng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	100%	100%	100%
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	Thôn Hiệp Thành, xã Tam Bó, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.	94,39%	94,39%	94,39%
Công ty TNHH MTV Bê Tông LBM Đắk Nông	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	Thôn 12, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	Thửa đất 239, 289 TĐ số 23, ấp Phú Hợp B, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, Đồng Nai.	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn	Sản xuất và kinh doanh bê tông	Khu Công nghiệp Lộc Sơn, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.	100%	100%	100%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của ngân hàng có giao dịch sau:
 - + Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam;
 - + Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam;
 - + Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của các ngân hàng thương mại trên tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của các ngân hàng thương mại trên tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3.4. Nợ phải thu***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5. Hàng tồn kho***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

• Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
• Máy móc, thiết bị	02 - 16 năm
• Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 12 năm
• Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
• Cây lâu năm và tài sản khác	03 - 07 năm

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại:

- 87 Phù Đổng Thiên Vương, thành Phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng: Đã trích hết khấu hao.
- Xí Nghiệp Hiệp Tiến: Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.
- Xí Nghiệp Thanh Mỹ: Quyền sử dụng đất có thời hạn và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất.
- Xí Nghiệp Hiệp Lực: Quyền sử dụng đất có thời hạn và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Thừa đất số: 64, Tờ bản đồ số: 5, Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đăk R'lấp, tỉnh Đăk Nông, thời hạn sử dụng đến năm 2056.
- Các thửa đất, tờ bản đồ và thời hạn sử dụng tương ứng tại Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đăk R'lấp, tỉnh Đăk Nông như sau:

<u>Thửa đất</u>	<u>Tờ bản đồ</u>	<u>Thời hạn sử dụng</u>
Số 13	Số 5	Đến năm 2056
Số 64	Số 5	Đến 15/10/2056
Số 27	Số 15	Đến 01/07/2064
Số 84	Số 16	Đến 01/07/2064
Số 27	Số 22	Đến 2050
Số 63	Số 5	Đến 2050
Số 29	Số 22	Đến 03/2058
Số 61	Số 15	Đến 2050

- Thừa đất số: 119 Tờ bản đồ số: 56, Thừa đất số: 110 Tờ bản đồ số: 56, thôn Thuận Nam, xã Thuận An, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông, thời hạn sử dụng đến 15/10/2044.

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.8. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang đang là quyền sử dụng đất đang chờ hoàn tất đầy đủ giấy tờ hợp lý hợp lệ, bao gồm:

- Thừa đất số: 79, Tờ bản đồ số: 12, thôn Thuận Trung, xã Thuận Hạnh, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông, thời hạn sử dụng đến năm 2063.
- Thừa đất số: 184, 185, 181 Tờ bản đồ số: 61, thôn Thuận Nam, xã Thuận An, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông, thời hạn sử dụng đến 01/07/2064, trong đó có 1.636 m² sử dụng đến 15/10/2048.
- Thừa đất số: 65 Tờ bản đồ số: 5, Thừa đất số: 20 Tờ bản đồ số: 5, Thừa đất số: 11 Tờ bản đồ số: 5, Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đăk R'lấp, tỉnh Đăk Nông, thời hạn sử dụng đến các năm 2056 và đến 2057.
- Thừa đất số: 104 Tờ bản đồ số: 1, Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đăk R'lấp, tỉnh Đăk Nông, thời hạn sử dụng đến năm 2061.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**3.9. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước,... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Chi phí đền bù, phí cấp quyền khai thác mỏ được phân bổ theo thời gian giấy phép khai thác mỏ từ 04 đến 21 năm;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 02 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.12. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí lãi vay.

3.13. Nguồn vốn chủ sở hữu**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.14. Doanh thu và thu nhập khác**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý.

3.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, chi phí khác, lỗ tỷ giá hối đoái.

3.17. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.18. Thuế**Thuế thu nhập doanh nghiệp****Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tập đoàn chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Xuất khẩu ổng sứ: 0%
- Các thành phẩm dịch vụ khác: 10%

Theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành Nghị quyết số 101/2023/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 06 năm 2023, Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa, dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

3.19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.21. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.22. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền mặt	1.187.184.439	2.189.689.262
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	45.298.175.458	31.342.533.876
Các khoản tương đương tiền (*)	25.000.000.000	58.000.000.000
Cộng	71.485.359.897	91.532.223.138

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất từ 4,1% đến 6%/năm.

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	69.622.793	3.807.269.827
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Bạch Việt	8.802.563.055	8.802.563.055
Các khách hàng khác (*)	67.521.372.376	65.713.938.170
Cộng	76.393.558.224	78.323.771.052

(*) Tại ngày 31/12/2023, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng nhỏ hơn 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	4.512.000.000	4.512.000.000
Trả trước cho người bán:		
Lê Hữu Chiến (*)	49.930.000.000	-
Nguyễn Việt Lương (**)	8.195.416.799	8.195.416.799
Công Ty TNHH Đầu Tư Và Chuyển Đổi Số Đại Nam (***)	5.395.500.000	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Khoáng sản Việt (****)	3.220.123.000	3.020.123.000
Các nhà cung cấp khác	3.787.970.763	6.126.134.272
Cộng	75.041.010.562	21.853.674.071

(*) Là khoản trả trước chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thôn Gắn Reo, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng theo Hợp đồng ký kết ngày 30 tháng 03 năm 2023.

(**) Là khoản trả trước chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với các Thửa đất số 12, 238, 35, 27, 28, 29, 30, 31, 04, 198, 01, 05, 06, 32, 198, 50, 37, 03, 07, 10, 14, 18, 203 Tờ bản đồ số 48 (2013), 49 (2013), 61 (2013), 62 (2013) tọa lạc tại thôn Tân Phú, xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng theo Hợp đồng ký kết ngày 08 tháng 11 năm 2019.

(***) Là khoản trả trước cho việc cung cấp, lắp đặt trạm trộn bê tông theo Hợp đồng số HDTT.23-024/DTDAINAM-LBMDAKNONG ký kết ngày 19 tháng 03 năm 2023.

(****) Là khoản trả trước cho việc lập hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản và gia hạn giấy phép khai thác mỏ Cao Lanh khu vực xã Lộc Châu, thành phố Bảo Lộc và xã Lộc Tân, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng; gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản bentonite và sét gạch ngói số 37/GP-UBND ngày 11 tháng 05 năm 2007 tại xã Tam Bó, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.4. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn:				
Phải thu người lao động là các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	75.797.521.000	-	4.600.000.000	-
Phải thu khác xí nghiệp xây lắp	4.425.873.866	(4.425.873.866)	4.425.873.866	(4.425.873.866)
Phải thu người lao động	9.778.223.669	(19.780.700)	7.120.186.266	-
Phải thu khác	991.079.426	(118.932.268)	978.048.713	(123.941.974)
Cộng	90.992.697.961	(4.564.586.834)	17.124.108.845	(4.549.815.840)
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	3.085.352.449	-	2.323.367.269	-

4.5. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng quá hạn	28.508.483.033	6.223.627.039	20.389.799.598	1.999.393.425
Tổng giá trị các khoản phải thu khác quá hạn	4.609.449.134	40.240.100	4.551.340.840	1.525.000
Cộng	33.117.932.167	6.263.867.139	24.941.140.438	2.000.918.425

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì một số khách hàng không thể liên lạc và một số khách hàng đang tranh chấp.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 VND			Tại ngày 01/01/2023 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Bạch Việt	8.802.563.055	-	Trên 3 năm Từ 6 tháng đến trên 3 năm	8.802.563.055	-	Trên 3 năm Từ 6 tháng đến trên 3 năm
Các khách hàng khác	24.315.369.112	6.263.867.139		16.138.577.383	2.000.918.425	
Cộng	33.117.932.167	6.263.867.139		24.941.140.438	2.000.918.425	

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	80.170.590.104	-	85.611.126.429	-
Công cụ, dụng cụ	1.914.859.110	-	1.883.632.142	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.176.427.067	-	3.942.971.908	-
Thành phẩm	28.252.674.869	(835.242.862)	37.142.092.799	(835.242.862)
Hàng hóa	775.542.295	(715.562.007)	1.381.611.482	(715.562.007)
Cộng	115.290.093.445	(1.550.804.869)	129.961.434.760	(1.550.804.869)

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Dự án Hệ nghiên Camly	22.906.734.624	-
Mua quyền sử dụng đất	7.047.005.500	7.047.005.500
Xây dựng nhà văn phòng, bờ kè, sân bãi thuộc dự án Tân Phú	3.874.410.560	454.254.856
Xây dựng dự án mỏ đá Tây Đại Lào	-	4.555.032.212
Khác	4.922.556.649	2.621.208.446
Cộng	38.750.707.333	14.677.501.014

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cây lâu năm VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:							
Tại ngày 01/01/2023	110.932.993.748	372.932.375.204	281.415.705.296	2.317.805.796	520.611.939	536.407.819	768.655.899.802
Mua trong năm	1.292.398.732	1.995.863.635	18.615.246.422	-	-	-	21.903.508.789
Đầu tư XDCB hoàn thành	3.857.670.326	3.985.321.420	-	-	-	-	7.842.991.746
Thanh lý, nhượng bán	-	(5.890.450.673)	(25.094.413.787)	-	-	-	(30.984.864.460)
Tại ngày 31/12/2023	116.083.062.806	373.023.109.586	274.936.537.931	2.317.805.796	520.611.939	536.407.819	767.417.535.877
Giá trị hao mòn lũy kế:							
Tại ngày 01/01/2023	62.483.205.457	201.992.235.431	154.237.475.742	1.163.624.257	520.611.939	316.407.819	420.713.560.645
Khấu hao trong năm	9.553.442.043	30.361.071.211	36.255.961.237	388.583.584	-	-	76.559.058.075
Thanh lý, nhượng bán	-	(5.825.869.260)	(17.279.947.686)	-	-	-	(23.105.816.946)
Tại ngày 31/12/2023	72.036.647.500	226.527.437.382	173.213.489.293	1.552.207.841	520.611.939	316.407.819	474.166.801.774
Giá trị còn lại:							
Tại ngày 01/01/2023	48.449.788.291	170.940.139.773	127.178.229.554	1.154.181.539	-	220.000.000	347.942.339.157
Tại ngày 31/12/2023	44.046.415.306	146.495.672.204	101.723.048.638	765.597.955	-	220.000.000	293.250.734.103

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2023 của TSCĐ hữu hình là 135.475.405.194 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay - Xem thêm Mục 4.16.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 234.996.020.860 VND.

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Chi phí thăm dò hàm mỏ VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2023	16.884.831.876	2.528.795.098	516.100.000	19.929.726.974
Tại ngày 31/12/2023	16.884.831.876	2.528.795.098	516.100.000	19.929.726.974
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2023	2.110.566.470	2.528.795.098	516.100.000	5.155.461.568
Khấu hao trong năm	286.077.540	-	-	286.077.540
Tại ngày 31/12/2023	2.396.644.010	2.528.795.098	516.100.000	5.441.539.108
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2023	14.774.265.406	-	-	14.774.265.406
Tại ngày 31/12/2023	14.488.187.866	-	-	14.488.187.866

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình là 6.436.207.964 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay - Xem thêm Mục 4.16.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.086.381.098 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.10. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Dài hạn:		
Quyền khai thác khoáng sản (*)	15.175.702.880	14.508.062.380
Các khoản khác	321.950.196	1.283.363.269
Cộng	15.497.653.076	15.791.425.649

(*) Quyền khai thác khoáng sản được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Quyền khai thác mỏ Đại Lào	13.703.867.246	13.274.306.654
Quyền khai thác mỏ Nthon Hạ	1.299.114.567	1.016.935.659
Quyền khai thác mỏ Tutra	172.721.067	216.820.067
Cộng	15.175.702.880	14.508.062.380

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	197.756.301	197.756.301	8.094.808.512	8.094.808.512
Phải trả cho người bán:				
Công ty TNHH Thiên Tự Phước	3.592.843.506	3.592.843.506	10.017.276.606	10.017.276.606
Công ty TNHH Hòa Thành Tiến	915.316.796	915.316.796	2.999.206.692	2.999.206.692
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	22.967.527.223	22.967.527.223	38.828.547.630	38.828.547.630
Cộng	27.673.443.826	27.673.443.826	59.939.839.440	59.939.839.440

(*) Tại ngày 31/12/2023, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi khoản nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

4.12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Công ty TNHH Phúc Minh	459.900.000	459.900.000
Các khách hàng khác	3.626.156.943	3.918.120.863
Cộng	4.086.056.943	4.378.020.863

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2023		Trong năm		Tại ngày 01/01/2023	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	103.827.383	1.101.046.522	84.159.427.557	90.303.384.488	470.642.828	7.611.818.898
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	293.768.519	293.768.519	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	5.212.669.785	33.814.178.323	53.651.956.788	-	25.050.448.250
Thuế thu nhập cá nhân	-	470.981.159	5.353.588.113	5.517.486.990	-	634.880.036
Thuế tài nguyên	63.853.161	92.640	9.096.886.440	14.270.456.735	22.903.500	5.132.713.274
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	2.131.085.798	-	7.042.936.884	12.168.483.293	-	2.994.460.611
Các loại thuế khác	3.000.000	41.284.089	1.884.390.149	2.807.989.800	-	961.883.740
Các khoản phí, lệ phí	1.526.900	-	56.725.232	56.725.232	1.526.900	-
Cộng	2.303.293.242	6.826.074.195	141.701.901.217	179.070.251.845	495.073.228	42.386.204.809

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Các khoản trích trước cung cấp quyền Camly	1.476.216.131	-
Trích trước phí hoàn nguyên môi trường	1.257.391.628	1.343.590.733
Các khoản trích trước khác	419.996.467	62.933.367
Cộng	3.153.604.226	1.406.524.100

4.15. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Kinh phí công đoàn	427.287.136	612.264.507
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.310.810.688	2.367.961.050
Cộng	1.738.097.824	2.980.225.557

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Vay từ các bên liên quan						
- Xem thêm Mục 8	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-	-
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	9.744.202.495	9.744.202.495	19.840.931.834	26.482.358.854	16.385.629.515	16.385.629.515
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	10.233.513.725	10.233.513.725	15.644.621.551	13.943.846.626	8.532.738.800	8.532.738.800
Nợ dài hạn đến hạn phải trả	15.000.000.000	15.000.000.000	21.000.000.000	6.000.000.000	-	-
Cộng	49.977.716.220	49.977.716.220	71.485.553.385	46.426.205.480	24.918.368.315	24.918.368.315
Dài hạn:						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	39.000.000.000	39.000.000.000	60.000.000.000	21.000.000.000	-	-
Tổng cộng	88.977.716.220	88.977.716.220	131.485.553.385	67.426.205.480	24.918.368.315	24.918.368.315

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thông tin chi tiết các khoản vay như sau:

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam:**

Hạn mức vay: 150.000.000.000 VND.
 Thời hạn vay: Theo từng lần trên Giấy nhận nợ, tối đa không quá 03 tháng.
 Lãi suất: Theo từng lần trên Giấy nhận nợ, lãi suất trung bình 6,00%/năm.
 Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
 Tài sản đảm bảo: Vay tín chấp không có tài sản đảm bảo.
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam:**

Hạn mức vay: 20.000.000.000 VND.
 Thời hạn vay: Theo từng lần trên Giấy nhận nợ, tối đa không quá 03 tháng.
 Lãi suất: Theo từng lần trên Giấy nhận nợ, lãi suất trung bình 7,73%/năm.
 Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
 Tài sản đảm bảo: Vay tín chấp không có tài sản đảm bảo.
- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam:**

Hạn mức vay: 95.000.000.000 VND.
 Thời hạn vay: 60 tháng.
 Lãi suất: 9,3%/năm, áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 06 tháng/lần vào các ngày đầu quý.
 Mục đích vay: Cho vay hoàn vốn tự có đối với các chi phí Tập đoàn đã đầu tư 61 máy móc thiết bị và phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.
 Tài sản đảm bảo: - Những quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thuê (nhà làm việc) tại 87 Đường Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng được nêu tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2023/590344/HĐBBĐ ngày 28/03/2023 với giá trị định giá là 51.925.000.000 VND - Xem thêm các Mục 4.8 và 4.9.
 - Những máy móc thiết bị và phương tiện vận tải được nêu tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2023/590344/HĐBBĐ ngày 29/03/2023 với giá trị định giá lần lượt là 10.500.000.000 VND và 38.110.000.000 VND - Xem thêm Mục 4.8.
 - Những máy móc thiết bị; phương tiện vận tải và thiết bị dùng cụ quản lý được nêu tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2023/590344/HĐBBĐ ngày 29/03/2023 với giá trị định giá lần lượt là 54.500.000.000 VND; 4.300.000.000 VND và 200.000.000 VND - Xem thêm Mục 4.8.
 - Những phương tiện vận tải được nêu tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2023/590344/HĐBBĐ ngày 29/03/2023 với giá trị định giá là 24.790.000.000 VND - Xem thêm Mục 4.8.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.701.936.760	2.523.418.947

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ

(Xem tiếp trang sau)

4.18. Vốn chủ sở hữu

4.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn có phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2022	100.000.000.000	60.570.786.237	199.037.371.599	69.940.365.042	5.032.183.150	434.580.706.028
Tăng vốn trong năm trước	100.000.000.000	(60.570.786.237)	(39.429.213.763)	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	121.158.169.882	280.886.553	121.439.056.435
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	62.337.128.078	(62.337.128.078)	-	-
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2021	-	-	-	(10.000.000.000)	(186.700.000)	(10.186.700.000)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2022	-	-	-	(12.000.000.000)	-	(12.000.000.000)
Thay đổi từ hợp nhất kinh doanh	-	-	-	262.589.740	(592.589.740)	(330.000.000)
Tại ngày 01/01/2023	200.000.000.000	-	221.945.285.914	107.023.996.586	4.533.779.963	533.503.062.463
Lãi trong năm nay	-	-	-	125.083.352.433	157.514.211	125.240.866.644
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	71.824.152.541	(71.824.152.541)	-	-
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2022	-	-	-	(38.000.000.000)	(176.700.000)	(38.176.700.000)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	(20.000.000.000)	-	(20.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2023	200.000.000.000	-	293.769.438.455	102.283.196.478	4.514.594.174	600.567.229.107

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	129.801.720.000	129.801.720.000
Các cổ đông khác	70.198.280.000	70.198.280.000
Cộng	200.000.000.000	200.000.000.000

4.18.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	20.000.000	20.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.18.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi hợp nhất sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	125.083.352.433	121.158.169.882
Lãi hợp nhất sau thuế để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	125.083.352.433	121.158.169.882
Số lượng cổ phiếu để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	6.254	6.058

4.19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
USD	33.624,33	976,17
	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Nợ khó đòi đã xử lý:		
Xóa sổ do không có khả năng thu hồi	3.856.779.443	3.856.779.443

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán than, bentonite và giao khoán mỏ	44.251.728.359	72.690.106.568
Doanh thu gốm sứ chịu nhiệt	32.241.128.856	33.940.464.581
Doanh thu gạch	21.393.841.549	31.406.181.005
Doanh thu cao lanh	23.938.255.893	11.864.413.499
Doanh thu bê tông	777.371.484.625	960.876.045.945
Doanh thu điện năng lượng mặt trời	2.527.338.072	2.490.769.596
Tổng cộng	901.723.777.354	1.113.267.981.194

Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 8

10.021.247.413 18.322.139.362

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn than, bentonite và giao khoán mỏ	5.174.454.278	21.268.509.972
Giá vốn gốm sứ chịu nhiệt	21.629.296.647	24.791.298.249
Giá vốn gạch	7.912.283.359	9.228.288.954
Giá vốn cao lanh	17.775.961.199	10.506.085.571
Giá vốn bê tông	584.317.346.132	785.056.427.376
Giá vốn điện năng lượng mặt trời	1.467.505.980	1.470.866.160
Cộng	638.276.847.595	852.321.476.282

Giá vốn năm nay giảm 25% so với năm trước và giảm nhiều hơn tỷ lệ giảm của doanh thu do Tập đoàn tăng cường việc kiểm soát chi phí đầu vào.

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi	1.052.403.407	1.218.042.978
Lãi chênh lệch tỷ giá	53.473.329	315.444.634
Doanh thu hoạt động tài chính khác	747.686	-
Cộng	1.106.624.422	1.533.487.612

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí lãi vay từ bên liên quan - Xem thêm Mục 8	111.986.301	-
Chi phí lãi vay ngân hàng	4.254.807.878	824.227.032
Lỗ chênh lệch tỷ giá	263.962.310	309.932.364
Chi phí tài chính khác	71.725.798	12.984.294

Cộng **4.702.482.287** **1.147.143.690**

Chi phí tài chính năm nay tăng hơn 310% so với năm trước chủ yếu là do chi phí lãi vay tăng mạnh do nhu cầu vốn lưu động tăng nên Tập đoàn có thêm các khoản vay mới – Xem thêm Mục 4.16.

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên	373.258.493	215.164.362
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	1.408.480.852	1.436.878.193
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	388.391.309	379.218.981
Chi phí khấu hao TSCĐ	29.533.332	29.533.332
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.965.356	221.069.915
Chi phí bằng tiền khác	927.798.112	1.060.635.077

Cộng **3.162.427.454** **3.342.499.860**

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên	64.544.727.894	76.588.125.775
Chi phí vật liệu quản lý	2.772.934.360	2.813.952.934
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.460.715.630	1.591.990.077
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.447.215.221	7.983.808.655
Thuế, phí và lệ phí	2.196.014.462	1.746.210.875
Chi phí dự phòng	3.913.843.015	935.053.004
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.755.389.182	3.064.872.111
Chi phí bằng tiền khác	11.320.412.980	12.711.384.566

Cộng **97.411.252.744** **107.435.397.997**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.7. Thu nhập khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.224.484.472	463.668.004
Nhập kho nguyên liệu	646.325.702	-
Xử lý công nợ	18.181.818	126.305.014
Bán phế liệu	4.898.772	300.000.000
Thu nhập khác	63.046.880	2.085.842.226

Cộng **3.956.937.644** **2.975.815.244**

5.8. Chi phí khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Các khoản bị phạt	2.020.286.536	279.782.967
Xử lý công nợ	9.633.722	20.765.256
Các khoản khác	1.327.881.928	1.598.675.878

Cộng **3.357.802.186** **1.899.224.101**

5.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	349.024.614.912	553.064.632.298
Chi phí nhân công	159.142.113.854	179.209.406.392
Chi phí khấu hao tài sản cố định	76.845.135.615	74.170.755.601
Chi phí dịch vụ mua ngoài	106.722.800.980	136.839.145.633
Chi phí khác bằng tiền	37.853.830.474	34.269.532.227

Cộng **729.588.495.835** **977.553.472.151**

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	159.876.527.154	151.631.542.120
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	4.498.922.621	2.293.137.322
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(20.288.742.435)	(1.114.681.599)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	144.086.707.340	152.809.997.843
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	28.817.341.468	30.561.999.569
Cộng: Điều chỉnh thuế TNDN của năm trước	5.036.202.115	341.063.332
Trừ: Giảm 50% thuế TNDN được ưu đãi	(39.365.260)	(183.373.201)
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	33.814.178.323	30.719.689.700

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí, thu nhập khi tính thuế TNDN như: chi phí nộp phạt vi phạm hành chính, chi phí khấu hao tài sản cố định vượt quá 1,6 tỷ, chi phí không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, chi phí không có chứng từ hợp lệ.

5.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại, thuế TNDN hoãn lại phải trả của Tập đoàn và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

	Lãi chưa thực hiện trong hàng tồn kho VND
Tại ngày 01/01/2022	(1.996.214.932)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm trước	(527.204.015)
Tại ngày 01/01/2023	(2.523.418.947)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm nay	821.482.187
Tại ngày 31/12/2023	(1.701.936.760)

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	110.485.553.385	108.538.967.515

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(46.426.205.480)	(83.620.599.200)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Kinh doanh vật liệu xây dựng; giao khoán và khai thác mỏ;
- Sản xuất và kinh doanh gốm sứ chịu lửa;
- Sản xuất gạch;
- Khai thác và chế biến cao lanh;
- Khai thác đá và sản xuất bê tông chịu lực;
- Sản xuất và bán điện năng lượng mặt trời

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ VND	Gồm sứ chịu lửa VND	Gạch VND	Cao lanh VND	Đá, bê tông VND	Điện năng lượng mặt trời VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	85.087.885.194	32.241.128.856	45.770.817.424	23.938.255.893	785.988.364.520	2.527.338.072	(73.830.012.605)	901.723.777.354
GVNB	50.025.842.137	21.636.046.647	31.477.916.176	17.769.211.199	593.915.930.813	1.467.505.980	(78.015.605.357)	638.276.847.595
Lãi góp	35.062.043.057	10.605.082.209	14.292.901.248	6.169.044.694	192.072.433.707	1.059.832.092	4.185.592.752	263.446.929.759
Chi phí bán hàng	23.955.656	1.796.872.161	3.440.841	391.162.243	946.996.553	-	-	3.162.427.454
Chi phí QLDN	1.847.561.264	4.898.439.597	6.683.993.317	3.229.330.541	80.508.329.231	205.531.521	38.067.273	97.411.252.744
Lợi nhuận từ HĐ bán hàng	33.190.526.137	3.909.770.451	7.605.467.090	2.548.551.910	110.617.107.923	854.300.571	4.147.525.479	162.873.249.561
Doanh thu tài chính	17.084.051.496	2.222.408	798.277.674	678.160	7.219.737	295.814	(16.786.120.867)	1.106.624.422
Chi phí tài chính	5.296.027.809	59.147.777	-	13.229.407	-	-	(665.922.706)	4.702.482.287
Lợi nhuận HD tài chính	11.788.023.687	(56.925.369)	798.277.674	(12.551.247)	7.219.737	295.814	(16.120.198.161)	(3.595.857.865)
Thu nhập khác	2.462.796.069	4.197.502	63.093.520	1.344.070	9.256.977.675	3.150.439	(7.854.621.631)	3.956.937.644
Chi phí khác	2.927.600.500	1	91.083.074	270.257	8.113.005.051	2.474.166	(7.776.630.863)	3.357.802.186
Lợi nhuận sau thuế	(464.804.431)	4.197.501	(7.989.554)	1.073.813	1.143.972.624	676.273	(77.990.768)	599.135.458
Tổng lợi nhuận trước thuế	44.513.745.393	3.857.042.583	8.395.755.210	2.537.074.476	111.768.300.284	855.272.658	(12.050.663.450)	159.876.527.154
Chi phí thuế TNDN hiện hành								33.814.178.323
Chi phí thuế TNDN hoãn lại								821.482.187
Lợi nhuận sau thuế								125.240.866.644

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thông tin khác:

Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ Tại ngày 31/12/2023 VND	Gồm sứ chịu lửa Tại ngày 31/12/2023 VND	Gạch Tại ngày 31/12/2023 VND	Cao lanh Tại ngày 31/12/2023 VND	Đá, bê tông Tại ngày 31/12/2023 VND	Điện năng lượng mặt trời Tại ngày 31/12/2023 VND	Loại trừ Tại ngày 31/12/2023 VND	Tổng cộng Tại ngày 31/12/2023 VND
80.961.327.922	30.677.511.845	43.551.043.140	22.777.308.201	747.869.823.982	2.404.768.269	(160.068.005.098)	768.173.778.261
1.701.936.760	-	-	-	-	-	-	1.701.936.760
82.663.264.682	30.677.511.845	43.551.043.140	22.777.308.201	747.869.823.982	2.404.768.269	(160.068.005.098)	769.875.715.021
Nợ phải trả của bộ phận	21.269.499.175	8.059.345.488	11.441.374.541	5.983.868.477	196.474.255.204	631.761.089	(74.551.618.059)
Chi phí mua sắm tài sản trong năm	19.115.778.489	-	2.897.853.276	319.444.444	7.413.424.326	-	29.746.500.535
Chi phí khấu hao trong năm	7.015.481.000	840.202.630	2.241.370.180	417.925.043	66.330.156.762	-	76.845.135.615

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ VND	Gồm sử dụng chịu lửa VND	Gạch VND	Cao lanh VND	Đá, bê tông VND	Điện năng lượng mặt trời VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	115.309.979.300	33.940.464.581	60.736.729.550	11.864.413.499	970.772.235.105	2.490.769.596	(81.846.610.437)	1.113.267.981.194
GVHB	73.691.302.043	25.348.438.057	40.357.396.565	9.940.901.200	780.741.344.440	1.470.866.160	(79.228.772.183)	852.321.476.282
Lãi gộp	41.618.677.257	8.592.026.524	20.379.332.985	1.923.512.299	190.030.890.665	1.019.903.436	(2.617.838.254)	260.946.504.912
Chi phí bán hàng	82.457.912	1.816.097.174	3.314.608	227.260.912	1.213.369.254	-	-	3.342.499.860
Chi phí QLDN	1.705.195.425	4.331.183.680	9.190.797.839	2.275.842.014	89.797.920.352	134.458.687	-	107.435.397.997
Lợi nhuận từ HĐ bán hàng	39.831.023.920	2.444.745.670	11.185.220.538	(579.590.627)	99.019.601.059	885.444.749	(2.617.838.254)	150.168.607.055
Doanh thu tài chính	22.664.631.445	179.084.081	596.221.658	14.024.149	7.195.623	170.367	(21.927.839.711)	1.533.487.612
Chi phí tài chính	1.611.867.279	117.526.669	-	12.167.370	-	-	(594.417.628)	1.147.143.690
Lợi nhuận HĐ tài chính	21.052.764.166	61.557.412	596.221.658	1.856.779	7.195.623	170.367	(21.333.422.083)	386.343.922
Thu nhập khác	873.372.022	1.498.192	50.321.669	19.573.893	2.035.446.888	13.784.398	(18.181.818)	2.975.815.244
Chi phí khác	1.126.483.829	357.801	52.605	599	770.485.579	1.843.688	-	1.899.224.101
Lợi nhuận sau thuế	(253.111.807)	1.140.391	50.269.064	19.573.294	1.264.961.309	11.940.710	(18.181.818)	1.076.591.143
Tổng lợi nhuận trước thuế	60.630.676.279	2.507.443.473	11.831.711.260	(568.160.554)	100.291.757.991	897.555.826	(23.969.442.155)	151.631.542.120
Chi phí thuế TNDN hiện hành								30.719.689.700
Chi phí thuế TNDN hoãn lại								(527.204.015)
Lợi nhuận sau thuế								121.439.056.435

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thông tin khác:

Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ Tại ngày 01/01/2023 VND	Gồm sử dụng chịu lửa Tại ngày 01/01/2023 VND	Gạch Tại ngày 01/01/2023 VND	Cao lanh Tại ngày 01/01/2023 VND	Đá, bê tông Tại ngày 01/01/2023 VND	Điện năng lượng mặt trời Tại ngày 01/01/2023 VND	Loại trừ Tại ngày 01/01/2023 VND	Tổng cộng Tại ngày 01/01/2023 VND
86.112.480.551	25.346.441.079	45.357.656.587	8.860.239.876	724.964.185.426	1.860.084.875	(182.017.331.187)	710.483.757.207
2.523.418.947	-	-	-	-	-	-	2.523.418.947
88.635.899.498	25.346.441.079	45.357.656.587	8.860.239.876	724.964.185.426	1.860.084.875	(182.017.331.187)	713.007.176.154
Nợ phải trả của bộ phận	26.360.916.175	7.759.100.706	13.884.972.022	2.712.313.467	221.927.414.004	(93.710.015.399)	179.504.113.691
Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ Năm 2022 VND	Gồm sử dụng chịu lửa Năm 2022 VND	Gạch Năm 2022 VND	Cao lanh Năm 2022 VND	Đá, bê tông Năm 2022 VND	Điện năng lượng mặt trời Năm 2022 VND	Loại trừ Năm 2022 VND	Tổng cộng Năm 2022 VND
107.404.080.606	-	1.965.459.161	-	36.697.868.912	-	-	146.067.408.679
7.987.001.569	848.024.016	2.254.388.665	399.446.836	62.681.894.515	-	-	74.170.755.601

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Tập đoàn chủ yếu tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	Công ty mẹ
2. Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Công ty con
3. Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát	Công ty con
4. Công ty TNHH MTV Bê Tông LBM Đắk Nông	Công ty con
5. Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú	Công ty con
6. Công ty TNHH Một Thành Viên LBM Lộc Sơn	Công ty con
7. Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng 40	Công ty cùng tập đoàn
8. HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát	Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 31/12/2023 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2023 VND</u>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng – Xem thêm Mục 4.2:		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	69.622.793	3.807.269.827
	<u>Tại ngày 31/12/2023 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2023 VND</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.3:		
Ông Lê Cao Quang – Phó Tổng Giám đốc (*)	4.512.000.000	4.512.000.000
(*) Đây là khoản ứng trước cho ông Lê Cao Quang – Phó Tổng Giám đốc (người bán) liên quan đến việc chuyển quyền sử dụng các Thửa đất số 124, 239, 289, 132, 114, 127, 126 tại địa chỉ ấp Phú Hợp B, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, với tổng diện tích là 9.129,8 m ² .		
	<u>Tại ngày 31/12/2023 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2023 VND</u>
Tạm ứng:		
Ông Lê Nam Đồng – Phó Tổng giám đốc (*)	53.267.521.000	-
Ông Lê Thanh Hoà – Phó Tổng giám đốc (**)	16.530.000.000	-
Ông Trần Văn Hiến – Phó Tổng giám đốc (***)	4.600.000.000	4.600.000.000
Ông Lê Cao Quang – Phó Tổng giám đốc (****)	1.400.000.000	-
Cộng – Xem thêm Mục 4.4	<u>75.797.521.000</u>	<u>4.600.000.000</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(*) Đây là khoản tiền tạm ứng cho ông Lê Nam Đồng – Phó Tổng Giám đốc liên quan đến việc tạm ứng để đặt cọc mua đất như sau:

+ Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 28, Tờ bản đồ số 34, thôn Gản Reo, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 1.905 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 30 tháng 03 năm 2023.

+ Quyền sử dụng đất tại thôn An Ninh (gần khu vực mỏ đá Tân Thái, Gản Reo) với diện tích 900 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 26 tháng 04 năm 2023.

+ Quyền sử dụng đất tại thôn An Hiệp, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng theo Hợp đồng ký kết ngày 08 tháng 06 năm 2023.

+ Quyền sử dụng đất tại xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 1.000 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 29 tháng 06 năm 2023.

+ Quyền sử dụng đất tại xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 7.563 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 30 tháng 06 năm 2023

+ Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 212, Tờ bản đồ số 10, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 9.539 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 25 tháng 07 năm 2023.

+ Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 214, Tờ bản đồ số 10, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 282 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 25 tháng 07 năm 2023.

+ Quyền sử dụng đất Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 409 m² theo theo bản liệt kê tọa độ góc ranh trong Hợp đồng ký kết ngày 25 tháng 07 năm 2023.

+ Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 211, Tờ bản đồ số 10, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 5.036 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 25 tháng 07 năm 2023.

+ Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 03, Tờ bản đồ số 25 (2016), xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 7.439 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 25 tháng 07 năm 2023.

+ Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 03, Tờ bản đồ số 25 (2016), xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 1.671,7 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 25 tháng 07 năm 2023.

+ Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 71, TĐĐ 51, diện tích: 5.772 m² tại xã Gia Hiệp, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng theo hợp đồng ký kết ngày 28 tháng 6 năm 2022.

+ Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 322, TĐĐ 35c, diện tích: 1.000 m² tại xã Tam Bó, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng theo hợp đồng ký kết ngày 28 tháng 6 năm 2022.

+ Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 256-257-287, TĐĐ 35c, diện tích: 5.046 m² tại xã Tam Bó, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng theo hợp đồng ký kết ngày 28 tháng 6 năm 2022.

+ Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 228, TĐĐ 35c, diện tích: 6.028 m² tại xã Tam Bó, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng theo hợp đồng ký kết ngày 28 tháng 6 năm 2022.

+ Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 323, TĐĐ 35c, diện tích: 2.784 m²; thửa số 288, TĐĐ 35c, diện tích: 380 m²; thửa số 229, TĐĐ 35c, diện tích: 2.119 m² tại xã Tam Bó, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng theo hợp đồng ký kết ngày 28 tháng 6 năm 2022.

+ Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 123, TĐĐ 51, diện tích: 1.135,8 m²; thửa số 124, TĐĐ 51, diện tích: 3.018,2 m²; thửa số 225, TĐĐ 35c, diện tích: 2.261 m²; thửa số 227, TĐĐ 35c, diện tích: 2.348 m² tại xã Gia Hiệp, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng theo hợp đồng ký kết ngày 28 tháng 6 năm 2022.

+ Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 326, TĐĐ 35c, diện tích: 2.516 m² tại xã Tam Bó, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng theo hợp đồng ký kết ngày 28 tháng 6 năm 2022.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(**) Đây là khoản tiền tạm ứng cho ông Lê Thanh Hòa – Phó Tổng Giám đốc liên quan đến việc tạm ứng để đặt cọc mua đất tại xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 29.000 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 19 tháng 06 năm 2023.

(***) Đây là khoản tiền tạm ứng cho ông Trần Văn Hiến – Phó Tổng Giám đốc liên quan đến việc tạm ứng để đặt cọc mua đất tại Thửa đất số 19, Tờ bản đồ số 05, Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông với diện tích 3.990 m², theo Hợp đồng ký kết ngày 14 tháng 10 năm 2020; và tại Thôn 12, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông theo Hợp đồng ký kết ngày 28 tháng 02 năm 2022.

(****) Đây là khoản tiền tạm ứng cho ông Lê Cao Quang – Phó Tổng giám đốc của công ty mẹ liên quan đến việc đặt cọc mua đất tại Thửa đất số 157, Tờ bản đồ số 69, thôn Thuận Nam, xã Thuận An, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông theo Hợp đồng ký kết ngày 31 tháng 10 năm 2023.

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải trả người bán ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.11:		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	(197.756.301)	(8.094.808.512)
	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Vay ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.16:		
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (*)	15.000.000.000	-
(*) Đây là khoản vay tiền từ Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng – công ty mẹ nhằm bổ sung vốn lưu động với lãi suất 5,2%/năm theo Hợp đồng vay tiền số 01/2023/HĐVT/LHC – LBM.		
Trong năm, Tập đoàn đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	11.004.662.789	19.861.088.344
Bao gồm:		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan chưa bao gồm thuế – Xem thêm Mục 5.1	10.021.247.413	18.322.139.362
Thuế từ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan	983.415.376	1.538.948.982

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Mua hàng:		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	3.369.001.854	4.719.737.033
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40	-	857.520.000
Cộng	3.369.001.854	5.577.257.033
Bao gồm:		
Mua hàng và sử dụng dịch vụ từ các bên liên quan chưa bao gồm thuế	3.098.451.967	5.036.216.602
Thuế từ mua hàng và sử dụng dịch vụ từ các bên liên quan	270.549.887	541.040.431
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Mua tài sản cố định:		
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	800.000.000	-
Bao gồm:		
Mua tài sản cố định từ các bên liên quan chưa bao gồm thuế	727.272.728	-
Thuế từ mua hàng và sử dụng dịch vụ từ các bên liên quan	72.727.272	-
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vay ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.16:		
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	15.000.000.000	-
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí lãi vay – Xem thêm Mục 5.4:		
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	111.986.301	-
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Trả cổ tức:		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm	37.642.498.800	14.278.189.200

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Đồng

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là theo giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị công ty mẹ được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Lê Đình Hiến – Chủ tịch HĐQT	1.111.818.181	1.010.000.000
Ông Nguyễn An Thái – Phó Chủ tịch HĐQT	526.909.091	476.000.000
Ông Hầu Văn Tuấn – Thành viên HĐQT	310.909.091	260.000.000
Ông Phạm Gia Sâm – Thành viên HĐQT	310.909.091	260.000.000
Ông Mai Nam Dương – Thành viên HĐQT	310.909.091	260.000.000
Ông Ngô Văn Minh – Thành viên HĐQT	310.909.091	260.000.000
Ông Lê Văn Quý – Thành viên HĐQT	310.909.091	260.000.000
Cộng	3.193.272.727	2.786.000.000

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị tăng theo quyết định chi thù lao bổ sung năm 2022 tương ứng 5% (tỷ lệ kỳ trước là 10%) lợi nhuận tăng thêm so với kế hoạch ĐHCĐ giao theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHCĐ-LBM ngày 22 tháng 04 năm 2023.

Thu nhập của Giám đốc tài chính tập đoàn được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Hầu Văn Tuấn – Giám đốc tài chính tập đoàn	150.000.000	-

Thu nhập của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của công ty mẹ được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Nguyễn An Thái – Tổng Giám đốc	1.943.234.164	1.633.567.497
Ông Lê Cao Quang – Phó Tổng Giám đốc	1.185.450.000	1.063.050.000
Ông Nguyễn Quang Duyệt – Phó Tổng Giám đốc	1.185.450.000	1.063.050.000
Ông Trần Văn Hiến – Phó Tổng Giám đốc	1.185.450.000	1.063.050.000
Ông Nguyễn Thanh Toàn – Phó Tổng Giám đốc	1.007.916.667	877.225.000
Ông Lê Nam Đồng – Phó Tổng Giám đốc	1.173.983.333	960.475.000
Ông Lê Thanh Hoà – Phó Tổng Giám đốc	939.050.000	900.450.000
Bà Dương Thị Ngọc Ngân – Kế toán trưởng	998.650.000	858.575.000
Cộng	9.619.184.164	8.419.442.497

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tiền lương và các chi phí hoạt động của từng thành viên Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Phạm Hồng Hải - Trưởng Ban Kiểm soát	40.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thành viên Ban Kiểm soát	146.909.091	96.000.000
Ông Trần Hùng Phương – Thành viên Ban Kiểm soát	146.909.091	96.000.000
Bà Lê Thị Thủy - Trưởng Ban Kiểm soát (miễn nhiệm từ 01/05/2023)	70.909.091	-
Bà Nguyễn Thị Thuý Nga – Trưởng Ban Kiểm soát (miễn nhiệm từ 20/12/2022)	-	60.000.000
Cộng	404.727.273	252.000.000

Cổ tức đã chia cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của công ty mẹ trong năm như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Lê Đình Hiến – Chủ tịch HĐQT	349.741.740	139.642.800
Ông Nguyễn An Thái – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tập đoàn	218.652.000	98.740.000
Ông Phạm Gia Sâm – Thành viên HĐQT	49.590.000	20.300.000
Ông Mai Nam Dương – Thành viên HĐQT	274.025.600	92.600.000
Ông Lê Cao Quang – Phó Tổng Giám đốc	205.138.820	63.780.400
Ông Nguyễn Quang Duyệt – Phó Tổng Giám đốc	49.590	19.800
Ông Trần Văn Hiến – Phó Tổng Giám đốc	16.530	6.600
Ông Nguyễn Thanh Toàn – Phó Tổng Giám đốc	11.020	4.400
Ông Lê Nam Đồng – Phó Tổng Giám đốc	5.890.000	2.906.000
Bà Dương Thị Ngọc Ngân – Kế toán trưởng	2.831.000	1.320.000
Ông Trần Hùng Phương – Thành viên Ban Kiểm soát	361.469.300	220.286.000
Cộng	1.467.338.460	639.575.200

9. THU NHẬP BỘ PHẬN KIỂM TOÁN NỘI BỘ CÔNG TY MẸ

Tiền lương và các chi phí hoạt động của từng thành viên Bộ phận Kiểm toán nội bộ trong năm như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Bà Nguyễn Thị Ngọc Đức – Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ	605.250.000	460.250.000
Ông Trần Quang Thục – Thành viên Bộ phận Kiểm toán nội bộ	393.250.000	303.250.000
Bà Huỳnh Thị Quế Hương – Thành viên Bộ phận Kiểm toán nội bộ	386.250.000	266.250.000
Cộng	1.384.750.000	1.029.750.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2023 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Tập đoàn trong những năm tài chính sắp tới.



Nguyễn An Thái
Tổng Giám đốc

Người lập

Dương Thị Ngọc Ngân
Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Đình Hiến	Chủ tịch
Ông Nguyễn An Thái	Phó Chủ tịch
Ông Hầu Văn Tuấn	Thành viên
Ông Phạm Gia Sâm	Thành viên
Ông Mai Nam Dương	Thành viên
Ông Lê Văn Quý	Thành viên
Ông Ngô Văn Minh	Thành viên

Danh sách các thành viên Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Ngọc Đức	Trưởng bộ phận
Ông Trần Quang Thục	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Quế Hương	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Hồng Hải	Trưởng ban – Bổ nhiệm ngày 01/05/2023
Bà Lê Thị Thủy	Trưởng ban – Miễn nhiệm ngày 01/05/2023
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Trần Hùng Phương	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tài chính Tập đoàn trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Hầu Văn Tuấn	Giám đốc tài chính – Bổ nhiệm ngày 25/09/2023

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn An Thái	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Hiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Cao Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Duyệt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Nam Đồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Bà Dương Thị Ngọc Ngân	Kế toán trưởng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn An Thái
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2024



RSM Việt Nam

Tầng 3A, Tòa nhà L Mak The Signature
147-147Bis Hai Bà Trưng
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
T +8428 3827 5026
contact_hcm@rsm.com.vn
www.rsm.global/vietnam

Số: *270* /2024/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2024 từ trang 05 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2023-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

Lê Võ Thùy Linh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
3525-2021-026-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		384.236.988.851	325.493.751.645
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	63.029.302.488	82.429.250.184
1. Tiền	111		38.029.302.488	24.429.250.184
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.000.000.000	58.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		204.675.543.545	112.138.054.518
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	68.331.350.371	84.509.214.485
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	69.241.456.562	21.403.269.072
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	90.882.455.472	27.084.150.106
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(23.779.718.860)	(20.858.579.145)
III. Hàng tồn kho	140	4.7	114.360.107.359	130.926.446.943
1. Hàng tồn kho	141		115.910.912.228	132.477.251.812
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.550.804.869)	(1.550.804.869)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.172.035.459	-
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	2.172.035.459	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		389.426.024.190	417.763.569.480
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.085.352.449	2.323.367.269
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	3.085.352.449	2.323.367.269
II. Tài sản cố định	220		263.620.877.284	314.930.885.173
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	256.670.658.320	307.779.356.945
Nguyên giá	222		659.284.342.820	665.114.572.410
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(402.613.684.500)	(357.335.215.465)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	6.950.218.964	7.151.528.228
Nguyên giá	228		12.052.846.299	12.052.846.299
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.102.627.335)	(4.901.318.071)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		28.513.501.381	6.533.461.447
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.10	28.513.501.381	6.533.461.447
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		78.708.640.000	78.213.640.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	4.2	78.708.640.000	78.213.640.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		15.497.653.076	15.762.215.591
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	15.497.653.076	15.762.215.591
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		773.663.013.041	743.257.321.125

(Xem tiếp trang sau)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		224.100.310.942	257.864.099.915
I. Nợ ngắn hạn	310		135.100.310.942	236.574.099.915
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	38.776.873.719	126.353.446.352
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	4.016.829.267	4.289.870.521
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	5.797.553.137	39.117.908.317
4. Phải trả người lao động	314		31.422.016.753	37.254.129.528
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	3.094.889.950	1.343.590.733
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	1.496.642.082	2.778.996.335
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.17	49.977.716.220	24.918.368.315
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		517.789.814	517.789.814
II. Nợ dài hạn	330		89.000.000.000	21.290.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.17	89.000.000.000	21.290.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		549.562.702.099	485.393.221.210
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.18	549.562.702.099	485.393.221.210
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		247.393.221.210	175.569.068.669
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		102.169.480.889	109.824.152.541
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		102.169.480.889	109.824.152.541
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		773.663.013.041	743.257.321.125



Phê duyệt
Nguyễn An Thái
Tổng Giám đốc

Người lập

Dương Thị Ngọc Ngân
Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	855.628.385.637	1.026.900.583.247
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		855.628.385.637	1.026.900.583.247
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	625.738.039.905	803.241.083.475
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		229.890.345.732	223.659.499.772
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	17.085.520.940	22.857.404.376
6. Chi phí tài chính	22	5.4	5.499.754.467	1.741.561.318
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>5.164.066.359</i>	<i>1.418.644.660</i>
7. Chi phí bán hàng	25	5.5	3.162.427.454	3.342.499.860
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	86.716.716.607	94.497.270.969
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		151.596.968.144	146.935.572.001
10. Thu nhập khác	31	5.7	3.729.570.413	2.368.245.279
11. Chi phí khác	32	5.8	3.248.898.055	1.807.275.803
12. Lợi nhuận khác	40		480.672.358	560.969.476
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		152.077.640.502	147.496.541.477
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	29.908.159.613	25.672.388.936
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		122.169.480.889	121.824.152.541



Phê duyệt
Nguyễn An Thái
Tổng Giám đốc

Người lập
[Signature]

Dương Thị Ngọc Ngân
Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		152.077.640.502	147.496.541.477
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.9	68.075.528.202	65.648.437.902
Các khoản dự phòng	03		2.921.139.715	783.298.367
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		14.309.439	174.623.664
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(20.259.298.682)	(22.996.368.487)
Chi phí lãi vay	06	5.4	5.164.066.359	1.418.644.660
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		207.993.385.535	192.525.177.583
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		22.594.891.594	(3.014.172.732)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		16.566.339.584	(64.060.171.805)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(102.040.886.886)	1.678.293.351
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		264.562.515	1.141.616.620
Tiền lãi vay đã trả	14		(4.804.811.865)	(613.424.115)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.14	(47.794.005.400)	(1.842.574.172)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		92.779.475.077	125.814.744.730
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(182.570.085.047)	(128.382.025.125)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		11.041.717.172	(2.790.909.091)
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(495.000.000)	(340.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		25.086.455.391	20.572.160.656
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(146.936.912.484)	(110.940.773.560)

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	160.485.553.385	129.828.967.515
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(67.716.205.480)	(83.620.599.200)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36	4.18.1	(58.000.000.000)	(22.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		34.769.347.905	24.208.368.315
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20+30+40)	50		(19.388.089.502)	39.082.339.485
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		82.429.250.184	43.521.534.363
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(11.858.194)	(174.623.664)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60+61)	70	4.1	63.029.302.488	82.429.250.184



Phê duyệt

Nguyễn An Thái
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Người lập

Dương Thị Ngọc Ngân
Kế toán trưởng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 059249 ngày 28 tháng 05 năm 2003 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Lâm Đồng cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 05 tháng 08 năm 2022 để thay đổi vốn điều lệ.

Ngày 30 tháng 11 năm 2006, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 91/UBCK-GPNY ngày 30 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Ngày 20 tháng 12 năm 2006, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo số 820/TTGDHCM-NY ngày 14 tháng 12 năm 2006 của Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 200.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 87 Phú Đồng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 568 (31 tháng 12 năm 2022 là: 602).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác khoáng sản, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp giao thông, thủy lợi và nước sinh hoạt, san lấp mặt bằng;
- Kinh doanh vận chuyển hàng;
- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản;
- Hoạt động xuất nhập khẩu.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Ngành bất động sản và xây dựng gặp nhiều khó khăn làm cho sản lượng tiêu thụ của Công ty trong năm 2023 giảm 16% so với năm trước, đưa đến kết quả là doanh thu năm 2023 giảm 17% so với năm trước.

1.6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các công ty con và các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con:					
Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	87 Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	100%	100%	100%
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	Thôn Hiệp Thành, xã Tam Bó, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.	94,39%	94,39%	94,39%
Công ty TNHH MTV Bê Tông LBM Đắk Nông	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	Thôn 12, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	Thửa đất 239, 289 TBĐ số 23, ấp Phú Hợp B, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, Đồng Nai.	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn	Sản xuất và kinh doanh bê tông	Khu Công nghiệp Lộc Sơn, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.	100%	100%	100%

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2023 gồm:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ
Xí Nghiệp Hiệp An	Kinh doanh ống sứ chịu nhiệt, bột Samốt, các sản phẩm sau nung và cao lanh.	Quốc Lộ 20, xã Hiệp An, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.
Xí Nghiệp Gạch Ngói Tuynet Thanh Mỹ	Kinh doanh gạch xây dựng và ngói các loại.	Nghĩa Lập, xã Thanh Mỹ, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng
Xí Nghiệp Hiệp Tiến	Kinh doanh cao lanh	Phường Lộc Tiến, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ
Xí Nghiệp Bê Tông Hiệp Lực 1	Kinh doanh bê tông thương phẩm, đá xây dựng các loại, dịch vụ vận chuyển và bơm bê tông thương phẩm.	87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Xí Nghiệp Bê Tông Hiệp Lực 2	Kinh doanh bê tông thương phẩm, đá xây dựng các loại, dịch vụ vận chuyển và bơm bê tông thương phẩm.	87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp cung ứng nguyên vật liệu	Vận chuyển nguyên vật liệu	87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của các ngân hàng có giao dịch như sau:
 - Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam;
 - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam;
 - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của các ngân hàng thương mại trên.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của các ngân hàng thương mại trên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giá định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.4. Đầu tư tài chính***Đầu tư vào công ty con***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng tổn thất được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

3.5. Nợ phải thu***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính [riêng], dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	02 - 16 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 12 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
▪ Cây lâu năm và tài sản khác	03 - 07 năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại:

- 87 Phù Đổng Thiên Vương, thành Phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng: Đã trích hết khấu hao.
- Xí Nghiệp Hiệp Tiến: Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.
- Xí Nghiệp Thanh Mỹ: Quyền sử dụng đất có thời hạn và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất.
- Xí Nghiệp Hiệp Lực: Quyền sử dụng đất có thời hạn và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Chi phí thăm dò hầm mỏ

Toàn bộ chi phí về các hoạt động thăm dò hầm mỏ được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ; chi phí cấp quyền khai thác mỏ,... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Chi phí đền bù, phí cấp quyền khai thác mỏ được phân bổ theo thời gian giấy phép khai thác mỏ từ 04 đến 21 năm.

3.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.12. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.13. Nguồn vốn chủ sở hữu**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.14. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, chi phí khác, lỗ tỷ giá hối đoái.

3.17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách...).

3.18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Xuất khẩu ổng sứ: 0%;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Các thành phẩm và dịch vụ khác: 10%.

Theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 101/2023/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 06 năm 2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa, dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.19. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền mặt	1.047.645.571	2.012.650.922
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	36.981.656.917	22.416.599.262
Các khoản tương đương tiền (*)	25.000.000.000	58.000.000.000
Cộng	63.029.302.488	82.429.250.184

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất từ 4,1% đến 6%/năm.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.2. Đầu tư vào công ty con

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	20.403.640.000	(*)	20.403.640.000	(*)
Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát	5.000.000.000	(*)	5.000.000.000	(*)
Công ty TNHH MTV Bê Tông LBM Đắk Nông	52.800.000.000	(*)	52.800.000.000	(*)
Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú	15.000.000	(*)	10.000.000	(*)
Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn	490.000.000	(*)	-	-
Cộng	78.708.640.000	-	78.213.640.000	-

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm Mục 7	2.220.728.970	22.884.378.565
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Bạch Việt	8.802.563.055	8.802.563.055
Các khách hàng khác (*)	57.308.058.346	52.822.272.865
Cộng	68.331.350.371	84.509.214.485

(*) Tại ngày 31/12/2023, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm Mục 7	4.512.000.000	4.512.000.000
Trả trước cho người bán:		
Lê Hữu Chiến (*)	49.930.000.000	-
Nguyễn Việt Lương (**)	8.195.416.799	8.195.416.799
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Khoáng sản Việt (***)	3.220.123.000	3.020.123.000
Các nhà cung cấp khác	3.383.916.763	5.675.729.273
Cộng	69.241.456.562	21.403.269.072

(*) Là khoản trả trước chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thôn Gắn Reo, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng theo Hợp đồng ký kết ngày 30 tháng 03 năm 2023.

(**) Là khoản trả trước chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với các Thửa đất số 12, 238, 35, 27, 28, 29, 30, 31, 04, 198, 01, 05, 06, 32, 198, 50, 37, 03, 07, 10, 14, 18, 203 Tờ bản đồ số 48 (2013), 49 (2013), 61 (2013), 62 (2013) tọa lạc tại thôn Tân Phú, xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng theo Hợp đồng ký kết ngày 08 tháng 11 năm 2019.

(***) Là khoản trả trước cho việc lập hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản và gia hạn giấy phép khai thác mỏ Cao Lanh khu vực xã Lộc Châu, thành phố Bảo Lộc và xã Lộc Tân, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng; gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản bentonite và sét gạch ngói số 37/GP-UBND ngày 11 tháng 05 năm 2007 tại xã Tam Bó, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các bên liên quan – Xem thêm Mục 7	8.628.288.051	-	16.682.695.831	-
Phải thu người lao động là các bên liên quan – Xem thêm Mục 7	67.151.715.000	-	4.600.000.000	-
Phải thu khác xí nghiệp xây lắp	4.425.873.866	(4.425.873.866)	4.425.873.866	(4.425.873.866)
Phải thu người lao động	9.732.006.669	(19.780.700)	551.425.266	-
Phải thu khác	944.571.886	(78.067.618)	824.155.143	(83.077.324)
Cộng	90.882.455.472	(4.523.722.184)	27.084.150.106	(4.508.951.190)
Dài hạn:				
Kỳ cược, ký quỹ	3.085.352.449	-	2.323.367.269	-

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng quá hạn	24.743.850.815	5.492.476.339	18.253.752.380	1.904.124.425
Tổng giá trị các khoản phải thu khác quá hạn	4.568.584.484	40.240.100	4.510.476.190	1.525.000
Cộng	29.312.435.299	5.532.716.439	22.764.228.570	1.905.649.425

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp do một số khách hàng không thể liên lạc được và một số khách hàng đang tranh chấp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 VND			Tại ngày 01/01/2023 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Bạch Việt	8.802.563.055	-	Trên 3 năm Từ 6 tháng đến trên 3 năm	8.802.563.055	-	Trên 3 năm Từ 6 tháng đến trên 3 năm
Các khách hàng khác	20.509.872.244	5.532.716.439		13.961.665.515	1.905.649.425	
Cộng	29.312.435.299	5.532.716.439		22.764.228.570	1.905.649.425	

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	74.697.127.468	-	85.985.319.409	-
Công cụ, dụng cụ	995.115.031	-	1.004.743.435	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.210.874.813	-	3.264.015.314	-
Thành phẩm	36.100.415.647	(835.242.862)	40.344.210.766	(835.242.862)
Hàng hóa	907.379.269	(715.562.007)	1.878.962.888	(715.562.007)
Cộng	115.910.912.228	(1.550.804.869)	132.477.251.812	(1.550.804.869)

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cây lâu năm VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:							
Tại ngày 01/01/2023	83.873.367.570	303.207.956.907	274.882.066.361	2.314.161.814	520.611.939	316.407.819	665.114.572.410
Mua trong năm	30.909.091	287.500.000	17.887.973.694	-	-	-	18.206.382.785
Đầu tư XDCB hoàn thành	2.388.282.209	3.985.321.420	-	-	-	-	6.373.603.629
Thanh lý, nhượng bán	-	(5.306.665.551)	(25.103.550.453)	-	-	-	(30.410.216.004)
Tại ngày 31/12/2023	86.292.558.870	302.174.112.776	267.666.489.602	2.314.161.814	520.611.939	316.407.819	659.284.342.820
Giá trị hao mòn lũy kế:							
Tại ngày 01/01/2023	44.971.559.966	160.035.367.087	150.534.050.915	957.217.739	520.611.939	316.407.819	357.335.215.465
Khấu hao trong năm	7.439.809.358	24.594.760.600	35.466.484.680	373.164.300	-	-	67.874.218.938
Thanh lý, nhượng bán	-	(5.306.665.551)	(17.289.084.352)	-	-	-	(22.595.749.903)
Tại ngày 31/12/2023	52.411.369.324	179.323.462.136	168.711.451.243	1.330.382.039	520.611.939	316.407.819	402.613.684.500
Giá trị còn lại:							
Tại ngày 01/01/2023	38.901.807.604	143.172.589.820	124.348.015.446	1.356.944.075	-	-	307.779.356.945
Tại ngày 31/12/2023	33.881.189.546	122.850.650.640	98.955.038.359	983.779.775	-	-	256.670.658.320

Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2023 của TSCĐ hữu hình là 135.475.405.194 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay - Xem thêm Mục 4.17.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Chi phí thăm dò hàm mỏ VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2023	9.087.251.201	2.528.795.098	436.800.000	12.052.846.299
Tại ngày 31/12/2023	9.087.251.201	2.528.795.098	436.800.000	12.052.846.299
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2023	1.935.722.973	2.528.795.098	436.800.000	4.901.318.071
Khấu hao trong năm	201.309.264	-	-	201.309.264
Tại ngày 31/12/2023	2.137.032.237	2.528.795.098	436.800.000	5.102.627.335
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2023	7.151.528.228	-	-	7.151.528.228
Tại ngày 31/12/2023	6.950.218.964	-	-	6.950.218.964

Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2023 của TSCĐ vô hình là 6.436.207.964 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay - Xem thêm Mục 4.17.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.086.381.098 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Dự án Hệ nghiên Camly	22.906.734.624	-
Xây dựng nhà văn phòng, bờ kè, sân bãi thuộc dự án Tân Phú	3.874.410.560	454.254.856
San lấp mặt bằng phía sau nhà xưởng thuộc dự án Hiệp An	917.876.197	917.876.197
Dự án xây dựng nhà máy chế biến cao lanh Xuân Thọ	606.298.182	606.298.182
Đường dây bọc trung thế 3 pha 22KV và trạm biến áp thuộc dự án Di Linh	208.181.818	-
Mỏ đá Tây Đại Lào	-	4.555.032.212
Cộng	28.513.501.381	6.533.461.447

4.11. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Quyền khai thác khoáng sản	15.175.702.880	14.508.062.380
Chi phí khác	321.950.196	1.254.153.211
Cộng	15.497.653.076	15.762.215.591

Trong đó, chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Quyền khai thác mỏ Nthon Hạ	1.299.114.567	1.016.935.659
Quyền khai thác mỏ Tutra	172.721.067	216.820.067
Quyền khai thác mỏ Đại Lào	13.703.867.246	13.274.306.654
Cộng	15.175.702.880	14.508.062.380

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 7	13.267.502.152	13.267.502.152
Phải trả cho người bán:		
Công ty TNHH Hòa Thành Tiến	915.316.796	915.316.796
Công ty TNHH Thiên Tự Phước	3.592.843.506	3.592.843.506
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	21.001.211.265	21.001.211.265
Cộng	38.776.873.719	38.776.873.719

(*) Tại ngày 31/12/2023, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi đối tượng dưới 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Các khách hàng khác	4.016.829.267	4.289.870.521

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2023		Trong năm		Tại ngày 01/01/2023	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	382.675.602	78.162.733.398	84.442.078.885	-	6.662.021.089
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	293.768.519	293.768.519	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.981.825.496	29.908.159.613	47.794.005.400	-	22.867.671.283
Thuế thu nhập cá nhân	-	391.767.950	5.196.761.250	5.304.993.300	-	500.000.000
Thuế tài nguyên	40.949.661	-	9.096.045.720	14.268.866.975	-	5.131.871.594
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	2.131.085.798	-	7.042.936.884	12.168.483.293	-	2.994.460.611
Các loại thuế khác	-	41.284.089	1.881.390.149	2.801.989.800	-	961.883.740
Cộng	2.172.035.459	5.797.553.137	131.581.795.533	167.074.186.172	-	39.117.908.317

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
	VND	VND
Trích trước chi phí hoàn nguyên môi trường	1.257.391.628	1.343.590.733
Trích trước chi phí lãi vay	361.282.191	-
Các khoản trích trước cung cấp quyền Camly	1.476.216.131	-
Cộng	3.094.889.950	1.343.590.733

4.16. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	223.606.639	454.631.825
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.273.035.443	2.324.364.510
Cộng	1.496.642.082	2.778.996.335

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023		Trong năm		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND		VND		VND	
Ngắn hạn:						
Vay từ các bên liên quan - Xem thêm Mục 7	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-	-
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	9.744.202.495	9.744.202.495	19.840.931.834	26.482.358.854	16.385.629.515	16.385.629.515
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	10.233.513.725	10.233.513.725	15.644.621.551	13.943.846.626	8.532.738.800	8.532.738.800
Nợ dài hạn đến hạn phải trả	15.000.000.000	15.000.000.000	21.000.000.000	6.000.000.000	-	-
Cộng	49.977.716.220	49.977.716.220	71.485.553.385	46.426.205.480	24.918.368.315	24.918.368.315
Dài hạn:						
Vay từ các bên liên quan - Xem thêm Mục 7	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	21.290.000.000	21.290.000.000	21.290.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	39.000.000.000	39.000.000.000	60.000.000.000	21.000.000.000	-	-
Cộng	89.000.000.000	89.000.000.000	110.000.000.000	42.290.000.000	21.290.000.000	21.290.000.000
Tổng cộng	138.977.716.220	138.977.716.220	181.485.553.385	88.716.205.480	46.208.368.315	46.208.368.315

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thông tin chi tiết các khoản vay như sau:

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam:

Hạn mức vay: 150.000.000.000 VND.
 Thời hạn vay: Theo từng lần trên Giấy nhận nợ, tối đa không quá 03 tháng.
 Lãi suất: Theo từng lần trên Giấy nhận nợ, lãi suất trung bình 6,00%/năm.
 Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
 Tài sản đảm bảo: Vay tín chấp không có tài sản đảm bảo.

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam:

Hạn mức vay: 20.000.000.000 VND.
 Thời hạn vay: Theo từng lần trên Giấy nhận nợ, tối đa không quá 03 tháng.
 Lãi suất: Theo từng lần trên Giấy nhận nợ, lãi suất trung bình 7,73%/năm.
 Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
 Tài sản đảm bảo: Vay tín chấp không có tài sản đảm bảo.

- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam:

Hạn mức vay: 95.000.000.000 VND.
 Thời hạn vay: 60 tháng.
 Lãi suất: 9,3%/năm, áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 06 tháng/lần vào các ngày đầu quý.
 Mục đích vay: Cho vay hoàn vốn tự có đối với các chi phí Công ty đã đầu tư 61 máy móc thiết bị và phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
 Tài sản đảm bảo: Những quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thuê (nhà làm việc) tại 87 Đường Phú Đồng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng được nêu tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2023/590344/HĐBB ngày 28/03/2023 với giá trị định giá là 51.925.000.000 VND - Xem thêm các Mục 4.8 và 4.9.

Những máy móc thiết bị và phương tiện vận tải được nêu tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2023/590344/HĐBB ngày 29/03/2023 với giá trị định giá lần lượt là 10.500.000.000 VND và 38.110.000.000 VND - Xem thêm Mục 4.8.

Những máy móc thiết bị; phương tiện vận tải và thiết bị dụng cụ quản lý được nêu tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2023/590344/HĐBB ngày 29/03/2023 với giá trị định giá lần lượt là 54.500.000.000 VND; 4.300.000.000 VND và 200.000.000 VND - Xem thêm Mục 4.8.

Những phương tiện vận tải được nêu tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2023/590344/HĐBB ngày 29/03/2023 với giá trị định giá là 24.790.000.000 VND - Xem thêm Mục 4.8.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.18. Vốn chủ sở hữu

4.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND		
Tại ngày 01/01/2022	100.000.000.000	60.570.786.237	155.809.763.831	69.188.518.601	385.569.068.669	
Tăng vốn trong năm trước	100.000.000.000	(60.570.786.237)	(39.429.213.763)	-	-	
Lãi trong năm trước	-	-	-	121.824.152.541	121.824.152.541	
Trích quỹ theo Nghị quyết 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ-LBM	-	-	59.188.518.601	(59.188.518.601)	-	
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2021	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)	
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2022	-	-	-	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)	
Tại ngày 01/01/2023	200.000.000.000	-	175.569.068.669	109.824.152.541	485.393.221.210	
Lãi trong năm nay	-	-	-	122.169.480.889	122.169.480.889	
Trích quỹ theo Nghị quyết 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ-LBM	-	-	71.824.152.541	(71.824.152.541)	-	
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2022	-	-	-	(38.000.000.000)	(38.000.000.000)	
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)	
Tại ngày 31/12/2023	200.000.000.000	-	247.393.221.210	102.169.480.889	549.562.702.099	

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	129.801.720.000	129.801.720.000
Các cổ đông khác	70.198.280.000	70.198.280.000
Cộng	200.000.000.000	200.000.000.000

4.18.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	20.000.000	20.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.18.4. Cổ tức

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Cổ tức đã trả trên tổng số cổ phần của cổ phiếu phổ thông	(58.000.000.000)	(22.000.000.000)

4.18.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2023	175.569.068.669
Trích trong năm từ lợi nhuận năm trước	71.824.152.541
Tại ngày 31/12/2023	247.393.221.210

4.19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
USD	33.624,33	976,17
Nợ khó đòi đã xử lý:		
Xóa sổ do không có khả năng thu hồi	3.856.779.443	3.856.779.443

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán than, bentonite và giao khoán mỏ - Văn phòng Công ty	50.478.311.175	78.323.587.725
Doanh thu gốm sứ chịu nhiệt – Xí nghiệp Hiệp An	32.241.128.856	33.940.464.581
Doanh thu gạch – Xí nghiệp Thanh Mỹ	24.665.316.299	34.417.544.040
Doanh thu cao lanh – Xí nghiệp Hiệp Tiến	23.938.255.893	11.864.413.499
Doanh thu bê tông – Xí nghiệp Hiệp Lực	724.305.373.414	868.354.573.402

Cộng **855.628.385.637** **1.026.900.583.247**

Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 7

27.906.733.864 36.110.283.076

Nguyên nhân doanh thu năm nay giảm được thuyết minh tại Mục 1.5.

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn than, bentonite và giao khoán mỏ - Văn phòng công ty	33.545.881.932	44.315.166.771
Giá vốn gốm sứ chịu nhiệt – Xí nghiệp Hiệp An	21.629.296.647	24.791.298.249
Giá vốn gạch – Xí nghiệp Thanh Mỹ	16.697.066.061	23.372.899.063
Giá vốn cao lanh – Xí nghiệp Hiệp Tiến	17.775.961.199	10.506.085.571
Giá vốn bê tông – Xí nghiệp Hiệp Lực	536.089.834.066	700.255.633.821

Cộng **625.738.039.905** **803.241.083.475**

Nguyên nhân giá vốn năm nay giảm do doanh thu giảm như được thuyết minh tại Mục 1.5.

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia – Xem thêm Mục 7	15.987.836.976	21.333.422.083
Lãi tiền gửi	1.044.210.635	1.208.537.659
Lãi chênh lệch tỷ giá	53.473.329	315.444.634

Cộng **17.085.520.940** **22.857.404.376**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí sử dụng vốn từ bên liên quan - Xem thêm Mục 7	797.272.180	594.417.628
Chi phí lãi vay từ bên liên quan - Xem thêm Mục 7	111.986.301	-
Chi phí lãi vay ngân hàng (*)	4.254.807.878	824.227.032
Lỗ chênh lệch tỷ giá	263.962.310	309.932.364
Chi phí khác	71.725.798	12.984.294

Cộng **5.499.754.467** **1.741.561.318**

(*) Như được thuyết minh tại Mục 6.1, Công ty có thêm các khoản vay mới nên chi phí lãi vay năm nay tăng hơn năm trước.

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên	373.258.493	215.164.362
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	1.408.480.852	1.436.878.193
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	388.391.309	379.218.981
Chi phí khấu hao TSCĐ	29.533.332	29.533.332
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.965.356	221.069.915
Chi phí bằng tiền khác	927.798.112	1.060.635.077

Cộng **3.162.427.454** **3.342.499.860**

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên	57.865.019.859	67.105.180.079
Chi phí vật liệu quản lý	2.596.129.927	2.557.162.614
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.322.271.639	1.474.932.083
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.790.382.438	7.326.237.490
Thuế, phí và lệ phí	1.710.212.960	1.639.265.522
Chi phí dự phòng	2.921.139.715	783.298.367
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.927.087.543	1.844.204.005
Chi phí bằng tiền khác	10.584.472.526	11.766.990.809

Cộng **86.716.716.607** **94.497.270.969**

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.7. Thu nhập khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.227.251.071	454.408.745
Nhập kho dầu trạm Camly và cát trạm Tây Đại Lào	436.363.520	-
Xử lý công nợ	4.898.772	126.305.014
Bán phế liệu	2.726.000	300.000.000
Thu nhập khác	58.331.050	1.487.531.520
Cộng	3.729.570.413	2.368.245.279

5.8. Chi phí khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Xử lý công nợ	9.633.722	20.765.256
Các khoản bị phạt	1.938.495.709	213.154.006
Các khoản chi phí khác	1.300.768.624	1.573.356.541
Cộng	3.248.898.055	1.807.275.803

5.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	381.227.722.642	551.550.494.242
Chi phí nhân công	133.358.206.503	148.239.699.835
Chi phí khấu hao tài sản cố định	68.075.528.202	65.648.437.902
Chi phí dịch vụ mua ngoài	92.498.097.111	120.219.505.172
Chi phí khác bằng tiền	35.189.110.269	32.135.113.012
Cộng	710.348.664.727	917.793.250.163

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	152.077.640.502	147.496.541.477
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	4.306.741.955	2.198.825.287
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(29.881.484.170)	(22.336.605.083)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	126.502.898.287	127.358.761.681
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	25.300.579.657	25.471.752.336
Điều chỉnh thuế của năm trước	4.607.579.956	200.636.600
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	29.908.159.613	25.672.388.936

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là thu nhập, chi phí khi tính thuế như: chi phí nộp phạt vi phạm hành chính, chi phí ủng hộ, chi phí khấu hao xe ô tô vượt quá 1,6 tỷ, lợi nhuận từ công ty con, hoàn nhập lương trích năm 2021 đã nộp thuế và thu nhập khác đã nộp thuế.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	160.485.553.385	129.828.967.515

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(67.716.205.480)	(83.620.599.200)

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

1. Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	Công ty mẹ
2. Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát	Công ty con
3. Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Công ty con
4. Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắk Nông	Công ty con
5. Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú	Công ty con
6. Công ty TNHH Một Thành Viên LBM Lộc Sơn	Công ty con
7. Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng 40	Công ty cùng tập đoàn
8. HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát	Nhân sự quản lý chủ chốt

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng:		
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	69.622.793	3.807.269.827
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	1.376.164.368	17.332.021.709
Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắk Nông	254.101.296	1.745.087.029
Công ty TNHH Một Thành Viên Lộc Sơn	520.840.513	-
Cộng – Xem thêm Mục 4.3	2.220.728.970	22.884.378.565
	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.4:		
Ông Lê Cao Quang – Phó Tổng Giám đốc (*)	4.512.000.000	4.512.000.000
(*) Đây là khoản ứng trước cho ông Lê Cao Quang – Phó Tổng Giám đốc liên quan đến việc chuyển quyền sử dụng các Thửa đất số 124, 239, 289, 132, 114, 127, 126 của Ông Quang (người bán) tại địa chỉ ấp Phú Hợp B, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, với diện tích 9.129,8 m ² .		
	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia:		
Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát	338.004.605	3.772.853.030
Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắk Nông	8.290.283.446	12.909.842.801
Cộng – Xem thêm Mục 4.5	8.628.288.051	16.682.695.831
	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tạm ứng – Xem thêm Mục 4.5:		
Ông Trần Văn Hiến – Phó Tổng giám đốc (*)	4.600.000.000	4.600.000.000
Ông Lê Thanh Hòa – Phó Tổng giám đốc (**)	16.530.000.000	-
Ông Lê Nam Đồng – Phó Tổng giám đốc (***)	46.021.715.000	-
Cộng	67.151.715.000	4.600.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(*) Đây là khoản phải thu từ ông Trần Văn Hiến – Phó Tổng Giám đốc liên quan đến việc tạm ứng để đặt cọc mua đất tại Thửa đất số 19, Tờ bản đồ số 05, Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông với diện tích 3.990 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 14 tháng 10 năm 2020; và tại Thôn 12, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông theo Hợp đồng ký kết ngày 28 tháng 02 năm 2022.

(**) Đây là khoản phải thu từ ông Lê Thanh Hòa – Phó Tổng Giám đốc liên quan đến việc tạm ứng để đặt cọc mua đất tại xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 29.000 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 19 tháng 06 năm 2023.

(***) Đây là khoản phải thu từ ông Lê Nam Đồng – Phó Tổng Giám đốc liên quan đến việc tạm ứng để đặt cọc mua đất như sau:

+ Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 28, Tờ bản đồ số 34, thôn Gắn Reo, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 1.905 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 30 tháng 03 năm 2023.

+ Quyền sử dụng đất tại thôn An Ninh (gần khu vực mỏ đá Tín Thái, Gắn Reo) với diện tích 900 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 26 tháng 04 năm 2023.

+ Quyền sử dụng đất tại thôn An Hiệp, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng theo Hợp đồng ký kết ngày 08 tháng 06 năm 2023.

+ Quyền sử dụng đất tại xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 1.000 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 29 tháng 06 năm 2023.

+ Quyền sử dụng đất tại xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 7.563 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 30 tháng 06 năm 2023

+ Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 212, Tờ bản đồ số 10, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 9.539 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 25 tháng 07 năm 2023.

+ Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 214, Tờ bản đồ số 10, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 282 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 25 tháng 07 năm 2023.

+ Quyền sử dụng đất Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 409 m² theo theo bản liệt kê tọa độ góc ranh trong Hợp đồng ký kết ngày 25 tháng 07 năm 2023.

+ Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 211, Tờ bản đồ số 10, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 5.036 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 25 tháng 07 năm 2023.

+ Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 03, Tờ bản đồ số 25 (2016), xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 7.439 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 25 tháng 07 năm 2023.

+ Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 03, Tờ bản đồ số 25 (2016), xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 1.671,7 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 25 tháng 07 năm 2023.

Các khoản tạm ứng đặt cọc mua đất nêu trên đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải trả cho người bán ngắn hạn:		
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	(197.756.301)	(8.094.808.512)
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	(8.345.872.612)	(62.256.113.505)
Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát	(4.633.093.239)	(8.856.560.621)
Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắk Nông	(90.780.000)	(78.261.122)
Cộng – Xem thêm Mục 4.12	(13.267.502.152)	(79.285.743.760)

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Vay ngắn hạn – Xem thêm mục 4.17:		
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (*)	15.000.000.000	-

(*) Đây là khoản vay từ Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng – công ty mẹ - nhằm bổ sung vốn lưu động với lãi suất 5,2%/năm theo hợp đồng vay tiền số 01/2023/HĐVT/LHC - LBM

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Vay dài hạn – Xem thêm mục 4.17:		
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành (*)	50.000.000.000	21.290.000.000

(*) Đây là khoản vay từ Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành – công ty con - với lãi suất 3%/năm theo Thỏa thuận số 01/2023/ LBM – HT ngày 02 tháng 01 năm 2023.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	11.004.662.789	19.861.088.344
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	1.614.142.660	798.999.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát	9.659.489.923	8.731.155.281
Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắk Nông	7.750.599.170	9.759.864.280
Công Ty TNHH Một Thành Viên LBM Lộc Sơn	520.840.513	-
Cộng	30.549.735.055	39.151.106.905

<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan chưa bao gồm thuế – Xem thêm Mục 5.1</i>	27.906.733.864	36.110.283.076
<i>Thuế từ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan</i>	2.643.001.191	3.040.823.829

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Mua hàng và sử dụng dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	3.369.001.854	4.719.737.033
Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát	37.310.037.789	40.551.743.648
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	23.077.985.404	28.526.583.877
Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắk Nông	258.277.000	816.266.562
Cộng	64.015.302.047	74.614.331.120

<i>Trong đó:</i>		
<i>Mua hàng và sử dụng dịch vụ từ các bên liên quan chưa bao gồm thuế</i>	58.417.730.939	68.318.865.143
<i>Thuế từ mua hàng và sử dụng dịch vụ từ các bên liên quan</i>	5.597.571.108	6.295.465.977

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thanh lý tài sản cố định:		
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	66.000.000	-
<i>Trong đó:</i>		
<i>Thanh lý tài sản cố định cho các bên liên quan chưa bao gồm thuế</i>	60.000.000	-
<i>Thuế từ thanh lý tài sản cho các bên liên quan</i>	6.000.000	-
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Cổ tức và lợi nhuận được chia:		
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	2.973.300.000	2.963.300.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát	12.365.151.575	14.966.057.426
Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắk Nông	649.385.401	3.404.064.657
Cộng – Xem thêm Mục 5.3	15.987.836.976	21.333.422.083
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vay ngắn hạn:		
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	15.000.000.000	-
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vay dài hạn:		
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	50.000.000.000	21.290.000.000
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí sử dụng vốn – Xem thêm Mục 5.4:		
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	797.272.180	594.417.628
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí lãi vay – Xem thêm Mục 5.4:		
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	111.986.301	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Trả cổ tức:		
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	37.642.498.800	14.278.189.200
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Góp vốn:		
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	-	330.000.000
Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú	5.000.000	10.000.000
Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn	490.000.000	-
Cộng	495.000.000	340.000.000
Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.		
Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận do Công ty công bố. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.		
Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được hưởng trong năm như sau:		
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Lê Đình Hiến – Chủ tịch HĐQT	1.111.818.181	1.010.000.000
Ông Nguyễn An Thái – Phó Chủ tịch HĐQT	390.909.091	340.000.000
Ông Hầu Văn Tuấn – Thành viên HĐQT	310.909.091	260.000.000
Ông Phạm Gia Sâm – Thành viên HĐQT	310.909.091	260.000.000
Ông Mai Nam Dương – Thành viên HĐQT	310.909.091	260.000.000
Ông Ngô Văn Minh – Thành viên HĐQT	310.909.091	260.000.000
Ông Lê Văn Quý – Thành viên HĐQT	310.909.091	260.000.000
Cộng	3.057.272.727	2.650.000.000
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị tăng theo quyết định chi thù lao bổ sung năm 2022 tương ứng 5% (tỷ lệ kỳ trước là 10%) lợi nhuận tăng thêm so với kế hoạch ĐHCĐ giao theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHCĐ-LBM ngày 22 tháng 04 năm 2023.		
Thu nhập của Giám đốc tài chính tập đoàn được hưởng trong năm như sau:		
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Hầu Văn Tuấn – Giám đốc tài chính tập đoàn	150.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thu nhập của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Nguyễn An Thái – Tổng Giám đốc	1.943.234.164	1.633.567.497
Ông Lê Cao Quang – Phó Tổng Giám đốc	1.185.450.000	1.063.050.000
Ông Nguyễn Quang Duyệt – Phó Tổng Giám đốc	1.185.450.000	1.063.050.000
Ông Trần Văn Hiến – Phó Tổng Giám đốc	1.185.450.000	1.063.050.000
Ông Nguyễn Thanh Toàn – Phó Tổng Giám đốc	1.007.916.667	877.225.000
Ông Lê Nam Đồng – Phó Tổng Giám đốc	1.129.983.333	1.004.475.000
Ông Lê Thanh Hoà – Phó Tổng Giám đốc	939.050.000	900.450.000
Bà Dương Thị Ngọc Ngân – Kế toán trưởng	998.650.000	858.575.000
Cộng	9.575.184.164	8.463.442.497

Tiền lương và các chi phí hoạt động của từng thành viên Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Phạm Hồng Hải - Trưởng Ban Kiểm soát	40.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thành viên Ban Kiểm soát	146.909.091	96.000.000
Ông Trần Hùng Phương – Thành viên Ban Kiểm soát	146.909.091	96.000.000
Lê Hồng Thủy - Trưởng Ban Kiểm soát (miễn nhiệm từ 01/05/2023)	70.909.091	-
Bà Nguyễn Thị Thuý Nga – Trưởng Ban Kiểm soát (miễn nhiệm từ 20/12/2022)	-	60.000.000
Cộng	404.727.273	252.000.000

Cổ tức đã chia cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các nhân viên quản lý chủ chốt khác trong năm như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Lê Đình Hiến – Chủ tịch HĐQT	349.741.740	139.642.800
Ông Nguyễn An Thái – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	218.652.000	98.740.000
Ông Phạm Gia Sâm – Thành viên HĐQT	49.590.000	20.300.000
Ông Mai Nam Dương – Thành viên HĐQT	274.025.600	92.600.000
Ông Lê Cao Quang – Phó Tổng Giám đốc	205.138.820	63.780.400
Ông Nguyễn Quang Duyệt – Phó Tổng Giám đốc	49.590	19.800
Ông Trần Văn Hiến – Phó Tổng Giám đốc	16.530	6.600
Ông Nguyễn Thanh Toàn – Phó Tổng Giám đốc	11.020	4.400
Ông Lê Nam Đồng – Phó Tổng Giám đốc	5.890.000	2.906.000
Bà Dương Thị Ngọc Ngân – Kế toán trưởng	2.831.000	1.320.000
Ông Trần Hùng Phương – Thành viên Ban Kiểm soát	361.469.300	220.286.000
Cộng	1.467.338.460	639.575.200

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. THU NHẬP CỦA BỘ PHẬN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Tiền lương và các chi phí hoạt động của từng thành viên Bộ phận Kiểm toán nội bộ trong năm như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Bà Nguyễn Thị Ngọc Đức – Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ	605.250.000	460.250.000
Ông Trần Quang Thục – Thành viên Bộ phận Kiểm toán nội bộ	393.250.000	303.250.000
Bà Huỳnh Thị Quế Hương – Thành viên Bộ phận Kiểm toán nội bộ	386.250.000	266.250.000
Cộng	1.384.750.000	1.029.750.000

9. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Bảng cân đối kế toán (Trích):

	Tại ngày 01/01/2023 VND (Được báo cáo lại)	Tại ngày 31/12/2022 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	84.509.214.485	70.310.511.776
Phải thu ngắn hạn khác	27.084.150.106	24.084.150.106
Người mua trả tiền trước hạn	(4.289.870.521)	(8.381.167.812)
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	(21.290.000.000)	-

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	Năm 2022 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2022 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Chi phí lãi vay	1.418.644.660	824.227.032

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Trích):

	Năm 2022 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2022 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Chi phí lãi vay	1.418.644.660	824.227.032
Tăng, giảm các khoản phải thu	(3.014.172.732)	14.184.529.977
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	1.678.293.351	6.364.008.270
Tiền thu từ đi vay	129.828.967.515	108.538.967.515

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là để phân loại lại các số liệu nhằm phản ánh phù hợp hơn bản chất của các giao dịch vì Ban Giám đốc tin tưởng rằng việc phân loại lại sẽ cung cấp thông tin hữu ích hơn cho người đọc.

Việc phân loại lại này không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 đã báo cáo trước đây.

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2023 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.

Phê duyệt



Nguyễn An Thái
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Người lập



Dương Thị Ngọc Ngân
Kế toán trưởng



2023

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CTCP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Lâm Đồng, ngày 15 tháng 04 năm 2024

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



Lê Đình Hiên



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

 0263 3 554 022

 lbn@lbn-vn.vn